

PHẬT GIÁO và TỰ DO TƯ TƯỞNG
TK.Thích Quảng Bảo

---o0o---

Nguồn

<http://thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 26-7-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

ĐỨC PHẬT

ĐỨC PHẬT CÓ PHẢI LÀ SỰ HOÁ THÂN CỦA THẦN LINH, THƯỢNG ĐẾ?

SỰ PHỤC VỤ CỦA ĐỨC PHẬT CHO NHÂN LOẠI TRÊN THẾ GIỚI NÀY

NHỮNG BẢNG CHỨNG LỊCH SỬ VỀ ĐỨC PHẬT

PHẬT GIÁO LÀ MỘT HỌC THUYẾT HAY MỘT TRIẾT LÝ?

PHẬT GIÁO LÀ TÔN GIÁO BI QUAN, TIÊU CỰC?

CHIẾN TRANH VÀ HOÀ BÌNH THEO QUAN ĐIỂM PHẬT GIÁO?

CHÚNG TA CÓ THỂ BIỆN HỘ CHO CHIẾN TRANH?

NHU CẦU THỰC THI THÁI ĐỘ KHOAN DUNG ĐỐI VỚI THẾ GIỚI NGÀY NAY

CON NGƯỜI VÀ TÔN GIÁO

SỰ BÓP MÉO TÔN GIÁO

TÔN GIÁO ĐÚNG ĐẮN

SỰ PHÁT TRIỂN LUÂN LÝ ĐẠO ĐỨC & TÂM LINH

THAY ĐỔI NHÃN HIỆU TÔN GIÁO TRƯỚC LÚC LÂM CHUNG

TÔN GIÁO HIỆN ĐẠI

TÔN GIÁO CỦA TỰ DO

SỨ MỆNH CỦA NGƯỜI CON PHẬT

Ý NGHĨA CỦA GIÁC CHIÊM BAO

ĐẠO PHẬT CHO NHÂN LOẠI

NGƯỜI PHẬT TỬ CÓ SÙNG BÁI THẦN TƯỢNG HAY KHÔNG ?

NGUỒN GỐC CỦA TƯỢNG PHẬT

GIỚI TRÍ THỨC NGÀY NAY NÓI GÌ VỀ HÌNH ẢNH ĐỨC PHẬT

Ý NGHĨA CỦA VIỆC CẦU NGUYỆN

TRUYỀN THỐNG , PHONG TỤC VÀ LỄ HỘI

LỄ HỘI

QUAN NIỆM VỀ THẦN LINH, THƯỢNG ĐẾ

NIỀM TIN VÀO CÁC VỊ THẦN LINH

NGÕ TẮT ĐI ĐẾN THIÊN ĐƯỜNG

QUAN ĐIỂM CỦA PHẬT GIÁO VỀ HÔN NHÂN

VẤN ĐỀ LY HÔN

VẤN ĐỀ HẠN CHẾ SINH ĐẼ, PHÁ THAI & TỰ TỬ

TỰ TỬ

TẠI SAO DÂN SỐ THẾ GIỚI TĂNG?

ĐỊA VỊ CỦA NỮ GIỚI TRONG ĐẠO PHẬT

PHẬT GIÁO VÀ NHÀ TƯ TƯỞNG TỰ DO
TÔN GIÁO TRONG THỜI ĐẠI KHOA HỌC
TÔN GIÁO VÀ HẠNH PHÚC NHÂN LOẠI

---o0o---

ĐỨC PHẬT

Đức Phật là một chúng sanh duy nhất, đặc biệt Ngài là nhà tư tưởng uyên thâm nhất trong các tư tưởng gia, là người phát ngôn thuyết phục nhất trong các phát ngôn viên, nhà cải cách thành công nhất, vị đạo sư từ bi nhất và độ lượng nhất và là một nhà quản trị hữu hiệu nhất. Đặc trưng đáng chú ý nhất của Đức Phật là sự thanh tịnh và thánh thiện hoàn toàn của Ngài. Ngài quá thanh tịnh và quá thánh thiện đến mức độ mà Ngài phải được gọi là bậc thánh thiện nhất trong các bậc Thánh. Ngài là mẫu người hoàn hảo nhất, lý tưởng nhất về nhiều mặt, bất cứ ai tiếp xúc với ngài cũng đều công nhận sự vĩ đại không thể phủ nhận được và được ảnh hưởng sâu sắc bởi cá tính có sức hấp dẫn của Ngài.

Ý chí, trí tuệ, lòng từ bi, sự phục vụ, sự xuất thế, cuộc sống mẫu mực của Ngài, và sự thành công của Ngài - tất cả những yếu tố này góp phần hoan nghênh Đức Phật như một bậc đạo sư vĩ đại nhất trong lịch sử nhân loại. Đức Phật là người đầu tiên trên thế gian này lãnh một sứ mạng tích cực trong việc hoằng hóa độ sanh. Ngài du hành từ nơi này đến nơi khác trong 45 năm, truyền thuyết pháp cho cả dân chúng lẫn tầng lớp trí thức, vua chúa, quý tộc v.v... Mãi cho đến lúc sắp nhập Niết-bàn, Ngài đã phục vụ cho quần sanh bằng những tấm gương lẫn giới hạnh của Ngài. Những vị đệ tử xuất sắc của Ngài cũng hành động giống như những gì bậc đạo sư của họ đã làm. Thậm chí không một đồng xu dính túi - họ đã du hành khắp đó đây nhằm truyền bá giáo pháp của bậc đạo sư cho quần sanh mà không cầu mong được đền đáp lại bất kỳ điều gì.

“Hãy nỗ lực tinh tấn trên con đường hành đạo” là những lời di huấn cuối cùng của Đức Thích Tôn không có một sự giải thoát hay thanh tịnh hóa nào có thể đạt được mà không có một sự nỗ lực của từng cá nhân.

Những lời cầu nguyện và van xin để được ban phước không được chấp nhận trong đạo Phật và thay vào đó là hãy nỗ lực tu tập thiền định, đưa đến sự tự kiểm soát thân tâm, sự thanh tịnh và chứng đắc giác ngộ. Mục đích của sứ mệnh của Đức Phật là nhằm giải thoát chúng sanh khỏi khổ đau bằng cách đoạn tận nguyên nhân của khổ và thuyết giảng chánh đạo đưa đến sự chấm

dứt sanh tử nếu như những ai nỗ lực tu tập. Tuy nhiên nhân đây, Đức Phật cũng thuyết những bài pháp liên quan đến sự tiến bộ về đời sống vật chất. Sự tiến bộ cả về vật chất lẫn tinh thần thì rất cần thiết cho sự phát triển, thịnh vượng của một quốc gia. Vật chất không nên tách khỏi tinh thần, hoặc là sự tiến bộ về mặt vật chất cũng không nên đạt được bằng cách hy sinh sự tiến bộ về mặt tâm linh như đã được chứng kiến tại một số quốc gia đang trên đà phát triển cao về mặt vật chất trên thế giới hiện nay. Pandit Nehru, cựu thủ tướng Ấn Độ, thường liên hệ Đức Phật như là một người “con” vĩ đại nhất của đất nước Ấn Độ. Tiên sĩ S.Radhakrishnan một nhà lãnh đạo của Ấn Độ và cũng là một triết gia, khi "dâng hiến" những lời ca ngợi tán dương Đức Phật, đã phát biểu như sau:

“Trong Đức Phật Cồ Đàm, chúng ta có một người thông minh khác thường từ phương Đông độc nhất vô nhị, đối với sự ảnh hưởng trong tư tưởng và đời sống của nhân loại, và rất hiếm khi nhìn thấy những vị sáng lập các tôn giáo truyền thống có một sự thông thái và sâu sắc như Ngài. Ngài thuộc về vĩ nhân trong lịch sử tư tưởng nhân loại. Ngài là người thừa hưởng chúng của tất cả những con người học thức. Rõ ràng Đức Phật là một trong những nhân vật vĩ đại nhất trong lịch sử nhân loại”.

Trong tác phẩm “Ba nhân vật vĩ đại nhất trong lịch sử”, sử gia H.G.Wells viết như sau: “Trong Đức Phật chúng ta có thể nhìn thấy rõ ràng một con người rất giản dị, tận tâm, đơn độc tranh đấu cho sự giác ngộ chân lý - một tính cách, con người rất sinh động, chứ không phải là một huyền bí. Ngài giảng dạy những chân lý rất thiết thực trong cuộc sống. Nhiều ý tưởng hay nhất trong xã hội của chúng ta hiện nay cũng rất tương hợp, gần gũi với lời dạy của ngài. Ngài dạy, tất cả khổ đau và những sự bất mãn là do tính ích kỷ sinh ra. Trước khi một con người có thể trở thành thanh tịnh vắng lặng, anh ta không thể sống vì nhu cầu của chính bản thân. Thì sau đó, anh ta mới có thể trở thành một bậc vĩ nhân. Đức Phật cũng vậy, Ngài đã từ bỏ tất cả để sống một cuộc đời giản dị. Vì thế, xét về nhiều phương diện, Đức Phật rất là gần gũi với chúng ta và những nhu cầu của chúng ta.”

“Đức Phật thực sự là một con người nhưng con người này là thánh nhân. Là một vị Phật, ngài không phải tái sinh nhưng bằng hình thức thị hiện nơi cõi ta bà này để dẫn dắt chúng sanh tu hành giải thoát khỏi biển mê. Ngài thấy có những khả năng tiềm ẩn bên trong và năng lực sáng tạo của mỗi chúng sanh mà không cần đòi hỏi chính anh ta phải có một năng lực siêu nhiên nào đó. Ngài cũng khuyên chư đệ tử Ngài hãy thi đua với Ngài để chứng đạt

Phật quả, bởi vì hạt giống Phật có sẵn trong mọi người (nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh).”

Đức Phật được chư đệ tử Ngài tôn kính, đánh lễ như là một bậc thầy mô phạm tối thượng, nhưng Ngài không bao giờ được tôn sùng như là một vị Thượng đế, thần thánh để cầu mong được những ân huệ (sự ban ân) về mặt vật chất cũng như tinh thần Đức Phật để lại bất cứ gia sản nào cho những đệ tử của Ngài sau này thừa hưởng. Tuy nhiên, người ta nhận xét rằng không có một bậc thầy mô phạm nào mà quá vô thần giống như Đức Phật nhưng rất giống một bậc cứu thế.

Chính Bertrand Russell gọi Đức Phật là “một người vô thần vĩ đại nhất trong tất cả các thời đại”.

Nhưng chủ nghĩa vô thần ở đây không nên hiểu sai, hay đồng nghĩa với tinh thần phi tôn giáo. Để hình thành sự an lạc, hạnh phúc chân thật cho nhân loại, một bậc đạo sư thanh tịnh, giác ngộ thì tuyệt đối cần thiết trên thế giới suy đồi về mặt đạo đức này. Điều quan trọng không có niềm tin tín điều mù quáng hay lễ nghi tôn giáo có thể mang lại lợi lạc cho đại đa số, nhưng điều cần thiết là một cuộc sống thanh tịnh và hữu ích đầy tình thương, lý trí và sự công bằng dựa vào những nguyên tắc cao thượng của những bậc đạo sư khả kính.

Theo giáo sư Foad “vào thế kỷ thứ 6 trước Tây lịch tại Ấn Độ và Trung Hoa đã xuất hiện 3 vị Đạo sư vĩ đại. Các Ngài cố gắng giúp cho nhân loại hiểu được những gì quan trọng cần phải làm những gì chân chánh nhằm mang lại lợi ích cho tự thân và tha nhân. Đức Cồ Đàm là một trong những bậc Đạo sư quan trọng nhất trong số các ngài”.

Đức Phật nhấn mạnh tầm quan trọng của giới luật như là phương tiện để đạt cứu cánh, giải thoát. Ngài khuyên bảo rằng chúng ta phải suy nghĩ chân chánh dựa trên tinh thần vị tha, lòng từ, vô hại; chánh ngữ mới có thể khiến cho chúng ta kiểm soát được những lời nói ác ý của chúng ta; chánh nghiệp bằng cách tránh sát nhân hoặc các loại động vật, không trộm cắp bằng cách trực tiếp hay gián tiếp, không tà hạnh, và chánh mạng phải thoát khỏi sự bóc lột, biển thủ hay những phủ cách phi pháp khác nhằm làm giàu cho bản thân. Tất cả, những nguyên tắc trên hình thành nên cơ sở nền tảng luân lý, đạo đức.

Đức Phật gửi những bức thông điệp cao quý của Ngài về sự phục vụ vị tha, về nguyên tắc đạo đức, và lòng từ vô biên không chỉ riêng cho hàng quốc

vương hoàng tử, quý tộc, trưởng giả giàu sang mà còn cho tầng lớp nghèo, người hạ tiện thấp hèn cùng đỉnh. Ngài đã tạo ra những cơ hội bình đẳng cho tất cả chúng sanh, và đề cao địa vị của con người. Ngài tuyên bố rằng con đường đưa đến sự tụ tập phát triển tâm linh được mở rộng ra cho tất cả trong bất cứ điều kiện nào của cuộc sống cao thượng hay thấp hèn, thánh hay phàm, trong sạch hay tội lỗi, cho bất kỳ ai muốn hồi đầu, quy về với chánh pháp và tìm cầu sự hoàn hảo trong cuộc sống.

Mỗi ngày Đức Phật thuyết pháp cho cả hai giới xuất gia lẫn tại gia. Tuy nhiên, những gì Ngài dạy là một phần rất nhỏ so với những gì Ngài biết. Vào một dịp nọ, Ngài cầm một nắm lá trên tay và nói rằng những gì Ngài nói được so sánh với nắm lá trên tay của Ngài, và những gì Ngài không nói được so sánh như toàn bộ lượng lá trong một ngôi rừng. Ngài chỉ nói những gì được xem là cần thiết cho sự giải thoát của chúng ta.

Trong cuộc hành trình hằng ngày của Ngài, Ngài tiếp xúc với những cá nhân cần sự giúp đỡ của Ngài; Ngài hướng dẫn và khuyên bảo hàng đệ tử xuất gia của Ngài và Ngài thậm chí còn thuyết pháp cho hàng chư thiên (devas). Ngài nói pháp cho dân chúng và các giai tầng khác nhau trong xã hội, bao gồm vua chúa, quý tộc, trí thức v.v... Lời dạy của Ngài thực sự chứa đựng “bầu sữa tươi mát” cho “những em bé” và “miếng thịt” ngon cho người lớn. Trước khi Ngài thuyết pháp, Đức Phật đảm bảo chắc chắn rằng sự đói khát cần được cung cấp nguồn sống, như thức ăn cho cơ thể cũng rất cần thiết cho nguồn thức ăn tinh thần. Ngài chăm sóc chu đáo người bệnh bằng đôi bàn tay của chính mình và Ngài tuyên bố rằng: “Những ai chăm sóc chu đáo bệnh nhân cũng là chăm sóc chu đáo chính Ngài”.

Đức Phật xóa bỏ các giai tầng trong xã hội bằng cách mở ra cánh cửa Tăng đoàn cho tất cả các cá nhân khác nhau, không phân biệt tầng lớp giai cấp. Sự phân biệt duy nhất là việc phân chia cấp bậc trong việc lãnh thọ giới pháp như sadi (Samanera - 10 giới) Tỳ-kheo (250 giới) và sự chứng đắc dần dần của 4 quả vị thánh. Thậm chí sự thành lập Giáo hội Tăng đoàn cũng mang tính cách rất là dân chủ bình đẳng. Liên hệ đến vấn đề này, Lord Zetland phát biểu: “Và có thể xảy ra một điều rất ngạc nhiên đối với mọi người khi biết rằng trong sự hình thành giáo hội Tăng đoàn của Đức Phật tại Ấn Độ cách đây hơn 2500 năm được tìm thấy những nguyên lý cơ bản của việc thực thi hệ thống quốc hội của xã hội chúng ta ngày nay”.

Tương tự như vậy, lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại Đức Thế Tôn đã thành lập địa vị tôn giáo cho nữ giới - sự ra đời giáo hội Tỳ-kheo ni - mở ra

một khuynh hướng mới cho tất cả nữ giới bị khinh miệt, đày đọa trong xã hội Ấn Độ lúc bấy giờ. Do đó, Ngài cũng tạo ra sự bình đẳng cho địa vị nữ giới đối với sự tu tập đời sống tâm linh của họ. Đức Phật cũng là người đầu tiên được biết đến trong lịch sử bằng mọi nỗ lực nhằm xóa bỏ giai cấp nô lệ bằng cách đưa ra khái niệm về tình huynh đệ và chân giá trị của con người. Đức Phật phản bác sự giết chóc các loài động vật không may mắn để cúng tế thần linh, và mang lại tình thương cho chúng. Một Phật tử chân chánh nên thực hành lòng từ hướng đến tất cả chúng sanh, không phân biệt bất cứ chủng loại nào.

Chính lòng từ hình thành nên nền tảng cho tình huynh đệ của những quốc gia hoặc là một tình bạn hữu giữa các tôn giáo nhằm xóa bỏ tất cả các hàng rào ngăn cách chia rẽ giữa quốc gia này với quốc gia khác, giữa tôn giáo này với tôn giáo khác. Nếu những người tôn sùng nhiều niềm tin khác nhau không thể hoặc sẽ không có cùng chung một sân ga như tình huynh đệ, anh chị em v.v... chỉ vì họ thuộc những tôn giáo khác nhau thì chắc chắn rằng những vị đạo sư cao quý sẽ thất bại trong sứ mệnh của các Ngài vì sự nghiệp hoằng hóa độ sanh.

Đức Phật là một người hoàn toàn khoan dung độ lượng. Sự khoan dung độ lượng là kẻ thù vĩ đại nhất của tôn giáo. Do đó, Đức Phật khuyên các đệ tử Ngài không nên giận dữ, bất mãn và thậm chí không vui vẻ khi những người khác nói xấu Ngài, chê bai phỉ báng những lời dạy của Ngài và các đệ tử Ngài. Đức Phật dạy: “Nếu các vị tỏ ra không vui vẻ, hài lòng, thì các vị sẽ không chỉ thiêu đốt tất cả các công đức mình đã tụ tập khi nay, mà các vị còn không thể phán đoán suy xét liệu những điều họ nói là đúng hay sai.” Tiến sĩ S. Radhakrishnan đã phát biểu: “Một chúng sanh đã hoàn toàn giác ngộ, thậm chí sau 2500 năm của sự giác ngộ.”

Đức Phật không thuyết giáo điều buộc người ta phải tin một cách mù quáng, không có tín ngưỡng hay niềm tin mà buộc người ta phải chấp nhận mà không có lý trí suy xét, không có lễ nghi hình thức, mê tín dị đoan được quan sát để chính thức gia nhập đạo, và không có những nghi thức tế lễ thần linh và sự tự hành để chuộc lấy tội lỗi cho sự thanh tịnh hóa thân và tâm. Đức Phật trình bày những chân lý hết sức đơn giản cho đại đa số và một nền triết lý hết sức thâm thâm vị diệu cho tầng lớp trí thức.

Ngài khuyên những người tìm cầu chân lý không nên chấp nhận bất cứ điều gì vì quyền uy của kẻ khác, nhưng hãy chấp nhận chúng khi đã xem xét kỹ lưỡng, và nên phán xét liệu điều đó đúng hay sai.

Trong suốt cuộc đời thuyết pháp độ sanh của Ngài cách đây hơn 2500 năm, không có một giọt máu nào rơi xuống đất trong sự nghiệp truyền bá chánh pháp, và không có một sự cảm hóa nào được thực thi bằng những biện pháp ép buộc và bạo lực. Nhưng Đức Phật là người truyền giáo đầu tiên và vĩ đại nhất đã từng hiện hữu trên cõi đời này.

Những lời dạy thâm thâm vi diệu của Ngài đã lan tỏa và đang tiếp tục trên con đường lan tỏa khắp hầu hết các quốc gia trên toàn thế giới bởi vì tính phổ quát, khoan dung độ lượng, dù là thời đại khoa học kỹ thuật cao như hiện nay. Giáo pháp của Đức Phật đã đóng góp to lớn cho sự phát triển, thăng hóa về mặt văn hóa của nhiều quốc gia Á châu. Trên thực tế đã chứng minh rằng tất cả các quốc gia mà Phật giáo làm quốc giáo đã trưởng thành trong các nôi của Phật giáo.

Nhiều quốc gia đã ra đời và biến đi, nhiều triều đại được hình thành trên cơ sở quyền năng và thế lực đã thịnh và suy, nhưng triều đại Phật pháp do Đức Phật sáng lập dựa trên tình thương, lòng từ và lý trí vẫn đang thịnh hành và sẽ tiếp tục thịnh hành.

---o0o---

ĐỨC PHẬT CÓ PHẢI LÀ SỰ HOÁ THÂN CỦA THẦN LINH, THƯỢNG ĐẾ?

Đức Phật không bao giờ tuyên bố Ngài là con hay sứ giả của thần linh Thượng đế.

Đức Phật là một chúng sanh độc nhất đã phấn đấu cho quả vị tự giác ngộ vô thượng. Không có một ai mà ngài xem như là bậc đạo sư của mình. Nhờ vào những nỗ lực cá nhân, Ngài tu tập hạnh Thập độ ba la mật: Bố thí, trì giới, tinh tấn, nhẫn nhục, trí tuệ, kiên định, từ tâm, xuất ly, chân thật và xả. Thông qua sự thanh tịnh tâm thức, ngài đã mở những cánh cửa đưa đến tất cả các tri kiến. Ngài chứng biết tất cả các pháp được biết, tu tập tất cả những pháp môn được tu tập và đoạn trừ tất cả các lậu hoặc phải được đoạn trừ. Thật vậy, trên cuộc đời này không có một bậc đạo sư nào có thể so sánh tương xứng với Ngài xét về lĩnh vực tu tập và chứng đắc quả vị.

Ngài quá đặc biệt và bức thông điệp của Ngài quá chiếu sáng đến mức độ nhiều người thắc mắc không biết Ngài là gì chứ không thắc mắc nhiều về Ngài là ai? Những câu hỏi về Ngài là ai liên quan đến danh xưng, tuổi tác, nguồn gốc xuất thân, tổ tiên v.v...trong khi đó câu hỏi Ngài là gì liên quan

đến địa vị của con người mà Ngài được tôn xưng. Ngài quá ‘thần thánh’ và cảm kích đến nỗi ngay cả vào thời Ngài, có nhiều người đã toan phong Ngài lên như là thượng đế hoặc là sự hoá thân của thượng đế. Ngài không bao giờ đồng ý với sự tấn phong như thế. Trong kinh Tăng Chi Bộ, Ngài nói: “Quả thực Như Lai không phải là một thiên thần, không phải là một Càn-thát-bà, chẳng phải là quỷ thần, cũng chẳng phải là người. Hãy biết rằng Như Lai là một vị Phật”. Sau khi giác ngộ, Đức Phật không thể được phân loại như là một chúng sanh bình thường như mọi chúng sanh khác bởi lý do Ngài đã là một vị Phật, một chủng tộc đặc biệt hoặc là một loài chúng sanh đã giác ngộ. Tất cả các Ngài đều là Phật.

Đôi lúc chư Phật thị hiện nơi cõi đời này, song có một số người đã nhầm lẫn ý kiến cho rằng đó là một vị Phật tương tự đã được hoá thân hoặc là xuất hiện trên cõi đời này nhiều lần. Trên thực tế, không chỉ có một Đức Phật duy nhất mà có vô lượng vô biên Đức Phật, nếu không thì không một ai có hy vọng chứng được quả vị Phật. Người Phật tử tin rằng tất cả mọi người đều có thể thành Phật nếu vị ấy tu tập những phẩm hạnh thành tựu và có thể đoạn trừ hoàn toàn những gốc rễ của vô minh nhờ vào những nỗ lực của tự thân. Sau khi giác ngộ, tất cả chư Phật đều như nhau xét về phương diện chứng đắc và kinh nghiệm Niết-bàn.

Tại Ấn Độ, tín đồ của nhiều nhóm tôn giáo chính thống đã tìm đủ mọi phương cách để chỉ trích Đức Phật bởi vì chính giáo lý khai phóng của Ngài đã cách mạng hoá xã hội Ấn Độ thời bấy giờ. Nhiều người xem Ngài như là kẻ thù không đội trời chung trong khi số học thức ngày càng tăng cũng như nhiều người thuộc nhiều giai tầng khác nhau trong xã hội quy y tôn giáo của Ngài. Khi những người này thất bại trong sứ mệnh tiêu diệt Ngài, thì họ thay đổi chiến lược và gán cho Ngài với danh hiệu là hoá thân của một trong những vị thần linh của tôn giáo họ. Bằng cách này họ có thể hấp thụ Phật giáo vào tôn giáo của họ. Ở một mức độ nào đó, chiến lược này có thể thành công tại Ấn Độ bởi vì qua nhiều thế kỷ nó đã góp phần cho việc làm suy tàn Phật giáo và hậu quả là nhờ tận gốc rễ Phật giáo khỏi mảnh đất thiêng liêng đã sinh ra Phật giáo.

Ngay cả thế giới hiện nay, có một số nhà lãnh đạo tôn giáo đã tìm mọi phương cách nhằm hấp thụ Đức Phật vào tín ngưỡng của họ với mục đích thu hút được tín đồ Phật giáo theo đạo của họ. Lý do cơ bản khiến họ làm như vậy là vì bằng cách tuyên thuyết rằng chính Đức Phật đã tiên đoán rằng một vị Phật khác sẽ xuất hiện trên cõi đời này và vị Phật sau cùng sẽ trở nên phổ quát hơn. Một nhóm người đã phong cho một vị đạo sư đã trú vào

khoảng thời gian 600 năm sau khi Đức Phật Cồ Đàm nhập diệt là vị Phật sau cùng. Một nhóm khác lại cho rằng Đức Phật tiếp theo đã đến Nhật Bản vào thế kỷ 13. Song có một nhóm khác lại tin rằng bậc sáng lập tôn giáo của họ đã xuất thân từ một dòng của những bậc đạo sư vĩ đại (như Đức Phật Cồ Đàm và chúa Giê su) và cho rằng bậc đạo sư đó là Đức Phật sau cùng. Những nhóm tín đồ này khuyên giới Phật tử nên từ bỏ Đức Phật cổ xưa của mình và nên tôn thờ một Đức Phật được gọi là mới xuất hiện này. Mặc dầu việc họ đã đặt Đức Phật ngang hàng với địa vị Bậc đạo sư của họ cũng là một việc làm tốt đẹp, song chúng ta cảm thấy rằng những nỗ lực nhằm thu hút người Phật tử vào tôn giáo của họ bằng cách giải thích sai lệch chân lý quả thật là một việc làm vô cùng xúc phạm.

Những kẻ cho rằng Đức Phật mới đã ra đời rõ ràng là xuyên tạc những gì Đức Phật đã dạy. Mặc dù Đức Phật tiên đoán sự xuất hiện của Đức Phật vị lai, song Ngài đã đề cập một số điều kiện cần phải được đáp ứng trước khi sự kiện này có thể xảy ra. Đó là bản chất tự nhiên của quả vị Phật mà Đức Phật trong tương lai sẽ không thị hiện mãi cho đến khi nào thọ mạng của Đức Phật hiện tại vẫn còn trên thế gian này. Ngài sẽ thị hiện chỉ khi Pháp Tứ Thánh đế và Bát Chánh đạo hoàn toàn bị lãng quên. Con người sống lúc bấy giờ sẽ được hướng dẫn đúng cách để hiểu được chân lý tương tự do chư Phật trong quá khứ thuyết giảng. Chúng ta hiện đang sống trong thọ mạng của Đức Phật Cồ Đàm. Mặc dù giới hạnh của con người, với một số trường hợp ngoại lệ, đã bị suy đồi, Đức Phật vị lai sẽ chỉ thị hiện ở một thời điểm không thể tính toán được khi mà loài người hoàn toàn bị lạc trên con đường đưa đến Niết-bàn và lúc mà nhân loại đang sẵn sàng chào đón Ngài.

---o0o---

SỰ PHỤC VỤ CỦA ĐỨC PHẬT CHO NHÂN LOẠI TRÊN THẾ GIỚI NÀY

Đức Phật thị hiện nơi cuộc đời này nhằm mục đích xua tan cái bóng tối của vô minh và chỉ cho nhân loại con đường đi đến sự đoạn tận của khổ đau.

Đức Phật là sự hiện thân của tất cả những phẩm hạnh do Ngài thuyết giảng. Trong suốt 45 năm thực hiện thành công sứ mệnh và để lại những sự kiện quan trọng của Ngài, Ngài đã chuyển dịch tất cả những ngôn từ, lời nói của Ngài thành những hành động cụ thể thiết thực. Không có lúc nào mà Ngài không chỉ ra sự yếu đuối và nỗi đam mê thấp hèn của con người. Giới hạnh của Đức Phật là tấm gương hoàn hảo nhất mà thế gian đã từng chứng kiến.

Hơn 25 thế kỷ, hàng triệu con người đã tìm thấy nguồn cảm hứng và sự khuây khoả nơi giáo lý của Ngài. Sự vĩ đại của Ngài vẫn còn toả sáng mãi cho đến ngày nay giống như mặt trời chói sáng rực rỡ hơn ánh sáng mờ đục của những vật sáng kém hơn. Giáo pháp của Ngài vẫn vẫy tay mời gọi phái đoàn hành hương mệt lã người đến nơi an toàn và cảnh giới an lạc của Niết-bàn. Không có một nhân vật nào ngoài Ngài đã hy sinh quá nhiều những thú vui vật chất của mình vì nỗi khổ đau của nhân loại.

Đức Phật là bậc đạo sư đầu tiên trong lịch sử nhân loại khiển trách và chống lại nghi thức tế lễ động vật cho quý thân vì bất cứ một lý do nào khác và kêu gọi nhân loại không nên làm hại các loài sinh vật sống.

Đối với Đức Phật, tôn giáo không phải là một sự giao kèo trong mua bán mà là một con đường đưa đến sự giác ngộ. Ngài không muốn chur đệ tử Ngài tin một cách mù quáng mà Ngài muốn họ hãy suy nghĩ một cách tự do và thông thái.

Toàn thể nhân loại trên thế gian này được ban phước bằng sự hiện hữu của Ngài.

Chưa từng có khi nào Đức Phật bày tỏ thái độ không thân thiện đối với một ai. Thậm chí đối với những địch thủ và kẻ thù xấu xa nhất của Ngài, Ngài cũng không bày tỏ thái độ không thân thiện đối với họ. Có một vài người mang đầu óc thành kiến muốn chống đối lại Ngài và tìm mọi cách giết hại Ngài; song Đức Phật không bao giờ đối xử với họ như là kẻ thù. Có một lần Đức Phật nói:

“Ta như voi giữa trận,
Hứng chịu cung tên rơi,
Chịu đựng mọi phỉ báng,
Ác giới rất nhiều người”.
(Pháp cú - 320)

Trong biên niên sử thế giới, chưa có một nhân vật nào có thể được công nhận là đã tự hiến dâng quá nhiều cho những lợi ích của chúng sanh như Đức Phật đã làm. Ngay từ giây phút giác ngộ cho đến lúc nhập diệt, Ngài phấn đấu không biết mệt mỏi để nâng cao địa vị con người. Ngài chỉ dành hai tiếng đồng hồ trong một ngày cho việc ngủ nghỉ của mình. Mặc dù 25 thế kỷ đã trôi qua kể từ khi bậc đạo sư vĩ đại này đã nhập diệt, song thông điệp về tình thương và trí tuệ của Ngài vẫn còn hiện hữu trong hình thức thuần khiết tinh khôi. Thông điệp này vẫn có ảnh hưởng quan trọng đối với

vận mệnh của nhân loại. Ngài là bậc thầy từ bi nhất đã làm toả sáng thế gian này bằng tình thương và lòng nhân từ.

Sau khi nhập Niết-bàn, Đức Phật đã để lại một bức thông điệp bất tử vẫn còn giá trị đối với chúng ta. Ngày nay, chúng ta phải đương đầu với một sự đe dọa kinh hoàng về nền hoà bình của thế giới. Không có thời điểm nào trong lịch sử thế giới mà bức thông điệp của Ngài lại cần thiết hơn như hiện nay.

Đức Phật thị hiện nơi cõi đời này nhằm mục đích xua tan đi cái bóng tối của vô minh và chỉ cho nhân loại cách chấm dứt khổ đau và bệnh tật, già và chết và tất cả những nỗi lo lắng và khổ sở của kiếp sống nhân sinh.

Theo một số tôn giáo, một số vị thần linh thanh thoả sẽ xuất hiện trên cõi đời này để tiêu diệt những con người ác độc và che chở cho những con người lương thiện. Ngược lại, Đức Phật không thị hiện trên cõi đời này để tiêu diệt những kẻ ác mà là để chỉ cho họ con đường đi đúng đắn.

Trong lịch sử thế giới mãi cho đến thời kỳ Đức Phật, chúng ta đã từng nghe bất cứ một vị đạo sư nào có tấm lòng chan chứa tình yêu thương và nỗi cảm thông đối với nỗi khổ đau của nhân loại như Đức Phật chăng? Đồng thời với Đức Phật, chúng ta nghe một số triết gia thông thái tại Hy Lạp như: Socrates, Plato và Aristote và nhiều nhà hiền triết khác, song họ chỉ là những triết gia, những nhà tư tưởng và những nhà đi tìm chân lý; họ thiếu đi tình yêu thương cảm kích đối với nỗi khổ đau của nhân loại.

Con đường cứu độ nhân loại của Đức Phật là dạy cho họ cách làm thế nào để tìm được sự giải thoát, an lạc. Ngài không quan tâm đến việc làm dịu một vài trường hợp liên quan đến chứng bệnh về thân và tâm. Ngài quan tâm nhiều hơn với việc tiết lộ con đường mà tất cả mọi người có thể đi theo.

Chúng ta hãy đem tất cả những triết gia, tâm lý gia, khoa học gia, nhà duy lý, những nhà cải cách xã hội, những tư tưởng gia vĩ đại và những vị đạo sư của các tôn giáo khác, với một tinh thần không thiên vị, so sánh sự vĩ đại, đức hạnh, tinh thần phục vụ và trí tuệ của chư vị đối với đức hạnh, lòng từ bi và sự giác ngộ của Đức Phật. Chúng ta có thể hiểu được địa vị của Đức Phật đứng ở đâu trong số tất cả những bậc vĩ nhân này.

NHỮNG BẰNG CHỨNG LỊCH SỬ VỀ ĐỨC PHẬT

Đức Phật là người chinh phục vĩ đại nhất mà thế giới đã từng chứng kiến. Giáo lý của Ngài tỏa sáng con đường hướng dẫn nhân loại vượt qua từ một thế giới đen tối, vô minh, hận thù và khổ đau sang một thế giới của ánh sáng, tình thương và hạnh phúc.

Đức Phật Cồ Đàm không phải là một nhân vật huyền thoại mà là một nhân vật có thực trong lịch sử nhân loại, người đã khai sáng một tôn giáo mà chúng ta biết đến ngày nay-Phật giáo. Những bằng chứng để chứng minh sự hiện hữu của bậc đạo sư vĩ đại này được tìm thấy trong những sự kiện sau đây:

1. Những bằng chứng về những người biết đến đích thân Ngài. Những bằng chứng này được khắc ghi trong những bia ký bằng đá, những trụ đá và những tháp được dựng lên để tôn kính Ngài và tưởng nhớ Ngài. Những bằng chứng và những khu tưởng niệm này để tưởng nhớ Ngài được tạo dựng bởi các bậc vua chúa và một số người khác rất gần thời đại của Ngài để mà họ có thể kiểm chứng câu chuyện về cuộc đời của Ngài.

2. Việc khám phá những nơi thánh tích và những di sản về đền đài được đề cập đến trong những chuyện kể về thời đại của Ngài.

3. Tăng già, đoàn thể thánh thiện mà Ngài đã thành lập, vẫn được duy trì không bị gián đoạn cho đến ngày nay. Tăng đoàn có những sự kiện về cuộc đời Ngài và những lời dạy của Ngài đã được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác tại hầu hết mọi vùng trên khắp thế giới.

4. Sự kiện rằng chính vào năm Ngài nhập Niết-bàn và những thời kỳ sau này, những cuộc đại hội và kết tập kinh điển của Tăng già được tổ chức nhằm mục đích xác chứng giáo lý thực sự của bậc đạo sư sáng lập. Những cuộc kết tập và đại hội này chứng minh rằng giáo lý của Ngài đã được truyền từ người thầy sang cho chư vị đệ tử Ngài từ thời đại của Ngài cho đến ngày nay.

5. Sau khi Ngài nhập diệt, nhục thân của Ngài được trà tỳ và những viên xá lợi được phân chia cho tám vương quốc tại Ấn Độ đương thời. Mỗi vị quốc vương xây một ngọn tháp để tôn thờ phần xá lợi được phân chia. Phần xá lợi được chia cho vua Ajata Sattu được nhà vua tôn thờ trong một ngôi bảo tháp tại Rajagriha. Gần 2 thế kỷ sau này, hoàng đế A dục đem những viên xá lợi này và phân chia khắp cả nước. Những bia ký được tôn thờ trong này

và những bảo tháp khác khẳng định rằng đây là những viên xá lợi của Đức Phật Cồ Đàm.

6. Bộ “Mahavansa”, một bộ sách đáng tin cậy nhất và cổ xưa nhất trong lịch sử mà chúng ta biết đến ngày nay cung cấp cho chúng ta những sự kiện chi tiết về cuộc đời cũng như những chi tiết về cuộc đời của đại đế A dục và tất cả những triều đại khác liên quan đến lịch sử Phật giáo. Lịch sử Ấn Độ cũng dành những trang sử vàng son viết về cuộc đời, sự hoàng hoá, sự phục vụ của Đức Phật và những phong tục văn hoá truyền thống Phật giáo.

7. Vài trăm năm sau khi Đức Phật nhập diệt, chúng ta có thể tìm thấy những bằng chứng, sử sách được ghi nhận ở những quốc gia Phật giáo như Tích Lan, Việt Nam, Miến Điện, Trung Quốc, Tây Tạng, Nepal, Hàn Quốc, Mông Cổ, Nhật Bản, Thái Lan, Campuchia và Lào đã chứng tỏ những bằng chứng nguyên vẹn về mặt văn hoá, lịch sử, tôn giáo, văn chương, và truyền thống phong tục không có một Bậc đạo sư nào tại Ấn Độ được mọi người biết đến như Đức Phật Cồ Đàm.

8. Tam Tạng Thánh điển, một bộ sưu tập những lời dạy trong 45 năm thuyết giảng của Ngài đủ để chứng minh rằng Đức Phật là một nhân vật lịch sử đã thật sự hiện hữu trên cõi đời này.

9. Tính chính xác và thiết thực của hệ thống Kinh điển Phật giáo được hỗ trợ bằng sự kiện rằng những nguồn tư liệu từ hệ thống kinh điển này cung cấp những thông tin cho những nhà sử học Ấn Độ viết về lịch sử Ấn Độ trong giai đoạn lịch sử thế kỷ thứ 5 và 6 trước Tây lịch. Những bản kinh điển, tiêu biểu là những bản kinh được viết tại Ấn Độ vào thời kỳ sớm nhất có độ tin cậy cao, cung cấp một nguồn tri thức thâm uyên cho những điều kiện và môi trường xã hội, kinh tế, văn hóa và chính trị trong suốt cuộc đời hành đạo của Đức Phật cũng như cuộc đời của những vị vua đương thời với Ngài như vua Bình Sa (Bimbisara).

---o0o---

PHẬT GIÁO LÀ MỘT HỌC THUYẾT HAY MỘT TRIẾT LÝ?

Sự giác ngộ của Đức Phật không phải là sản phẩm của một tri thức thuần túy.

Xã hội Ấn Độ thời Đức Phật tại thế, có nhiều người có học thức theo đuổi tri thức chỉ đơn giản phục vụ cho nhu cầu lợi ích của riêng họ. Những người

này chất chứa trong họ đầy những kiến thức lý thuyết. Thực tế, một vài vị trong số họ du hành từ thành này sang thành khác thách thức mọi người tranh luận và sự cảm xúc kích động lớn nhất của họ là đánh bại đối phương trong những đợt tranh luận bằng miệng như thế. Song Đức Phật dạy rằng những hạng người như thế thì không gần với sự giác ngộ chân lý bởi vì mặc sự thông minh sáng suốt và tri kiến của họ họ không có chân trí tuệ để điều phục tham lam, sân hận, si mê. Trong thực tế, những người này thường rất tự hào và vô minh. Những quan niệm về bản ngã của họ làm quấy nhiễu cái không khí tôn giáo.

Theo Đức Phật, con người ta trước hết phải tìm hiểu được nguồn tâm của chính mình. Điều này được thực hiện thông qua sự tu tập định, mà chính nhờ định con người ta mới có được nguồn trí tuệ uyên thâm bên trong hoặc là sự giác ngộ thâm uyên. Và nguồn trí tuệ này đạt được không phải bằng con đường tranh biện triết lý hoặc là tri thức thể gian mà là bằng con đường nhận thức yên lặng về bản chất vô minh của tự ngã.

Phật giáo là một triết lý sống chân chánh nhằm mang lại một cuộc sống hòa bình và an lạc, hạnh phúc cho mỗi chúng sinh hiện hữu trên cuộc đời này. Phật giáo là một phương pháp đoạn trừ những khổ đau trong cuộc sống và tìm ra con đường giải thoát, giác ngộ. Giáo lý của Đức Phật không chỉ hạn hẹp trong một phạm vi quốc gia hay chủng tộc nào. Đó cũng không phải là một tín ngưỡng hay là một niềm tin suông. Đó là một lời dạy cho toàn thể vũ trụ. Đó là một hệ thống giáo lý dành cho tất cả mọi thời đại. Mục đích của những lời dạy ấy là nhằm phục vụ với tinh thần vị tha, vô ngã, thiện chí, hòa bình, giải thoát, tự do khỏi tất cả những khổ đau của cuộc đời.

Giải thoát, tự do trong Phật giáo là để phục vụ cho lợi ích của cá nhân. Chúng ta phải tự cứu lấy chính bản thân mình cũng như chúng ta phải ăn, uống và ngủ nghỉ cho chính bản thân. Lời khuyên được Đức Phật đưa ra nhằm chỉ cho nhân loại con đường hướng đến sự giải thoát; chứ Đức Phật không bao giờ dự định đưa ra những lời khuyên nhằm lấy đó xây dựng nên một hệ thống học thuyết hay là một triết lý. Khi Ngài được mọi người hỏi đến hệ thống học thuyết nào Ngài thuyết giảng, Đức Phật đáp lại rằng Ngài không thuyết giảng bất cứ hệ thống học thuyết nào và bất cứ những điều Ngài thuyết giảng là kết quả của những kinh nghiệm mà chính bản thân Ngài đã kinh qua. Do đó, giáo lý của Ngài không đưa ra một hệ thống học thuyết nào cả. Học thuyết không thể mang con người tiến lại gần sự hoàn thiện về mặt tâm linh. Những học thuyết chính là những kiết sử trói buộc tâm thức con người và cản trở sự tiến bộ về mặt tâm linh. Đức Phật nói: “Những bậc

trí không tin vào những học thuyết đã được thông qua. Họ chỉ tin vào những gì đã kinh qua mà bản thân họ đã thấy và nghe”.

Những học thuyết là sản phẩm của trí thức và Đức Phật hiểu được những sự hạn chế của trí thức nhân loại. Ngài dạy rằng sự giác ngộ không phải là sản phẩm của trí thức. Người ta không thể đạt được sự giải thoát bằng cách tham gia vào một khóa học cung cấp trí thức. Lời phát biểu này dường như phi lý song đó là chân lý. Giới trí thức có khuynh hướng bỏ ra nhiều thời gian quý giá của mình cho việc nghiên cứu, cho những phân tích nghiên cứu và dự kiến. Họ thường dành rất ít hoặc không có thời gian cho việc hành trì.

Một tư tưởng gia vĩ đại (một triết gia, khoa học gia, siêu hình học gia v.v...) cũng có thể hóa ra là một người trí thức ngu muội. Vị ấy có thể là một con người không lờ về trí thức, có khả năng cảm nhận những ý kiến một cách nhanh nhẹn và bày tỏ những cảm xúc rõ ràng. Nhưng nếu vị ấy không chú ý đến hành động của mình và những hậu quả của nó và nếu vị ấy chỉ hướng đến việc thành đạt những ham muốn và ý định của bản thân mình dù bất cứ giá nào thì lúc đó, theo Đức Phật, vị ấy là một con người trí ngu muội, một con người cấp dưới có trí thức. Một con người như thế sẽ thực sự ngăn cản sự tiến bộ về mặt tâm linh của vị ấy.

Những lời dạy của Đức Phật bao hàm nguồn trí tuệ thiết thực không thể bị hạn cuộc trong một học thuyết hay một triết thuyết nào bởi vì triết lý đề cập chủ yếu đến vấn đề trí thức chứ nó không quan tâm đến vấn đề chuyển dịch trí thức thành những hành động được hành trì hằng ngày trong cuộc sống.

Phật giáo chú trọng đến việc hành trì và giác ngộ. Triết gia có thể nhìn thấy những khổ đau và những thất vọng của cuộc đời song không giống như Đức Phật, ông ta không đưa ra những giải pháp thiết thực nhằm vượt qua những khổ đau của chúng ta vốn là một phần của bản chất vô thường của cuộc đời. Triết gia chỉ đẩy những tư duy của mình đến chỗ bế tắc. Triết lý thì hữu dụng bởi vì nó làm giàu và phong phú thêm sự tưởng tượng về mặt trí thức và xua tan lòng tự tin mang tính giáo điều khiến cho tâm không thể tiến bộ xa hơn nữa. Xét đến mức độ đó, Phật giáo đánh giá cao triết học, song triết học đã thất bại trong việc làm dịu đi cơn khát tâm linh.

Nên nhớ rằng mục đích chính yếu của Phật giáo là đạt được sự thanh tịnh và giác ngộ. Sự giác ngộ đánh bại sự vô minh vốn là cội nguồn của sanh tử. Tuy nhiên, sự đánh bại vô minh này không thể đạt được ngoại trừ chỉ bằng tu tập lòng can đảm tự tin của chính chúng ta. Tất cả mọi nỗ lực khác, đặc

biệt những nỗ lực chỉ thiên về mặt tri thức thì không có hiệu quả. Đây là lý do tại sao Đức Phật kết luận: “Những câu hỏi siêu hình này không mang lại lợi ích, chúng không liên quan đến Chánh pháp; chúng không đưa đến chánh hạnh, hoặc là ly tham, hoặc là sự thanh tịnh không có các tham ái, không đưa đến sự tĩnh lặng, không đưa đến tri kiến chân thật, cũng không đưa đến trí tuệ cao hơn, Niết-bàn”. (Trung Bộ Kinh-Kinh Malunkya-putta). Trong lĩnh vực suy cứu siêu hình học, Đức Phật quan tâm nhiều hơn đến một giáo lý chứa đựng một sự hiểu biết thiết thực về Bốn Chân Lý (Tứ Thánh Đế) mà Ngài đã khám phá ra: đó là khổ đau là gì, nguồn gốc của khổ đau là gì, sự đoạn tận của khổ đau là gì và làm thế nào để vượt qua khổ đau và chứng đắc sự giác ngộ cuối cùng. Những chân lý này là những vấn đề thực tế phải được liễu tri hoàn toàn và chứng đắc hoàn toàn bởi những ai thực sự kinh qua sự giải thoát, giác ngộ.

Giác ngộ là sự chấm dứt, xoá sạch gốc rễ của vô minh; đó là một lý tưởng sống của người Phật tử. Hiện nay chúng ta có thể chứng kiến rõ ràng rằng sự giác ngộ không phải là một hành động mang bản chất tri thức. Thái độ chỉ suy cứu, tư biện trái ngược với sự giác ngộ và không có sự quan hệ gần gũi thân tình với cuộc sống. Đây là lý do lý giải tại sao Đức Phật chú trọng nhiều hơn đến kinh nghiệm cá nhân. Thiền định là một hệ thống khoa học thực tiễn để chứng minh Chân lý có được nhờ vào kinh nghiệm bản thân. Nhờ thiền định, ý chí cố gắng vượt khỏi những điều kiện mà nó đã đặt lên tự ngã và đây là sự giác ngộ của ý thức. Siêu hình học chỉ trói buộc chúng ta trong một khối tư tưởng và ngôn từ rối rắm và lộn xộn.

---o0o---

PHẬT GIÁO LÀ TÔN GIÁO BI QUAN, TIÊU CỰC?

Phật giáo không bi quan cũng không lạc quan mà Phật giáo là một tôn giáo thiết thực.

Có một số nhà phê bình cho rằng Phật giáo là tôn giáo bệnh hoạn, u sầu, yếm thế, luẩn quẩn xung quanh mặt đen tối và bóng râm của cuộc đời, một kẻ thù của những thú vui vô tội, và là một kẻ giẫm đạp không có cảm giác lên những niềm vui ngây ngô của cuộc đời. Họ cảm thấy Phật giáo như là một tôn giáo bi quan, như là một sự nuôi dưỡng một thái độ tuyệt vọng đối với cuộc đời, là một sự khích lệ mang tính mơ hồ, một cảm giác tổng quan rằng khổ đau và tội lỗi ngự trị trong những lợi ích của con người. Những nhà chỉ trích này căn cứ quan điểm của họ trên Chân lý thứ nhất rằng tất cả các

pháp hữu vi trong trạng thái đau khổ. Dường như họ quên rằng Đức Phật không chỉ dạy nguyên nhân và sự chấm dứt khổ đau mà Ngài còn dạy phương pháp để chấm dứt khổ đau. Trong bất kỳ trường hợp nào, liệu có một bậc đạo sư nào tán thành đời sống thế tục này và khuyên chúng ta hãy chấp lấy nó không?

Nếu bậc thầy sáng lập của tôn giáo này-Đức Phật- là một con người bi quan như thế thì người ta không mong đợi nhân cách của Ngài phải được miêu tả bằng những đường nét mộc mạc hơn là đã được vẽ như trước đây. Hình ảnh Đức Phật chỉ là một sự nhân cách hóa của tình thương, hoà bình, chân thành, hy vọng và thiện chí. Nụ cười hấp dẫn và toả rạng của Đức Phật, được cho là huyền bí và khó hiểu, là tấm gương hoàn hảo nhất của giáo lý của Ngài. Đối với những con người lòng đầy lo lắng và nản lòng, nụ cười giác ngộ và niềm hy vọng của Ngài là chất cam lồ bổ dưỡng và êm dịu vô tận.

Đức Phật rải tình yêu thương và lòng từ bi của Ngài trong khắp tất cả các phương hướng. Một con người như thế khó lòng mà gán cho là một con người bi quan. Và khi thanh kiếm của những bậc vua chúa và hoàng tử hạnh phúc lắng nghe Ngài, họ nhận ra rằng sự chinh phục chân thật duy nhất là sự chinh phục của tự ngã và cách tốt nhất để chiến thắng được con tim của nhân loại là dạy họ biết cách trân trọng Pháp-Chân lý.

Đức Phật tu tập tính hài hước của Ngài đến mức cao độ đến nỗi những đối thủ không đội trời chung với Ngài được làm nguôi giận với một sự thoải mái vô cùng. Thường thì họ không thể không mỉm cười chính họ. Đức Phật có một ảnh hưởng rất tuyệt vời; Ngài lau chùi sạch sẽ những hệ thống độc tố vô cùng nguy hiểm của họ và sau đó họ trở thành nhiệt tình theo gót chân Ngài. Trong các bài thuyết giảng, thảo luận và hội thoại của Ngài, Ngài xác nhận sự tự tin và thái độ bình tĩnh khiến Ngài được mọi người kính trọng và yêu mến. Làm thế nào chúng ta có thể kết tội cho một nhân vật như thế là bi quan, tiêu cực?

Đức Phật không bao giờ mong đợi chư đệ tử Ngài thường xuyên suy nghĩ liên miên về nỗi khổ đau của cuộc đời và sống một cuộc sống khổ đau và bất hạnh. Ngài chỉ dạy sự thật khổ đau để mà Ngài có thể chỉ cho nhân loại làm thế nào để vượt qua nỗi đau khổ này và tiến đến con đường của hạnh phúc. Để trở thành một con người giác ngộ, người ta phải có niềm hoan hỷ, một trong những yếu tố mà Đức Phật yêu cầu chúng ta phải tu tập. Niềm vui hay sự hỷ lạc hầu như đâu phải là bi quan.

---o0o---

CHIẾN TRANH VÀ HOÀ BÌNH THEO QUAN ĐIỂM PHẬT GIÁO?

Nhân loại đã quên rằng anh ta có một trái tim. Anh ta quên rằng nếu anh ta đối xử với thế giới một cách tử tế thì thế giới sẽ đối xử tử tế lại với anh ta.

Chúng ta đang sống trong một thế giới của những sự mâu thuẫn thực sự kinh hoàng. Một mặt, con người sợ chiến tranh; mặt khác, họ chuẩn bị cho chiến tranh với một sự điên cuồng. Họ sinh ra dư thừa, song họ phân phát khổ đau. Thế giới ngày càng trở nên đông đúc, nhưng con người ngày càng trở nên cô lập nhau và ngày càng cảm thấy cô đơn. Nhân loại đang sống gần gũi với nhau trong một đại gia đình, song mỗi cá nhân tìm cho bản thân mình ngày càng nhiều hơn so với trước đây, bị tách biệt khỏi những người láng giềng của anh ta. Sự hiểu biết và thành thật với nhau đang ngày càng thiếu đi trầm trọng. Con người không thể tin tưởng lẫn nhau cho dù người kia có tốt thế nào đi nữa.

Khi tổ chức Liên Hiệp Quốc được hình thành sau những nỗi kinh hoàng của cuộc đại chiến thế giới lần thứ hai, những vị đứng đầu của tổ chức họp lại để ký kết một hiến chương đồng ý với lời mở đầu sau đây: “Bởi vì chính trong tâm của con người mà chiến tranh bắt đầu, chính trong tâm con người mà thành lũy bảo vệ hòa bình phải được xây dựng. Chính quan điểm này được nhấn mạnh trong bài kệ đầu tiên của Bản Kinh Pháp Cú:

*“Ý dẫn đầu các pháp,
Ý làm chủ, ý tạo;
Nếu với ý ô nhiễm
Nói lên hay hành động,
Khổ não bước theo sau,
Như xe, chân vật kéo”.* (PC-01)

Niềm tin rằng con đường duy nhất để đánh lại bạo lực là bằng cách áp dụng nhiều quyền lực hơn đã đưa đến sự xung đột vũ trang giữa các quốc gia lớn mạnh với nhau. Và sự cạnh tranh này nhằm tăng cường vũ khí trang bị cho chiến tranh đã mang lại cho nhân loại nguy cơ huỷ diệt hoàn toàn sự sống con người. Nếu chúng ta không làm gì để ngăn chặn hành động đó, thì cuộc chiến kế tiếp sẽ là sự kết thúc của thế giới nơi mà sẽ không có những kẻ

chiến thắng và cũng không có nạn nhân của chiến tranh. Chỉ còn lại những xác chết ngổn ngang trên chiến trường.

*“Hận thù không thể dập tắt bằng hận thù;
Hận thù có thể dập tắt bằng tình thương”.*

Đó là lời khuyên của Đức Phật cho những ai tuyên thuyết một học thuyết về sự đối kháng, sân hận và cho những ai dẫn dắt nhân loại vào chiến tranh và phân loạn chống lại nhau. Nhiều người cho rằng lời khuyên của Đức Phật là hãy chuyển hóa ác thành thiện là một lời khuyên không thiết thực. Trên thực tế, đó là một phương pháp đúng đắn duy nhất để giải quyết vấn đề. Phương pháp này được một bậc đạo sư vĩ đại giới thiệu thông qua sự chứng nghiệm bản thân của Ngài. Bởi vì chúng ta kêu căng, tự hào và ngã mạn, chúng ta miễn cưỡng để chuyển hoá ác thành thiện, nghĩ rằng quần chúng có thể đối xử chúng ta hèn nhất như mọi người. Thậm chí có một số người nghĩ rằng sự tử tế, từ tâm và lịch thiệp là mang tính đàn bà chứ không mang tính đàn ông! Nhưng tác hại sẽ như thế nào nếu chúng ta giải quyết những vấn đề của chúng ta và mang lại niềm hạnh phúc và an lạc cho mọi người bằng cách chấp nhận phương pháp đầy tính văn hóa này và bằng cách hy sinh sự kêu căng ngã mạn đầy sự hiểm nguy của chúng ta?

Tinh thần khoan dung độ lượng phải được thực hành nếu hoà bình phải đến với nhân loại trên trái đất này. Quyền lực và sự ép buộc sẽ chỉ tạo ra thái độ không khoan dung. Để thiết lập hoà bình và hài hoà giữa nhân loại, mỗi một người trước tiên phải học tập phương pháp thực hành nhằm đưa đến sự chấm dứt của tham lam, sân hận và si mê, nguồn gốc của tất cả các quyền lực đầy tội lỗi. Nếu nhân loại có thể diệt tận tất cả những thế lực xấu xa này thì khoan dung và hoà bình sẽ xuất hiện nơi thế giới bất an này.

Ngày nay, chúng ta là những người đi theo con đường của Đức Phật từ bi nhất, cho nên chúng ta phải có một nhiệm vụ đặc biệt là hãy cùng nhau hoạt động nhằm thiết lập nền hoà bình cho thế giới và chỉ cho những người khác một tấm gương để noi theo bằng cách noi theo lời khuyên của bậc đạo sư:

*“Mọi người sợ hình phạt;
Mọi người sợ tử vong;
Lấy mình làm ví dụ;
Không giết không bảo giết”.*
(Pháp Cú –129)

Hoà bình có thể luôn luôn đạt được, nhưng phương pháp để đạt được hoà bình không chỉ bằng cách cầu nguyện và lễ nghi. Hoà bình là kết quả của sự hài hoà giữa con người với chúng sanh đồng loại và môi trường sống xung quanh. Nền hoà bình mà chúng ta cố đưa ra giới thiệu bằng bạo lực thì không phải là một nền hoà bình vĩnh viễn lâu dài. Đó là một khoảng trung gian giữa những cuộc xung đột của tham ái ích kỷ và những điều kiện thế gian.

Hoà bình không thể tồn tại trên thế giới này mà không có việc thực hành hạnh khoan dung. Để khoan dung, độ lượng, chúng ta không nên cho phép trạng thái tâm sân hận và ganh tỵ ngự trị trong tâm chúng ta. Đức Phật dạy: “Kẻ thù hại kẻ thù; oan gia hại oan gia, không bằng tâm hướng tà, gây ác cho tự thân”. PC-42)

Phật giáo là một tôn giáo khoan dung bởi vì Phật giáo tuyên thuyết một cuộc sống tự kiểm chế. Phật giáo dạy một cuộc sống được căn cứ vào không chỉ những giới luật mà còn căn cứ vào những nguyên lý. Phật giáo không bao giờ hành quyết hay ngược đãi đối với những ai mang trong mình một tín ngưỡng khác biệt. Giáo lý như thế không cần thiết đối với bất kỳ một ai phải gán cho chính anh ta một nhãn hiệu ‘Phật tử’ để thực hành những nguyên lý cao thượng của tôn giáo này.

Thế gian như một tấm gương và nếu chúng ta nhìn vào tấm gương với một gương mặt mỉm cười, thì chúng ta có thể nhìn thấy chân diện mục của chính mình, một gương mặt tươi cười tuyệt mỹ. Trái lại, nếu chúng ta nhìn vào tấm gương với một gương mặt dài thòng thì nhất định chúng ta sẽ nhìn thấy sự xấu xa của gương mặt. Tương tự như vậy, nếu chúng ta đối xử với thế giới tử tế, nhã nhặn thì thế giới chắc chắn sẽ đối xử lại chúng ta một cách tử tế. Hãy học hạnh an lạc, hoà bình nơi chính bản thân mình và thế giới cũng sẽ hoà bình với chúng ta.

Tâm con người được ban bố cho quá nhiều sự giả dối về bản ngã đến mức độ anh ta không muốn chấp nhận những yếu điểm của mình. Anh ta sẽ cố tìm ra một lý do nào đó nhằm thoả mãn hành động của anh ta và tạo ra một sự vô minh mà anh ta không nhìn thấy. Nếu một con người thực sự muốn được tự do giải thoát, thì anh ta phải can đảm chấp nhận những yếu điểm của mình. Đức Phật dạy: “Lỗi người khác thì dễ nhìn thấy còn lỗi của chính mình thì thực sự khó nhìn thấy”.

CHÚNG TA CÓ THỂ BIỆN HỘ CHO CHIẾN TRANH?

Sự khác biệt giữa cuộc tranh đấu của con chó và chiến tranh hay là giữa hai nhóm người chỉ là sự khác biệt về sự sắp xếp tổ chức.

Lịch sử nhân loại là một sự biểu hiện tiếp nối không ngừng của lòng tham lam, sân hận, kiêu căng, ghen tỵ, ích kỷ và vô minh của con người. Trong suốt 3000 năm qua, con người đã tham gia vào 15.000 cuộc chiến lớn. Liệu đó có phải là đặc tính của con người chăng? Vận mệnh của con người là gì? Và con người tiêu diệt lẫn nhau như thế nào?

Mặc dù con người đã khám phá và phát minh ra rất nhiều điều quan trọng, họ cũng đã tạo ra những tiến bộ rất to lớn hướng đến sự huỷ diệt nhân loại. Đây là lý do giải thích vì sao có biết bao nền văn minh nhân loại đã hoàn toàn bị xoá sạch khỏi trái đất này. Con người hiện đại đã trở nên quá tinh vi trong nghệ thuật và những kỹ thuật tiến hành cuộc chiến tranh đến mức độ hiện nay họ có thể biến toàn thể nhân loại thành một đồng tro tàn trong một vài giây. Thế giới đã trở thành một nhà chứa vũ khí quân sự hạng nặng bởi do kết quả của một trò chơi nhỏ được gọi là “tranh đua quân sự”.

Chúng ta biết rằng nguyên mẫu của vũ khí hạt nhân mạnh hơn so với bom nguyên tử đã được thả tại thành phố Hiroshima, Nhật Bản vào năm 1945 đang được chuẩn bị kế hoạch. Khoa học gia tin rằng khoảng một vài trăm vũ khí nhiệt hạch sẽ theo dõi tiến trình tiến đến sự huỷ diệt toàn cầu. Hãy nhìn xem chúng ta đang làm gì cho nhân loại chúng ta! Hãy suy nghĩ xem loại hình phát triển khoa học như thế nào! Hãy xem sự ngu ngốc và ích kỷ của con người như thế nào!

Con người không nên cố thỏa mãn những bản năng hung hăng của anh ta. Con người nên nâng cao những giáo lý mang tính luân lý đạo đức của những bậc đạo sư và bày tỏ sự công bằng với luân lý đạo đức để mà hoà bình có thể toả sáng.

Những điều khoản, hiệp ước thoả thuận, công ước, và kế hoạch hòa bình đã được chấp nhận và hàng triệu ngôn từ đã được phát ngôn bởi vô số nhà lãnh đạo trên khắp thế giới. Họ tuyên bố rằng họ đã tìm ra giải pháp nhằm duy trì và thúc đẩy nền hoà bình thế giới. Nhưng dù cho những nỗ lực hết mình của họ, họ vẫn không thành công trong việc làm mất đi nguy cơ đe dọa đối với nhân loại. Lý do là tất cả chúng ta không giáo dục thế hệ trẻ chúng ta hiểu một cách chính xác và tôn trọng nhu cầu phục vụ vị tha và hiem nguy của sự

ích kỷ. Để đảm bảo có được nền hòa bình thật sự, chúng ta phải sử dụng mỗi một phương pháp sẵn có đối với chúng ta nhằm giáo dục thế hệ trẻ chúng ta thực hành tình thương yêu, thiện chí và khoan dung đối với những người khác.

---o0o---

Thái Độ Của Phật Giáo

Người Phật tử không nên hung hăng thậm chí đối với việc bảo vệ tôn giáo của mình hay là một việc gì khác. Người Phật tử nên cố hết sức mình để tránh bất kỳ hành động bạo lực nào. Đôi khi anh ta có thể bị ép buộc phải tham gia vào chiến tranh thay cho những người khác không tôn trọng quan điểm của tình huynh đệ giữa con người như Đức Phật đã dạy. Anh ta có thể được kêu gọi gia nhập quân đội để bảo vệ đồng loại của mình khỏi giặc ngoại xâm và mãi cho đến khi nào anh ta chưa từ bỏ cuộc sống thế gian thì anh ta có trách nhiệm phải tham gia vào cuộc tranh đấu cho hòa bình và tự do. Trong những tình huống này, anh ta không thể bị đổ lỗi cho hành động trở thành một người lính hoặc là tham gia vào quân sự. Tuy nhiên, nếu mọi người đều nghe theo lời khuyên của Đức Phật, thì chiến tranh sẽ không có lý do để diễn ra trên thế giới này. Đó chính là trách nhiệm của mỗi con người có học thức, văn hóa phải tìm ra tất cả những phương cách và biện pháp khả dĩ để giải quyết những cuộc tranh chấp, xung đột theo một phương thức hoà bình mà không tuyên bố chiến tranh để giết chết đồng loại của mình. Đức Phật không dạy chư đệ tử Ngài đầu hàng bất kỳ hình thức quyền lực độc ác nào dù đó là con người hay các bậc siêu nhiên.

Quả thật, với lý trí và khoa học, con người có thể chinh phục tự nhiên, nhưng con người vẫn chưa đảm bảo được ngay cả mạng sống của mình. Tại sao mạng sống ấy lại rơi vào chỗ hiểm nguy? Trong khi tận tụy hết mình đối với lý trí và bị khoa học kiểm soát, con người đã quên rằng anh ta có một trái tim, lương tâm đã bị lãng quên và bị bỏ khô héo và bị tham đắm làm nhiễm ô.

Nếu chúng ta không đảm bảo được mạng sống của chính chúng ta, thì làm thế nào mà nền hoà bình thế giới có thể tồn tại? Để đạt được hoà bình, chúng ta phải tu tập và rèn luyện tâm đối diện với những sự thật. Chúng ta phải khách quan và khiêm nhường. Chúng ta phải nhận ra rằng không có một con người cá nhân nào hay một quốc gia nào luôn luôn sai lầm. Để có được hoà bình chúng ta cũng phải chia sẻ sự giàu có về tài nguyên trên trái đất, không

nhất thiết phải ngang bằng nhưng tối thiểu cũng phải vô tư. Không bao giờ có sự công bằng tuyệt đối nhưng chắc chắn sẽ có mức độ vô tư lớn hơn. Một điều đơn giản không thể tưởng tượng được là khoảng 5 % dân số thế giới hưởng 50 % tài sản của mình, hoặc là khoảng 25 % dân số thế giới được sinh sức ở mức độ tương đối khá và một số sống với mức độ quá cao trong khi 75 % dân số thế giới luôn luôn sống trong tình trạng nghèo đói. Hoà bình chỉ hiện hữu khi các quốc gia sẵn sàng chia sẻ và chia sẻ một cách vô tư, người giàu giúp đỡ người nghèo khổ và người mạnh giúp đỡ kẻ yếu đuối, vì vậy tạo nên một tình thương yêu và thiện chí mang tính quốc tế. Chỉ nếu và khi nào những điều kiện này được đáp ứng thì chúng ta mới có thể tạo ra một thế giới hoà bình không có lý do cho những cuộc chiến tranh xảy ra.

Sự điên rồ của những cuộc chạy đua vũ trang phải chấm dứt! Chúng ta nên xây dựng các trường học thay vì xây dựng tuần dương hạm (tàu chiến lớn), xây dựng bệnh viện thay vì vũ khí hạt nhân. Tổng số tiền và mạng sống con người mà nhiều quốc gia khác nhau đã phung phí trong chiến trận nên được đổi hướng để xây dựng kinh tế nhằm nâng cao tiêu chuẩn cuộc sống.

Thế giới không thể có được hoà bình mãi cho đến khi nhân loại và các quốc gia từ bỏ những ham muốn ích kỷ, từ bỏ sự chạy đua vô minh và xoá tan lòng tham bản ngã sở hữu và quyền lực. Sự giàu có không thể đảm bảo được hạnh phúc. Chỉ có tôn giáo mới có thể thực hiện sự thay đổi cần thiết của tâm và thực hiện một cuộc giải trừ quân bị thực sự. Đó là việc chuyển hóa tâm thức nhân loại.

Tất cả các tôn giáo dạy con người không nên giết hại lẫn nhau; song bất hạnh thay giới quan trọng này lại bị lãng quên. Ngày nay, bằng những loại vũ khí hiện đại con người có thể giết chết hàng triệu người trong một giây. Điều đó có nghĩa là con số đó nhiều hơn so với những bộ tộc thời nguyên thủy thực thi hành động này trong khoảng thời gian một thế kỷ.

Rất bất hạnh thay, có một số người ở một số quốc gia mang trong mình những nhãn hiệu, khẩu hiệu và những biểu ngữ tôn giáo xông vào chiến trận. Họ không biết rằng họ đang làm ô nhục danh thơm của tôn giáo họ. Chính Đức Phật dạy: “Này các Tỳ-kheo ! Do vì những tham ái dục lạc mà các bậc vua chúa tranh đấu với các bậc vua chúa, hoàng tử tranh đấu với hoàng tử, Tu sĩ với tu sĩ, thần dân với thần dân, mẹ tranh cãi với con cái, con cái tranh cãi với bố mẹ, anh em tranh cãi với nhau, bạn bè với bạn bè”.

Chúng ta có thể hạnh phúc mà tự hào rằng hơn 2500 năm qua chưa bao giờ có một sự bất hoà nghiêm trọng hoặc là một cuộc xung đột kinh khủng nào được giới Phật tử tạo ra đưa đến chiến tranh trên danh nghĩa tôn giáo này. Đây là kết quả của một tính cách năng động về quan điểm khoan dung được chứa đựng trong giáo lý của Đức Phật.

---o0o---

NHU CẦU THỰC THI THÁI ĐỘ KHOAN DUNG ĐỐI VỚI THẾ GIỚI NGÀY NAY

Con người của ngày nay đang sống trong trạng thái bất an, giao động, mệt mỏi chán với nỗi sợ hãi và thất vọng. Họ bị làm say sưa bởi những ham muốn để có được danh vọng, tiền của và quyền lực. Họ khao khát được mãn nguyện những thú vui dục lạc. Nhân loại đang trải qua hằng ngày trong nỗi sợ hãi, hoài nghi và bất an. Trong thời đại khủng hoảng và phiền nhiễu này, thật khó khăn cho con người cộng sinh một cách an bình với đồng loại của họ. Do đó, nhu cầu thực thi tinh thần khoan dung, độ lượng đối với thế giới ngày nay thật là cần thiết và quan trọng đến mức độ mà sự cộng sinh một cách hài hòa giữa con người trong thế giới ngày nay có khả quan.

Thế giới đã đẫm máu và chịu nhiều khổ đau do những bệnh tật của chủ nghĩa giáo điều và thái độ không khoan dung. Mảnh đất của nhiều quốc gia trên thế giới ngày nay bị thấm ướt máu của con người tràn ngập trên án thờ của những cuộc tranh đấu chính trị đa dạng như là bầu trời của thiên niên kỷ trước bị bao phủ bởi khói của những vị thánh tử đạo tự thiêu. Cho dù trong lĩnh vực tôn giáo hay trong lĩnh vực chính trị, nhân loại cũng ý thức về một sứ mệnh mang lại cho nhân loại một lối sống và công kích lối sống của những người khác. Thật vậy, thái độ không khoan dung của những tâm hồn thích đấu tranh đã làm hư hỏng những danh thơm của các tôn giáo.

Chúng ta hãy nhìn lại thế kỷ hiện tại này-một thế kỷ tiến bộ cao về mọi mặt, một thế kỷ của sự máy móc và phát minh. Một loạt những phát minh mới của khoa học và kỹ thuật như máy điện thoại, xe điện, phi cơ, đài phát thanh, truyền hình, vi tính, tàu không gian, vệ tinh và những thiết bị điện v.v...đang làm cho nhân loại chói mắt. Song cũng trong thế kỷ này (thế kỷ 20) trẻ em của thế giới những con người đã phát hiện ra tất cả những phát minh này được xem như là tuyệt đối trong quá trình tiến triển, cũng tương tự như những con người đã tàn sát hàng triệu người khác bằng lưỡi lê hoặc là bằng

súng đạn hay bằng lửa. Trong số tất cả những sự tiến bộ vĩ đại này thì nơi đâu là tinh thần khoan dung?

Con người của ngày nay chỉ quan tâm đến việc khám phá những vũ trụ bên ngoài không gian, nhưng anh ta hoàn toàn không thể sống hài hòa, hạnh phúc với con người đồng loại. Dần dần con người sẽ mạo phạm mặt trăng và những hành tinh khác.

Vì lợi ích vật chất, con người hiện đại đã vi phạm thiên nhiên. Những hoạt động tinh thần của họ quá lơ đãng với những thú vui của anh ta đến nỗi anh ta không thể nhận diện chân giá trị và mục đích của cuộc đời. Hành vi thái độ phi tự nhiên này của con người hiện đại là do kết quả của những quan niệm sai lầm về đời sống con người và mục đích tối hậu của nó. Đó là nguyên nhân của hỗn độn, sợ hãi, bất an và không khoan dung trong thời đại chúng ta hiện nay.

Trên thực tế, tinh thần không khoan dung của thời đại hiện nay vẫn còn đang được các tôn giáo thực thi. Người ta chỉ nói đến tôn giáo và hứa khả mang lại con đường tắt đến thiên đàng, chứ họ không quan tâm đến việc thực hành tôn giáo đó. Nếu người đạo Gia tô sống theo Bài pháp ở tại Núi, nếu người Phật tử thực hành Bát Thánh Đạo, nếu người Hồi giáo thực sự theo quan niệm Huynh đệ đại đồng và người Ấn giáo sống theo tinh thần nhất thể, thì chắc hẳn thế giới này sẽ có được nền hòa bình và hài hoà giữa nhân loại. Cho dù những lời dạy vô giá của những bậc đạo sư vĩ đại, con người ta vẫn chưa nhận ra được giá trị của sự khoan dung. Tinh thần không khoan dung được thực thi dựa trên danh nghĩa tôn giáo là một tinh thần bị lên án và rất xấu xa.

Lời khuyên của Đức Phật là:

*“Vui thay, chúng ta sống,
Không hận giữa hận thù;
Giữa những người thù hận,
Ta sống không hận thù.
Vui thay chúng ta sống,
Không bệnh giữa ốm đau;
Giữa những người bệnh hoạn,
Ta sống không ốm đau”.*
(PC 197-198)

CON NGƯỜI VÀ TÔN GIÁO

Con người là chúng sanh duy nhất trên thế gian này đã khám phá ra tôn giáo và thực hành sự cầu nguyện và sùng bái.

Nhân loại phát triển tôn giáo nhằm mục đích làm thỏa mãn những ham muốn tìm hiểu cuộc sống chính mình và thế giới xung quanh mình. Những tôn giáo thời nguyên thủy có nguồn gốc từ thuyết vạn vật hữu linh và nó phát sinh từ nỗi sợ hãi của con người về những đấng quyền năng siêu nhiên và những đấng vô hình và sự ham muốn của con người nhằm làm xoa dịu những quyền lực mà anh ta nghĩ là những đối tượng trú ngụ vô tri vô giác. Trải qua thời gian, những tôn giáo này thay đổi, bị ảnh hưởng bởi môi trường tự nhiên, địa lý, lịch sử, kinh tế xã hội, chính trị và tri thức ở thời điểm đó.

Nhiều tôn giáo trong số những tôn giáo đó đã trở thành tôn giáo có tổ chức và phát triển thịnh hành cho đến ngày nay, được một số tín đồ thuần tín ủng hộ mạnh mẽ. Nhiều người bị thu hút vào những tôn giáo có tổ chức này bởi vì hình thức trang lệ và lễ nghi trong khi lại có một số người khác thích thực hành tôn giáo của chính họ, bày tỏ lòng tôn kính đối với bậc đạo sư của họ và áp dụng những nguyên lý đạo đức vào cuộc sống hằng ngày của mình. Bởi vì tầm quan trọng và cần thiết của việc thực hành, mỗi tôn giáo cho rằng tôn giáo mình là một triết lý sống, chứ không chỉ là một hệ thống niềm tin suông. Xét theo quan điểm của nhiều nguồn gốc xuất phát khác nhau và những con đường phát triển mà tôn giáo đã trải qua thì người ta không khỏi ngạc nhiên rằng những tôn giáo của con người phải khác biệt về mục đích, sự hiểu biết và giải thích của tín đồ, mục tiêu của họ và làm thế nào để đạt được mục đích đó, và quan niệm của họ về sự thưởng, phạt đối với những hành động đã tạo.

Xét về phương diện mục đích, việc thực hành tôn giáo có thể được căn cứ trên cơ sở niềm tin, sợ hãi, lý trí hoặc là sự vô hại: niềm tin hình thành nền cơ sở của nhiều hình thức tôn giáo được phát huy nhằm mục đích vượt qua những nỗi sợ hãi của con người và đáp ứng những nhu cầu của anh ta. Một tôn giáo thần biến, huyền diệu khai thác nỗi sợ hãi đó xuất phát từ sự vô minh của con người và đưa ra những sự hứa hẹn thành đạt về vật chất được căn cứ trên cơ sở của lòng tham lam. Một tôn giáo của sự thuần tín được căn cứ trên cơ sở tình cảm và nỗi sợ hãi về đấng quyền năng siêu nhiên mà người ta quá tin tưởng có thể làm xoa dịu thông qua những hình thức lễ nghi và nghi thức. Một tôn giáo của niềm tin được căn cứ trên cơ sở của lòng ham

muốn có được sự tự tin để đối diện với những điều không chắc chắn trong cuộc sống và chân giá trị của con người.

Một số tôn giáo phát triển do kết quả của sự phát triển tri thức nhân loại, kinh nghiệm và trí tuệ nhân loại. Phương pháp hợp lý khi tìm đến tôn giáo đã được chấp nhận trong trường hợp này, kết hợp với những nguyên lý về giá trị của con người và những quy luật của tự nhiên hay của vũ trụ. Tôn giáo này được căn cứ trên giá trị nhân bản và chú trọng đến sự tu tập, trau dồi những phẩm chất con người. Một tôn giáo với chủ trương lấy quy luật nhân quả hay nghiệp báo làm chính yếu được căn cứ trên nguyên lý của tự lực và cho rằng chỉ có cá nhân chịu trách nhiệm cho hạnh phúc và khổ đau và sự giải thoát của chính mình. Một tôn giáo đầy tính trí tuệ được căn cứ trên cơ sở ứng dụng lý trí và đi tìm sự hiểu biết về cuộc đời và sự thật của những điều kiện thế gian thông qua tri thức phân tích.

Vô hại và thiện chí là những yếu tố phổ quát được tìm thấy trong tôn giáo. Một tôn giáo hòa bình được căn cứ trên nguyên lý không làm hại chính mình và người khác và tín đồ của tôn giáo đó phải trau dồi một cuộc sống an lạc, hài hoà và giải thoát. Một tôn giáo thiện chí và từ bi được căn cứ trên cơ sở dâng hiến và phục vụ vì lợi ích và hạnh phúc của người khác.

Tôn giáo khác biệt do khả năng hiểu biết của tín đồ tôn giáo đó và sự giải thích mà những người có thẩm quyền tôn giáo đưa ra cho học thuyết và việc hành trì của tôn giáo họ. Trong một số tôn giáo, đưa ra những quy tắc làm mệnh lệnh cho con người phải phục tùng trong khi trong những tôn giáo khác, họ chỉ đưa ra lời khuyên về nhu cầu và phương cách để tuân theo những quy tắc này (luật). Mỗi tôn giáo sẽ đưa ra những lý do để giải thích những vấn đề khổ đau đang hiện hữu của con người và những sự bất bình đẳng giữa con người và phương pháp để giải quyết tình huống. Bằng cách giải thích, một số tôn giáo cho rằng con người phải đương đầu với những khổ đau này bởi vì anh ta đang được thử nghiệm ở nơi thế giới này. Khi một sự giải thích như thế được đưa ra, một người khác có thể hỏi: ‘Để vì mục đích gì?’ Làm thế nào mà con người có thể được phán xét dựa trên cơ sở của chỉ một kiếp sống khi mà nhân loại thường khác biệt về những kinh nghiệm khổ đau về mặt vật lý, tinh thần, xã hội, kinh tế và những nhân tố và điều kiện môi trường?

Mỗi tôn giáo có quan niệm riêng về những gì được xem là mục đích của đời sống tâm linh. Đối với một số tôn giáo, sự sống thường hằng bất tử trên thiên đường hoặc ở cõi trời với Chúa, Thượng đế là mục tiêu tối hậu. Đối

với số khác lại cho rằng mục đích tối hậu của cuộc đời là sự thống nhất với ý thức vũ trụ bởi vì người ta tin rằng sự sống là một đơn vị của ý thức và nó phải trở về cùng nguồn gốc với ý thức.

Một số tôn giáo tin rằng sự chấm dứt khổ đau hoặc là sự lập lại chu trình sinh và tử là mục đích cứu cánh. Đối với những tôn giáo khác, thậm chí hạnh phúc thiên đường hoặc là hợp nhất với Phạm Thiên (đấng tạo hoá) là sự phát sinh từ sự bất bệnh của cuộc sống, cho dù tồn tại ở hình thức nào đi nữa. Và thậm chí có một số tôn giáo tin rằng chính ngay trong kiếp sống hiện tại cũng đủ cho chúng ta hưởng được mục đích của cuộc đời.

Để đạt được mục đích mong muốn này, mỗi tôn giáo đưa ra một giải pháp khác nhau. Một số tôn giáo yêu cầu tín đồ của họ hãy dâng hiến cho Chúa hoặc là tùy thuộc vào Chúa mọi điều trong cuộc sống của họ. Một số tôn giáo khác kêu gọi tín đồ của họ thực hành khổ hạnh khắc khe làm phương tiện để rửa sạch tất cả những tội lỗi thông qua việc tự ép xác khổ hạnh. Lại có một số tôn giáo khác đề nghị giết súc vật để dâng hiến thần linh và nhiều hình thức lễ nghi và nghi thức cũng như việc trì tụng thần chú để được thanh tịnh hoá và đạt mục đích cứu cánh. Song còn có một tôn giáo nữa ủng hộ những phương pháp tu tập đa dạng và sự thành tâm, dùng trí tuệ nhận diện chân lý và sự định tâm nhờ quá trình tu tập thiền định.

Mỗi tôn giáo có một quan niệm khác nhau về sự trừng phạt những hành động ác đã tạo trong cuộc sống. Theo một số tôn giáo, con người bị Thượng đế buộc phải đày đoạ trên trần gian này mãi mãi vì tội lỗi anh ta đã phạm phải ngay trong kiếp sống này. Có một số tôn giáo khác lại cho rằng nhân và quả hoạt động theo quy luật của tự nhiên và kết quả của một hành động (nghiệp) sẽ phải lãnh chịu trong một khoảng thời gian nhất định. Một số tôn giáo lại cho rằng kiếp sống này chỉ là một trong nhiều kiếp sống và con người sẽ luôn luôn có được cơ hội để chuyển hoá tự thân trong mỗi giai đoạn mãi cho đến khi anh ta đạt đến quả vị vô thượng, niềm hạnh phúc vĩnh cửu.

Đưa ra nhiều mục đích, sự giải thích và mục tiêu đa dạng và rộng như thế về nhiều tôn giáo khác được nhân loại chấp nhận thì rất là hữu ích khiến cho con người không nên chấp lấy những quan điểm giáo điều về tôn giáo của họ mà hãy cởi mở và khoan dung đối với quan điểm của những tôn giáo khác.

Đức Phật dạy: “Các vị không nên chấp nhận những lời dạy của ta do vì sự tôn kính mà trước hết hãy thử nghiệm những lời dạy ấy như đem vàng ra thử lửa”.

Sau khi nhận mạnh tầm quan trọng của việc duy trì một tâm hồn cởi mở, khai phóng đối với những giáo lý của các tôn giáo khác, thật là hữu ích nếu chúng ta ghi nhớ rằng thực hành tôn giáo là để mang lại lợi ích và, tự do và hạnh phúc cho tất cả chúng sanh. Điều đó có nghĩa là, giáo lý nên được sử dụng vào những mục đích chân chánh nhằm cải thiện phẩm chất của đời sống của tất cả chúng sanh. Song hiện nay nhân loại bị lợi dụng và đã đi sai hướng những những giáo lý cơ bản. Những hành động phi luân lý và tội lỗi trở nên một hiện tượng phổ biến trong xã hội và những con người có tinh thần tôn giáo thường gặp phải nhiều khó khăn trong việc cố gắng duy trì một số nguyên tắc đạo lý trong cuộc sống hiện đại. Đồng thời, tiêu chuẩn của những nguyên tắc đạo lý cũng bị hạ thấp nhằm đáp ứng thoả mãn những nhu cầu của những con người có đầu óc nhiệm ô và ích kỷ. Con người không nên vi phạm những quy luật đạo lý phổ quát nhằm thích nghi với lòng tham và sự tham đắm của bản thân; mà đúng hơn con người nên cố điều chỉnh bản thân mình theo những quy luật này do tôn giáo hướng dẫn. Những giới luật của tôn giáo đã được đưa ra bởi các Bậc Thầy giác ngộ, những con người đã nhận ra được lối sống thánh thiện, cao thượng đưa đến an lạc và hạnh phúc cho tự thân và tha nhân. Những ai vi phạm những giới cấm này là vi phạm những quy luật của vũ trụ, mà theo Phật giáo, sẽ mang lại những hậu quả thông qua sự vận hành của quy luật nhân quả.

Mặt khác, điều này không có nghĩa rằng con người phải tuân theo một cách nô lệ những gì được tìm thấy trong tôn giáo của anh ta, không quan tâm đến việc ứng dụng của tôn giáo ấy vào cuộc sống hiện thời. Những nguyên lý và giới luật tôn giáo khiến cho con người có thể sống cuộc sống đầy ý nghĩa, chứ không phải để sử dụng chúng trói buộc con người vào những sự hành trì vô ích và những tín điều và hình thức nghi lễ mang tính mê tín dị đoan. Người nào tuân giữ những nguyên lý đạo giáo nên tin tưởng vào trí thông minh của con người và sống tôn trọng với chân giá trị nhân loại. Cần phải có một vài sự thay đổi trong những hoạt động tôn giáo để tương xứng với nền giáo dục của chúng ta và bản chất của xã hội ngày càng đổi thay của chúng ta và đồng thời không đánh mất đi những nguyên lý phổ quát thánh thiện ấy. Nhưng người ta thừa nhận rằng làm thay đổi bất kỳ hình thức tôn giáo nào cũng luôn là điều khó thực thi bởi vì nhiều người có đầu óc bảo thủ, cố hữu lại phản đối lại sự cách tân dù là họ muốn cải thiện tốt hơn. Những quan điểm và ý kiến bảo thủ như thế cũng giống như một ao nước tù

động, trong khi đó những ý tưởng mới tiến bộ thì giống như một thác nước nơi mà dòng nước thường xuyên được đổi mới và do đó, có thể sử dụng được.

---o0o---

SỰ BÓP MÉO TÔN GIÁO

Bất chấp giá trị của tôn giáo trong tinh thần nâng cao bản chất đạo lý, nói rằng tôn giáo là một mảnh đất màu mỡ cho sự phát triển mê tín dị đoan và sự nhiệt tâm mang bản chất đạo đức giả, bị bao phủ bởi cái vỏ tôn giáo bên ngoài là một điều không sai. Nhiều người sử dụng tôn giáo nhằm đến mục đích trốn thoát những sự thật của cuộc đời và mang trong mình một lớp đồ tôn giáo và những biểu tượng tôn giáo. Có thể những người này thậm chí rất thường xuyên cầu nguyện, cúng bái, song họ không mấy thành tâm và không hiểu mục đích của tôn giáo là gì. Khi mà một tôn giáo chịu sự quyết định của vô minh, tham danh vọng, quyền lực và ích kỷ, thì con người nhanh chóng chĩa vào tố cáo tôn giáo và nói rằng tôn giáo mang tính phi lý. Nhưng ‘Tôn giáo’ (việc thực hành nhiều hình thức lễ nghi bên ngoài) nên được phân biệt với bản thân giáo lý. Trước khi phê bình, chỉ trích, chúng ta nên nghiên cứu kỹ và chính xác những giáo lý nguyên thủy của bậc sáng lập và tìm xem có điều gì sai trái về bản chất.

Tôn giáo khuyên răn con người làm điều thiện và sống tốt với mọi người chứ họ quan tâm đến việc hành động như thế nào. Thay vì đó họ lại thích chấp vào những hình thức khác không mang giá trị chân thật của tôn giáo. Nếu mà họ biết cố tình tấn tu tập trau dồi bản tâm của mình bằng cách chấm dứt thái độ ganh tỵ, kiêu mạn, thô bạo, đố kỵ và ích kỷ, thì tối thiểu họ cũng sẽ tìm thấy được con đường chân chánh để thực hành một tôn giáo nào đó. Bất hạnh thay, họ lại phát huy tính ganh tỵ, kiêu mạn, thô bạo và ích kỷ thay vì đoạn trừ chúng. Nhiều người có khuynh hướng giả vờ theo đạo, nhưng lại làm những hành động tàn bạo vô cùng dựa trên danh nghĩa tôn giáo. Họ gây chiến tranh, phân biệt và tạo ra sự lo âu vì mục đích riêng cho tôn giáo, đánh mất đi cái nhìn với mục đích cao quý của nó. Từ sự gia tăng việc thực thi những hành động được gọi là mang tính chất tôn giáo, chúng ta dường như có ấn tượng rằng tôn giáo đang trên đà tiến bộ, nhưng mặt trái của nó thì thực sự là một vấn đề bởi vì dường như sự thanh tịnh về mặt tâm linh và sự hiểu biết của con người trên thực tế không được tu tập.

Tu tập theo một tôn giáo không gì hơn chỉ là sự phát triển ý thức nội tâm của con người, phát triển thiện chí và sự hiểu biết của họ. Lúc đó những vấn đề mà con người đối diện sẽ được giải quyết trực tiếp bằng cách nương tựa vào sức mạnh tâm linh. Chạy trốn những khổ đau của cuộc sống chính mình trên danh nghĩa tâm linh là một hành động không can đảm và được xem là hèn nhát, lại càng không được xem như là tâm linh. Trong những điều kiện hỗn loạn như hiện nay, con người đang trên đà suy đồi, xuống dốc và tự huỷ diệt chính mình. Sự trớ trêu của họ là họ tưởng tượng rằng họ đang trên đà phát triển hướng đến một nền văn minh huy hoàng mà chưa được nhận diện.

Trong tình trạng hỗn loạn này, những quan niệm mang tính ảo tưởng và tạo hình của tôn giáo được truyền bá rộng rãi nhằm tạo ra sự cảm dỗ và hỗn loạn hơn trong tâm trí của con người. Tôn giáo bị lợi dụng và được sử dụng cho những nhu cầu lợi dưỡng và quyền lực cá nhân. Một số hoạt động phi luân lý đạo đức như quan hệ giới tính một cách tự do v.v.... đã được một số nhóm tôn giáo khích lệ nhằm mục đích truyền bá tôn giáo của họ cho giới trẻ. Bằng cách khơi dậy những cảm giác tham dục, những nhóm này hy vọng chinh phục những thanh niên trai trẻ đi theo tôn giáo của họ. Ngày nay tôn giáo đã bị thoái hoá và biến thành một món hàng hoá rẻ tiền được trưng bày trong thị trường tôn giáo ít được coi trọng đến những giá trị luân lý và những gì mà tôn giáo biểu trưng cho. Một số đoàn truyền giáo cho rằng những hành động mang tính luân lý đạo đức và những giới điều không quan trọng miễn là con người có niềm tin và cầu nguyện Thượng đế, được tin là đủ để đảm bảo được sự cứu rỗi của vị ấy. Đã chứng kiến cách mà một số nhà cầm quyền tôn giáo đã dấn thân vào con đường sai lầm và che mắt những tín đồ của họ đã diễn ra tại Châu Âu, Karl Marx đã đưa ra một nhận xét châm chọc: “Tôn giáo là tiếng thở dài của những loài sinh vật bị đè nén, những cảm xúc của một thế giới không có trái tim, cũng như linh hồn của những con người không có linh hồn. Tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân”.

Con người cần đến tôn giáo không phải vì lý do tôn giáo tạo dựng cho anh ta một thiên đàng ước mơ cho một kiếp sống trong tương lai hoặc là tôn giáo đó cung cấp cho anh ta những quan điểm, ý tưởng giáo điều để theo và nếu như vậy anh ta sẽ phủ nhận khả năng lý trí của con người và trở thành kẻ moi phiền lòng đối với đồng loại của anh ta. Tôn giáo phải là một biện pháp có thể tin cậy và mang bản chất lý trí để cho con người sống ngay trong cuộc sống hiện tại, trở thành những con người có văn hoá và sự hiểu biết, đồng thời thiết lập một đời sống gương mẫu cho những người khác noi theo. Nhiều tôn giáo không chấp nhận những suy nghĩ của chính bản thân con người và cho đó là suy nghĩ của một đấng tối thượng, nhưng Phật giáo,

ngược lại, hướng con người trực tiếp trong quá trình tìm cầu sự an lạc nội tâm thông qua những tiềm năng ẩn chứa bên trong con người. Pháp không có nghĩa là những gì con người tìm kiếm từ bên ngoài bản thân anh ta bởi vì phân tích cho đến cùng, con người là Pháp và Pháp là con người. Do vậy, tôn giáo chân thật, có nghĩa là Pháp, không phải là những gì bên ngoài chúng ta mà chúng ta đạt được, nhưng đó là sự tu tập và sự giác ngộ trí tuệ, từ bi và sự thanh tịnh mà chúng ta phát huy chính từ bên trong nội tâm mình.

---o0o---

TÔN GIÁO ĐÚNG ĐẮN

Nếu bất cứ tôn giáo chứa đựng giáo lý Tứ Thánh đế và Bát Thánh đạo, thì tôn giáo đó được xem là tôn giáo đúng đắn.

Thật là một điều kho khăn cho con người tìm ra lý do tại sao có quá nhiều tôn giáo khác nhau và tôn giáo nào là tôn giáo chân thật. Tín đồ của mỗi tôn giáo đang cố gắng chứng tỏ tính ưu việt của tôn giáo họ. Sự đa dạng đã tạo ra sự không đồng bộ, nhưng trong vấn đề tôn giáo, con người đánh thách với nhau bằng sự ganh tỵ, sân hận và khinh thị. Giáo lý được tôn kính nhất của một tôn giáo này lại được cho là lỗi bịch đối với những tôn giáo khác. Để truyền bá những bức thông điệp hoà bình và mang sứ mệnh của Thượng đế, một số người đã phải viện đến những cuộc chiến tranh và vũ khí. Phải chăng họ đã làm ô danh tôn giáo? Dường như rằng có một số tôn giáo chịu trách nhiệm đối với việc chia rẽ thay vì đoàn kết, hoà hợp nhân loại.

Để tìm ra một tôn giáo chân thật và thích hợp, chúng ta phải cân nhắc với một thái độ không thành kiến, thiên vị thế nào là một tôn giáo đích thực không đúng đắn? Tôn giáo hay những triết học không đúng đắn bao gồm: những người theo chủ nghĩa vật chất từ chối sự tồn tại sau khi chết; chủ nghĩa phi luân lý đạo đức phủ nhận cái thiện và cái ác, bất kỳ tôn giáo nào khẳng quyết rằng con người được cứu rỗi nhờ phép thần hoặc là bị đày đọa cũng do thần; thuyết hữu thần tiến hoá lại cho rằng mọi sự vật được định trước và mọi người được định mệnh để đạt được sự cứu rỗi dần dần thông qua việc tin suông mà thôi.

Phật giáo là tôn giáo thoát khỏi những cơ sở không vững vàng. Phật giáo là một tôn giáo thiết thực và có thể kiểm chứng. Chân lý (pháp) của tôn giáo này được Đức Phật kiểm chứng, được chư đệ tử Ngài xác chứng và luôn luôn chào đón, cởi mở tinh thần kiểm chứng ở bất kỳ ai muốn làm điều đó.

Và ngày nay, Giáo pháp của Đức Phật, đang được những phương pháp khảo sát khoa học nghiêm túc kiểm chứng.

Đức Phật dạy rằng bất kỳ hình thức tôn giáo nào đều là chân thật nếu tôn giáo đó chứa đựng giáo lý Tứ Thánh đế và Bát Thánh đạo (con đường bao gồm tám ngành). Điều này chỉ ra rõ ràng rằng Đức Phật không muốn thiết lập nên một hình thức tôn giáo riêng biệt. Những gì Ngài muốn là nhằm để tiết lộ Chân lý tối hậu của cuộc sống chúng ta và vũ trụ. Mặc dù Đức Phật thuyết giảng Tứ Thánh đế và Bát Thánh đạo, song phương pháp tu tập theo các pháp này không chỉ là tài sản của riêng người Phật tử. Đây là một chân lý phổ quát trong khắp vũ trụ.

Hầu hết mọi người cảm thấy cần thiết đưa ra những lời tranh luận để chứng minh giá trị pháp lý của tôn giáo mà họ đang theo. Có một số người lại cho rằng tôn giáo của họ là tôn giáo hiện đại nhất và do đó chứa đựng chân lý. Một số cho rằng tôn giáo của họ có nhiều tín đồ nhất và do đó cũng chứa đựng chân lý. Song không một lời tranh cãi nào trong số này có giá trị để thiết lập nên sự thật của một tôn giáo. Người ta có thể phán xét giá trị của tôn giáo bằng cách chỉ sử dụng đến các giác quan và sự hiểu biết thông thường mà thôi.

Có một số tôn giáo truyền thống yêu cầu con người phải chịu quy lụy trước một đấng quyền năng to lớn hơn chính bản thân con người, một đấng quyền năng điều khiển sự tạo hoá, những hành động của con người và sự giải thoát cuối cùng của anh ta. Đức Phật không thừa nhận những đấng quyền năng như thế. Hay đúng hơn, Ngài chỉ định con người làm đấng tạo hoá, quyền năng của chính mình bằng cách khẳng định rằng mỗi người là đấng tạo hoá của chính mình, phải chịu trách nhiệm cho sự giải thoát tự thân. Đó là lý do tại sao người ta nói rằng: “không có một ai là vô thần như Đức Phật”. Tôn giáo của người Phật tử ban cho con người một ý nghĩa lớn lao về chân giá trị; đồng thời, tôn giáo này cũng quy cho con người những trách nhiệm to lớn vô cùng. Người Phật tử không thể đổ lỗi cho những đấng quyền năng từ bên ngoài khi mà điều xấu đến với vị ấy. Nhưng người Phật tử có thể đối diện với sự bất hạnh bằng trạng thái tâm hoan hỷ, cởi mở bởi vì anh ta biết rằng anh ta có khả năng để dập tắt tất cả những khổ đau của cuộc đời.

Một trong những nguyên nhân giải thích tại sao đạo Phật thu hút giới trí thức và những người có học thức cao là Đức Phật không chấp nhận chủ đề từ Ngài chấp nhận một cách hấp tấp những gì họ nghe (dù là điều đó xuất phát từ bản thân Ngài) mà trước tiên không kiểm tra giá trị của nó. Những lời dạy

của Đức Phật đã tồn tại và thích hợp với thời đại bởi vì nhiều người trí thức đã thách thức mọi phương diện của những lời dạy ấy và đã đi đến kết luận rằng Đức Phật luôn luôn thuyết giảng Chân lý không thể phủ nhận được. Trong khi những nhà tôn giáo khác đang cố gắng tìm mọi cách để ‘đánh giá lại’ những lời dạy của bậc thầy của họ dưới ánh sáng của tri thức hiện đại về Vũ trụ, giáo pháp của Đức Phật đang được giới khoa học gia kiểm chứng.

---o0o---

SỰ PHÁT TRIỂN LUÂN LÝ ĐẠO ĐỨC & TÂM LINH

Không có một nền tảng tâm linh thì con người sẽ không có trách nhiệm luân lý đạo đức; con người mà không có trách nhiệm luân lý đạo đức sẽ tạo ra một sự hiểm nguy cho xã hội.

Phật giáo là một ngọn hải đăng soi sáng đáng khâm phục hướng dẫn cho nhiều con người nhiệt tâm vì đạo tiến đến một sự giải thoát an lạc vĩnh cửu. Đặc biệt Phật giáo rất cần cho thế giới hiện nay, một thế giới chất chứa đầy những sự hiểu lầm về mặt kinh tế, chính trị, chủng tộc và ý thức hệ. Những sự hiểu lầm này không bao giờ được xoá sạch một cách có hiệu quả mãi cho đến khi tinh thần khoan dung độ lượng được mở rộng đến những người khác. Tinh thần này có thể được trau dồi một cách tốt nhất dưới sự dẫn dắt của đạo Phật chú trọng đến sự hợp tác giữa luân lý và đạo đức vì sự lành mạnh của hoàn vũ.

Chúng ta biết rằng việc học học những thói hư tật xấu mà không cần đến người thầy hướng dẫn thì dễ, trong khi đó học tập những đức hạnh thì đòi hỏi một vị gia sư. Nhu cầu giảng dạy đức hạnh thông qua những giới luật và gương mẫu rất là cần đến trong xã hội như hiện nay.

Không có một nền tảng tâm linh thì con người sẽ không có trách nhiệm luân lý đạo đức; con người mà không có trách nhiệm luân lý đạo đức sẽ tạo ra một mối hiểm nguy cho xã hội.

Trong giáo lý của Đức Phật dạy rằng: sự tiến bộ tâm linh của một con người là quan trọng hơn sự tiến bộ những lợi ích vật chất. Lịch sử đã dạy chúng ta rằng chúng ta không thể mong đợi đạt được đồng thời hai thứ hạnh phúc: hạnh phúc vật chất và hạnh phúc vĩnh cửu.

Cuộc sống của hầu hết mọi người thường được quy định bởi những giá trị tâm linh và những nguyên tắc luân lý đạo đức mà chỉ có tôn giáo có thể cung cấp một cách hữu hiệu. Sự can thiệp của chính quyền vào cuộc sống của con người thì hầu như không cần thiết đến nếu con người có thể được khích lệ nhận thức được giá trị của sự tận tâm và có thể thực hành những lý tưởng của chân lý, bình đẳng và tinh thần phục vụ.

Giới hạnh rất cần thiết cho sự giải thoát, nhưng chỉ có giới hạnh không thôi thì không đủ. Giới hạnh phải được đi kèm với trí tuệ. Giới hạnh và trí tuệ cũng giống như đôi cánh của một con chim. Trí tuệ còn có thể được so sánh với cặp mắt của con người; giới hạnh như đôi chân của anh ta. Giới hạnh có thể được so sánh như một chiếc xe mang con người đến cửa giải thoát. Nhưng trí tuệ là chìa khoá thực sự mở ra cánh cửa ấy. Giới hạnh là một phần của kỹ thuật đời sống thánh thiện và thiện xảo. Nếu không có những giới luật răn dạy con người về luân lý đạo đức thì không thể có được sự thanh tịnh hoá tất cả những sự nhiễm ô của chúng sanh đang hiện hữu trên cõi đời này.

Phật giáo không phải là một nghi thức lễ bái lố lăng, huyền thoại được kể để giải trí đầu óc con người hoặc là nhằm làm thoả mãn nhu cầu tình cảm con người, nhưng là một phương pháp thánh thiện và khai phóng cho những ai thực sự muốn hiểu và kinh qua sự thật của cuộc đời.

---o0o---

THAY ĐỔI NHÃN HIỆU TÔN GIÁO TRƯỚC LÚC LÂM CHUNG

Chỉ tin rằng có một ai đó rửa sạch những tội lỗi của chúng ta mà không đè nén trạng thái tâm bất thiện của chúng ta là không thích hợp với giáo lý Đức Phật.

Chúng ta thường hay tình cờ chứng kiến những trường hợp người ta thường hay đổi đạo vào lúc họ sắp chết. Bằng cách chấp nhận một tôn giáo khác, nhiều người thường mang một sự tin tưởng sai lầm rằng họ có thể ‘rửa sạch những tội lỗi của mình’ và dễ dàng đi lên thiên đường hơn. Họ cũng hy vọng bản thân họ sẽ được tổ chức một tang lễ đơn giản và tốt đẹp hơn vào lúc qua đời. Đối với những ai sống trọn đời với một tôn giáo cố định nào đó, đột nhiên lại theo một tôn giáo hoàn toàn mới và không quen thuộc với họ và hy vọng được cứu rỗi ngay tức khắc thông qua niềm tin nơi tôn giáo mới này

thì thực sự là một điều vô cùng cường điệu. Đây chỉ là một giấc mơ. Thậm chí có một số người nổi tiếng là đã được đọa theo một tôn giáo khác khi họ đang ở trong trạng thái hôn mê, không ý thức và trong một vài trường hợp, thậm chí sau khi chết. Những ai quá sốt sắng, nhiệt tâm và điên cuồng về việc giáo hoá những người khác vào tôn giáo của họ, đã dẫn dắt những người thất học đi vào con đường sai lạc và buộc họ phải tin rằng tôn giáo của họ là một tôn giáo đúng đắn và chỉ có việc tin vào với một biện pháp dễ dàng hoặc là đây là một con đường tắt dễ lên thiên đường. Nếu người ta bị dẫn dắt tin rằng rằng có một ai đó đang ngồi ở một nơi nào đó có thể rửa sạch tất cả những tội lỗi mà họ đã phạm phải trong suốt quá trình sống trên cuộc đời này, thì niềm tin đó sẽ chỉ khích lệ những người khác phạm những hành động tội lỗi.

Giáo lý của Đức Phật dạy không có một niềm tin rằng có một ai đó có thể rửa sạch tất cả những tội lỗi của chúng ta. Chỉ khi nào con người thành thật nhận ra rằng những gì họ đang làm là không đúng và sau khi đã nhận ra điều đó, cố gắng sửa đổi và làm những điều thiện mà chúng có thể đề nén hoặc là trấn áp những hậu quả xấu đã được tích lũy mà họ đã phạm phải trong vô lượng kiếp sống. Nó trở thành một cảnh tượng phổ biến trong nhiều bệnh viện mà chúng ta có thể chứng kiến những người truyền đạo của một số tôn giáo luận quần xung quanh những bệnh nhân hứa khả họ ‘sự sống sau khi chết’. Đây là hành động lợi dụng sự không hiểu biết căn bản và nỗi sợ hãi về mặt tâm lý của những bệnh nhân. Nếu những người này thực sự muốn giúp đỡ, thì họ phải có thể bày tỏ những phép lạ mà họ quá tự hào cho là những phép lạ này được chứa đựng trong thánh điển của tôn giáo họ. Nếu họ có thể hiển bày những phép lạ, thì chúng ta sẽ không cần đến bệnh viện. Người Phật tử không bao giờ trở thành nạn nhân của những người này. Người Phật tử nên học những giáo lý cơ bản của tôn giáo thánh thiện của họ mà tôn giáo ấy dạy họ rằng tất cả những khổ đau trên cuộc đời này vận mệnh căn bản của nhân loại. Cách duy nhất để chấm dứt khổ đau là thanh tịnh tâm ý. Cá nhân con người tạo ra khổ đau cho chính mình và chính bản thân con người là người có thể chấm dứt khổ đau đó. Không một ai có thể hy vọng chấm dứt những hậu quả để lại sau những hành động tội lỗi của anh ta bằng cách thay đổi nhãn hiệu ở ngưỡng cửa của cái chết.

Số phận của người chết trong kiếp lai sinh tùy thuộc vào ý niệm cuối cùng hiện hữu nơi tâm thức (cận tử nghiệp) của người ấy theo ác nghiệp hay thiện nghiệp mà người ấy đã tạo tác trong kiếp sống hiện tại, không phân biệt loại nhãn hiệu tôn giáo nào anh ta thích chọn lựa cho chính mình ngay trước lúc lâm chung.

---o0o---

TÔN GIÁO HIỆN ĐẠI

Phật giáo là tôn giáo đủ mạnh để đương đầu với bất kỳ những quan điểm hiện đại nào đưa ra sự thách đố đối với tôn giáo.

Những ý tưởng của đạo Phật đã đóng góp to lớn trong việc làm phong phú nền tư tưởng cổ đại cũng như hiện đại. Giáo lý nhân quả và thuyết tương đối, học thuyết dữ liệu của giác quan, tính thực nghiệm, sự đề cao mặt luân lý, thái độ phủ nhận một linh hồn thường hằng, không quan tâm đến những thể lực quyền năng siêu nhiên bên ngoài, việc không thừa nhận những lễ nghi và hình thức tôn giáo không cần thiết, sự thu hút đối với tinh thần lý trí và kinh nghiệm và sự tương xứng với những phát minh của khoa học hiện đại, tất cả những yếu tố này hướng đến sự hình thành sự vượt trội của tôn giáo này so với cái hiện đại.

Đạo Phật có thể đáp ứng tất cả những yêu cầu của một tôn giáo lý trí thích ứng với những nhu cầu của một thế giới tương lai. Tôn giáo này quá khoa học, tiến bộ và lý trí đến mức độ con người trong thế giới hiện đại sẽ tự hào gọi chính mình là một người Phật tử. Trên thực tế, Phật giáo khoa học hơn khoa học hiện đại xét về mục đích; nó mang tính xã hội hơn là khoa học xã hội hiện đại.

Trong tất cả những bậc thầy sáng lập vĩ đại của các tôn giáo, chính Đức Phật là người duy nhất khích lệ tinh thần khám phá và khảo sát nơi chư đệ tử của Ngài và là người khuyên chư vị không nên chấp nhận ngay cả giáo lý của Ngài bằng một niềm tin mù quáng. Do đó, không phải là một sự quá cường điệu để gọi rằng Phật giáo là một tôn giáo hiện đại.

Phật giáo là một hệ thống kế hoạch được vạch ra tỉ mỉ để làm thế nào để sống trong hiện tại và một hệ thống được suy tính kỹ về sự tu tập cho chính tự thân. Nhưng còn hơn thế nữa, đó là một phương pháp giáo dục mang tính khoa học. Tôn giáo này có thể áp dụng tốt nhất trong bất kỳ tình cảnh khủng hoảng nhằm khôi phục sự an định của tâm và giúp chúng ta bình tĩnh đối diện với bất cứ sự đổi thay có thể xảy ra trong tương lai.

Nếu không có những thú vui dục lạc thì cuộc đời có thể kham nhẫn được chăng? Nếu không có sự tin tưởng vào sự bất tử thì liệu con người có thể sống luân lý? Nếu không viện đến thần thánh, thì liệu con người có thể phát triển hướng đến cái chân? Vâng, có thể là câu trả lời của Phật giáo. Những

mục đích này có thể dùng tri thức và sự thanh tịnh hoá của tâm để đạt được. Tri thức là chìa khoá đưa đến đưa đến con đường phát triển đến mức độ cao hơn. Sự thanh tịnh hoá là yếu tố có thể mang lại sự an lạc và bình thản cho cuộc đời và khiến cho con người vô tư và không chấp vào sự chuyển biến của thế giới hiện tượng.

Phật giáo là một tôn giáo thực sự thích hợp với thế giới khoa học hiện đại. Ánh sáng toả chiếu từ thiên nhiên, từ khoa học, lịch sử và từ kinh nghiệm nhân loại, từ mọi điểm trong vũ trụ, đều rạng rỡ cùng với những lời dạy thánh thiện của Đức Phật.

---o0o---

TÔN GIÁO CỦA TỰ DO

*Đây là một tôn giáo tự do và lý trí
khiến con người sống cuộc đời thánh thiện.*

Phật giáo không ngăn cản bất kỳ ai học hỏi giáo lý của những tôn giáo khác. Trên thực tế, Đức Phật khích lệ chư đệ tử Ngài nên học hỏi giáo lý của những tôn giáo khác và đem so sánh lời dạy của Ngài với những tôn giáo khác. Đức Phật nói rằng nếu những giáo lý ấy mang bản chất lý trí và thích hợp với họ thì các vị đệ tử ngài có quyền tự do tôn trọng những lời dạy như thế. Dường như có một số nhà lãnh đạo tôn giáo cố tìm mọi cách để kìm giữ tín đồ của mình trong bóng tối, có một số trong các vị lãnh đạo đó thậm chí không cho phép tín đồ của họ đụng chạm đến những biểu tượng hoặc kinh sách của những tôn giáo khác. Họ được hướng dẫn không nên lắng nghe những lời thuyết giảng của những tôn giáo khác. Họ bị ngăn cấm không được nghi ngờ về giáo lý của tôn giáo họ, cho dù họ không tin tưởng những giáo lý ấy thế nào đi nữa. Họ càng kìm giữ thái độ thiển cận của tín đồ của họ, thì họ càng dễ dàng kiểm soát những tín đồ ấy. Nếu một ai trong số họ muốn thực hiện sự tự do tư tưởng và nhận ra rằng anh ta luôn luôn bị nhốt trong ngục tối của tri thức nhân loại thì lúc đó người ta viện lẽ là quỷ thần đã cướp đi tâm trí của anh ta. Những người nghèo không được tạo cơ hội để sử dụng khả năng lý trí thông thường, sự giáo dục và khả năng thông minh của anh ta. Những người nào muốn ước ao thay đổi những cách nhìn về tôn giáo thì được dạy phải tin rằng họ không đủ hoàn hảo để được phép sử dụng sự tự do ý chí để tự thân phán xét vấn đề.

Theo Đức Phật tôn giáo phải do con người tự do chọn lựa. Tôn giáo không phải là một bộ luật, nhưng đó là quy tắc, hệ thống giới luật mà con người tuân theo nó với tinh thần hiểu biết. Đối với người Phật tử chân chánh, những quy tắc tôn giáo không phải là quy luật của thiên đường, cũng không phải là quy luật của con người mà đó là một quy luật của tự nhiên. Trên tình hình thực tế hiện nay, hầu hết mọi nơi trên thế giới không có quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo thực sự. Con người không có quyền tự do suy nghĩ. Bất cứ khi nào anh ta nhận ra rằng anh ta không thể tìm thấy sự thoả mãn trong tôn giáo mà anh ta đang tôn thờ, thì lúc đó anh ta không thể tìm ra những giải pháp thoả mãn cho những vấn đề trong cuộc sống và anh ta không có quyền tự do từ bỏ tôn giáo đó và chấp nhận một tôn giáo mới thu hút anh ta. Lý do là thẩm quyền tôn giáo, những nhà lãnh đạo tôn giáo và những thành viên trong gia đình đã tước đi cái quyền tự do ấy của anh ta. Nhân loại phải được trao quyền tự do chọn lựa tín ngưỡng phù hợp với niềm tin của họ. Không một ai có quyền ép buộc người khác chấp nhận một tín ngưỡng riêng biệt nào. Có một số người từ bỏ tôn giáo của họ vì vấn đề tình yêu, để được thoả mãn nhu cầu yêu đương đối tượng mà họ đang theo đuổi, chính vì thế họ không hiểu đúng đắn tín ngưỡng của người bạn đời của mình. Tín ngưỡng không nên được thay đổi nhằm thích ứng những nhu cầu tình cảm của con người và yếu điểm của nhân loại. Người ta nên suy nghĩ thận trọng trước khi thay đổi tín ngưỡng. Tín ngưỡng không phải là một vấn đề để phục vụ cho việc giao kèo mua bán; con người không nên thay đổi tín ngưỡng vì những lợi nhuận vật chất cho cá nhân. Tín ngưỡng tôn giáo là nhằm phục vụ cho nhu cầu tu tập, tiến bộ về tâm linh và tự giải thoát bản thân.

Người Phật tử không bao giờ tạo ảnh hưởng những tín đồ tôn giáo khác và không bao giờ đi theo tôn giáo của họ để hưởng được những nhu cầu vật chất. Người Phật tử cũng không bao giờ lợi dụng, khai thác sự nghèo khó, bệnh hoạn, mù chữ và không hiểu biết để mà truyền bá đạo làm gia tăng số lượng tín đồ của tôn giáo mình. Đức Phật khuyên những ai muốn theo Ngài tu học không nên hấp tấp vội vã trong việc chấp nhận giáo lý của Ngài. Ngài khuyên họ nên xem xét kỹ giáo lý của Ngài và tự bản thân quyết định liệu giáo lý của Ngài có thiết thực và lợi ích hay không và có thích hợp để cho họ đi theo hay không.

Phật giáo dạy rằng chỉ bằng niềm tin suông thôi hoặc là những hình thức lễ nghi bên ngoài thì không đủ để đạt được trí tuệ và sự hoàn thiện, giải thoát. Xét theo ý nghĩa này, thì sự thay đổi tín ngưỡng bên ngoài trở nên vô nghĩa. Để thúc đẩy sự phát triển của Phật giáo bằng sự ép buộc, sẽ đồng nghĩa với việc ngăn cản sự truyền bá chân lý công bằng và tình thương bằng những

phương tiện ép buộc và phi công bằng. Đối với đệ tử của Đức Phật một cái tên gọi không quan trọng cho dù anh ta tự gọi mình là một Phật tử hoặc không phải cũng không ảnh hưởng gì đến sự giải thoát của anh ta. Người Phật tử biết rằng chỉ bằng sự hiểu biết và những nỗ lực của con người thì họ sẽ tiến gần hơn đến mục tiêu do Đức Phật thuyết giảng.

Trong số tín đồ của nhiều tôn giáo trên thế giới hiện nay, có một số tín đồ rất cuồng tín. Sự cuồng tín trong tôn giáo vô cùng nguy hiểm. Một tín đồ cuồng tín không thể kiểm soát chính bản thân mình, không được lý trí hoặc là những nguyên lý khoa học quan sát và phân tích dẫn dắt. Theo Đức Phật, người Phật tử phải là con người tự do với một tâm hồn cởi mở, khoan dung và không nên chịu quy lụy đối với bất cứ ai để cầu khẩn cho sự phát triển tâm linh của mình. Người Phật tử quy y Phật, nương tựa nơi Ngài bằng cách chấp nhận Ngài như là một động lực, nguồn gợi cảm khích lệ trong quá trình tu tập. Người Phật tử nương tựa nơi Đức Phật không phải bằng niềm tin mù quáng mà là bằng một sự hiểu biết. Đối với người Phật tử, Đức Phật, bậc Thầy của họ không phải là một đấng cứu thế hoặc Ngài cũng không phải là một chúng sanh phồng nhân hình người tuyên bố có khả năng rửa sạch tất cả những tội lỗi của những người khác. Người Phật tử xem Đức Phật như là một Bậc Thầy chỉ cho họ con đường đưa đến sự giải thoát, giác ngộ.

Đạo Phật luôn luôn ủng hộ tinh thần tự do và tiến bộ của nhân loại. Phật giáo luôn biểu trưng cho sự tiến bộ tri thức và quyền tự do nhân loại trong mọi phương diện của cuộc sống. Không có điều gì trong giáo lý Đức Phật phải chịu rút lui trong bộ mặt của những phát minh và tri thức khoa học hiện đại. Các khoa học gia ngày càng khám phá ra nhiều điều mới mẻ, thì họ càng tiến lại gần Đức Phật hơn.

Đức Phật giải thoát con người khỏi sự trói buộc của tôn giáo. Ngài cũng giải phóng con người khỏi tình trạng độc quyền và chuyên chế bạo ngược của giới tu sĩ. Chính Đức Phật là người đầu tiên khuyên con người nên thực hiện khả năng lý trí của mình và không cho phép bản thân anh ta phải phục tùng một cách ngoan ngoãn giống như loài gia súc câm điếc, đi theo tín điều tôn giáo. Đức Phật tượng trưng cho lý trí, dân chủ, tinh thần thiết thực và mẫu người đạo đức trong tôn giáo. Ngài giới thiệu tôn giáo của Ngài cho nhân loại tu tập bằng chân giá trị của con người.

Chư đệ tử Phật được Ngài khuyên không nên tin tưởng vào những gì mà không xem xét chúng một cách đúng đắn. Trong **Kinh Kalama**, Đức Phật đưa ra những lời khuyên như sau đây cho một nhóm thanh niên Kalama:

“Đừng chấp nhận điều gì được căn cứ trên cơ sở chỉ nghe tường thuật lại, hoặc là truyền thống, hoặc là tin đồn.

Đừng chấp nhận điều gì căn cứ trên uy quyền của kinh điển, hợp với lý trí hoặc là những lời tranh luận.

Đừng chấp nhận điều gì căn cứ trên cơ sở suy luận, ước đoán như vậy.

Đừng chấp nhận điều gì dường như là có lý.

Đừng chấp nhận điều gì từ ý kiến tư biện của một ai đó, dường như là khả năng của người khác. Hoặc là xem xét: “Đây là bậc đạo sư của chúng ta”.

Nhưng khi quý vị biết do chính mình những điều chắc chắn này là bất thiện và xấu xa, có khuynh hướng đưa đến hại mình và hại người, thì hãy từ chối chúng.

Và khi nào chư vị biết do chính mình những điều này là thiện và tốt: đưa đến sự lợi ích về mặt tâm linh cho chính chư vị cũng như cho những người khác, thì hãy chấp nhận và thực hành chúng”.

Người Phật tử được khuyên nên chấp nhận những giáo lý nào chỉ sau khi xem xét, quan sát và phân tích kỹ lưỡng và chỉ sau khi chắc chắn rằng phương pháp đó thích hợp với lý trí và đưa đến sự lợi ích cho bản thân và cho tất cả.

Người Phật tử chân chánh không lệ thuộc vào những thế lực bên ngoài để tìm cầu sự giải thoát tự thân. Anh ta cũng không hy vọng có thể đoạn trừ những khổ đau trong cuộc sống thông qua sự can thiệp của một đấng siêu hình nào từ bên ngoài. Người Phật tử phải cố gắng bằng tất cả nỗ lực của chính bản thân mình nhằm tẩy sạch tất cả những nhiễm ô, cấu uế trong tâm mình để tìm được niềm hạnh phúc, an lạc vĩnh cửu. Đức Phật dạy: “Nếu có một ai đó nói xấu ta, giáo pháp của ta và chư đệ tử ta, thì không nên bày tỏ thái độ buồn bã hoặc là chán nản, bởi vì sự phản ứng như thế sẽ chỉ làm tác hại đến bản thân các vị mà thôi. Ngược lại, nếu có một ai đó nói tốt về ta, giáo pháp của ta và chư đệ tử ta, thì đừng quá vội hân hoan, vui mừng hoặc là thích thú bởi vì như thế sẽ chỉ làm chướng ngại cho việc phán xét một cách chính xác. Nếu chư vị hân hoan, vui mừng thì chư vị không thể phán xét liệu những phẩm chất được người khác tán thán là thực và thực sự được tìm thấy trong chính nơi ta”. Đó là thái độ không thành kiến, thiên vị của một người Phật tử chân chánh.

Đức Phật đã nâng cao mức độ tự do cao nhất không chỉ ở nơi bản chất con người mà còn ở nơi những phẩm chất thiên tính. Đó chính là quyền tự do không tước đoạt chân giá trị của con người. Đó là sự tự do giải thoát con người khỏi sự nô lệ của những giáo điều và những quy luật tôn giáo độc tài hoặc là sự trừng phạt trong tôn giáo.

---o0o---

SỨ MỆNH CỦA NGƯỜI CON PHẬT

“Này các Tỳ-kheo, Hãy ra đi vì lợi ích cho số đông, vì hạnh phúc cho số đông, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì sự tốt đẹp, vì an lạc và hạnh phúc cho chư thiên và loài người”. (Đức Phật)

Khi chúng ta mở ra những trang sử của Phật giáo, chúng ta biết rằng sứ mệnh của những người con Phật là ban phát bức thông điệp từ bi và tình thương của Đức Phật bằng một phương pháp an hoà và tôn trọng. Một sứ mệnh hoà bình như thế nên được ca ngợi và khiển trách những ai đã thực thi những biện pháp bạo lực trong quá trình truyền bá tôn giáo của mình.

Những phái đoàn truyền giáo của đạo Phật không tranh đấu với những nhà lãnh đạo tôn giáo khác trong quá trình giáo hoá con người ở nơi thị trường. Không có phái đoàn truyền giáo nào hoặc là vị Tăng sĩ nào của Phật giáo suy nghĩ đến việc thuyết giảng những điều xấu để chống lại những người được gọi là ‘không tin tưởng’. Thái độ không khoan dung trong lĩnh vực tôn giáo, văn hoá và dân tộc không phải là thái độ của Phật giáo, không phải là tinh thần của những con người được thấm nhuần với tinh thần Phật giáo thực sự. Sự thù hận không bao giờ được tán thành trong giáo lý của Đức Phật. Thế giới này đã đầm máu nhiều và phải chịu nhiều phiến toái như là căn bệnh của chủ nghĩa giáo điều, sự cuồng tín tôn giáo và bất khoan dung, độ lượng trong tôn giáo. Cho dù đó là trong lĩnh vực tôn giáo hay chính trị, con người đã ý thức nỗ lực nhằm mang lại cho nhân loại để giúp họ chấp nhận lối sống của chính mình. Trong khi làm như vậy, đôi khi họ bày tỏ thái độ hiếu khách, hoà nhã của họ đối với tín đồ của những tôn giáo khác.

Đạo Phật không tranh cãi với những truyền thống dân tộc và phong tục tập quán, nghệ thuật và văn hoá của những con người chấp nhận nó làm lối sống mà để cho chúng tồn tại ngày càng cải thiện tốt hơn. Thông điệp tình thương và từ bi của Đức Phật mở rộng con tim của nhân loại và họ sẵn sàng chấp nhận những lời dạy của Ngài do vậy, giúp cho Phật giáo trở thành một tôn giáo thế giới. Những nhà truyền giáo của đạo Phật được một số quốc gia độc

lập tự chủ mời đến với tinh thần chào đón nồng nhiệt và kính trọng. Phật giáo không bao giờ được truyền bá đến bất kỳ quốc gia nào thông qua sự ảnh hưởng của quá trình chiếm lĩnh thuộc địa hoặc là quyền lực chính trị.

Phật giáo là thế lực tâm linh đầu tiên mà chúng ta biết đến trong lịch sử nhân loại. Tôn giáo này đã thu hút hầu như đại đa số con người thuộc nhiều chủng tộc khác nhau bị chia cách bởi những hàng rào chắn khó khăn nhất như là khoảng cách địa lý, văn hoá, ngôn ngữ và luân lý đạo đức. Động cơ của tôn giáo này không phải là việc thu nhập nền thương mại quốc tế, xây dựng đế chế hoặc là đặt ách thống trị nhằm xâm chiếm lãnh thổ, thuộc địa. Mục đích của tôn giáo này là để chỉ ra nhân loại làm thế nào có thể đạt được nhiều hạnh phúc và an lạc hơn thông qua việc hành trì giáo Pháp của Đức Phật.

Một tấm gương rạng rỡ về những phẩm chất và mục tiêu của một người Phật tử truyền giáo là đại đế A dục. Chính trong suốt thời gian trị vì của đại đế mà Phật giáo được truyền bá đến những quốc gia Á châu cũng như phương Tây. Đại đế A dục phái những phái đoàn truyền giáo đến nhiều nơi trên giới giới để truyền bá thông điệp về hoà bình của Đức Phật. Nhà vua tôn trọng và hỗ trợ cho những tôn giáo đương thời phát triển. Sự khoan dung, độ lượng của nhà vua đối với những tôn giáo khác thì rất đáng kể. Một trong những bi ký của nhà vua được khắc trên trụ đá A dục và vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay tại Ấn Độ. Bi ký đó ghi lại rằng:

“Người ta không nên chỉ kính trọng và ngưỡng vọng tôn giáo của chính mình và phê phán tôn giáo của những người khác, nhưng người ta nên tôn trọng tín ngưỡng của những người khác vì lý do này hoặc vì lý do khác. Khi làm như vậy, người ta giúp tôn giáo mình phát triển và cũng giúp cho tôn giáo của những người khác phát triển. Khi làm trái ngược với tinh thần trên thì người ta tự đào mồ chôn tôn giáo của chính mình và còn làm hại đến những tôn giáo khác. Bất cứ ai tôn trọng tôn giáo của chính mình và phê phán tôn giáo của những người khác, làm như vậy do vì sự tận tụy đối với tôn giáo của mình, nghĩ rằng ‘Ta sẽ làm rạng danh tôn giáo của ta’. Nhưng ngược lại, khi làm như vậy, anh ta làm tổn thương đến tôn giáo của mình càng trầm trọng hơn, do vậy, hoà hợp là tốt nhất. Tất cả hãy cùng nhau lắng nghe và sẵn sàng lắng nghe giáo lý của những tôn giáo khác”.

Vào năm 268 trước Tây lịch, nhà vua đã vận dụng giáo lý đạo Phật và biến những lời dạy này thành một thế lực sống tại Ấn Độ. Nhiều bệnh viện, trường học, cơ sở hoạt động xã hội, trường đại học cho cả nam lẫn nữ, giếng nước công cộng và nhiều trung tâm vui chơi giải trí được mọc lên và phát

triển nhanh chóng trong chính quyền mới này và người dân trong nước từ đó nhận ra được sự tàn nhẫn của những cuộc chiến tranh vô nghĩa.

Kỷ nguyên vàng son trong lịch sử Ấn Độ và những quốc gia khác-thời kỳ khi mà nghệ thuật, văn hoá, giáo dục và văn minh đạt đến tột đỉnh của nó diễn ra tại một thời điểm khi mà sự ảnh hưởng của Phật giáo tác động mạnh mẽ nhất ở những quốc gia này. Những cuộc thánh chiến, những cuộc Thập tự chinh, sự hành quyết và tệt phân biệt tôn giáo không làm hại đến trang biên niên sử của những quốc gia Phật giáo. Đây là một lịch sử cao thượng mà nhân loại có thể lấy làm tự hào. Trường đại học lớn Nalanda tại Ấn Độ phát triển thịnh hành từ thế kỷ thứ hai đến thế kỷ thứ chín là một thành phẩm của Phật giáo. Đó chính là trường đại học đầu tiên mà chúng ta biết đến và được mở rộng ra cho tất cả giới sinh viên trên khắp các nước trên thế giới.

Trong quá khứ, Phật giáo có thể tự phát triển tại nhiều vùng trong khu vực Á đông mặc dù phương tiện giao thông và thông tin liên lạc khó khăn và dân chúng phải vượt đồi núi và sa mạc. Cho dù những hàng rào cản trở khó khăn này, Phật giáo đã phát triển trên bình diện xa và rộng. Ngày nay, bức thông điệp hoà bình này đang được lan truyền rộng rãi tại phương Tây. Người phương Tây được thu hút đến với đạo Phật và tin rằng Phật giáo là tôn giáo duy nhất hài hoà với khoa học hiện đại.

Những nhà truyền giáo Phật giáo không cần hoặc không có ham muốn giáo hoá những ai đã đi theo một tôn giáo đúng đắn. Nếu người ta thoả mãn, bằng lòng với tín ngưỡng của chính họ, thì người Phật tử không cần thiết phải giáo hoá họ và buộc họ đổi đạo. Họ hỗ trợ hết mình cho những phái đoàn truyền giáo của những tôn giáo khác nếu ý tưởng của họ là muốn được giáo hoá những tầng lớp người yếu đuối, hèn nhát, tội lỗi và thất học và hướng dẫn họ sống theo lối sống đạo lý. Người Phật tử vô cùng hạnh phúc khi nhìn thấy sự tiến bộ của những tôn giáo khác miễn là họ thực sự giúp đỡ nhân loại hướng đến một đời sống đạo lý thánh thiện phù hợp với niềm tin của họ và hưởng được sự an lạc, hạnh phúc, hoà hợp và hiểu biết. Ngược lại, những nhà truyền giáo Phật giáo lên án thái độ của những nhà truyền giáo làm tổn hại đến niềm tin của tín đồ những tôn giáo khác bởi vì không có lý do nào để họ phải tạo ra một bầu không khí không lành mạnh của sự tranh đấu trong việc giáo hoá nếu mục đích của họ không gì khác ngoài việc dạy con người sống đời sống đạo lý.

Khi giới thiệu Pháp cho người khác, những nhà truyền giáo Phật giáo không bao giờ cố sử dụng đến những sự cường điệu tương tượng phát hoạ một cuộc

sống thiên đường để mà thu hút những ước muốn và khơi dậy lòng tham của con người. Thay vì, họ đã cố giải thích bản chất chân thật của con người và cuộc sống hạnh phúc an lạc như Đức Phật đã dạy.

---o0o---

Ý NGHĨA CỦA GIẤC CHIÊM BAO

Cuộc đời chỉ là một giấc mơ.

Một trong những vấn đề vĩ đại nhất của con người chưa được giải quyết một cách thoả đáng là bí mật của giấc mơ. Ngay từ lúc khởi nguyên của thời đại, con người đã cố gắng phân tích những giấc mơ và cố giải thích chúng theo những ngôn từ của tâm lý và tiên tri, nhưng trong khi đó đã có một số phương pháp tiếp cận thành công trong lĩnh vực này trong giai đoạn gần đây, có lẽ chúng ta không khỏi bối rối với câu hỏi: “Giấc mơ là gì?”

Một nhà thơ lãng mạn lớn của nước Anh, William Wordsworth có một quan niệm rất ngạc nhiên rằng cuộc đời mà chúng ta đang sống chỉ là một giấc mơ và chúng ta sẽ ‘tỉnh thức’, giác ngộ được thực tại khi chúng ta không còn hiện hữu trên cõi đời này nữa, khi giấc mơ của chúng ta chấm dứt.

Sự ra đời của chúng ta chỉ là một giấc ngủ và bị lãng quên;
Linh hồn, hiện hữu trong ta, trong ngôi sao cuộc đời chúng ta;
Có một nơi nào để trú ngụ
Và đến từ....

Một quan niệm tương tự được biểu hiện trong một mẫu chuyện cổ Phật giáo thật hấp dẫn kể về một câu chuyện của một vị thiên thần đang rong chơi với các vị thiên thần khác. Vì mệt mỏi nên, vị thiên thần đó nằm nghỉ một lát và sau đó tịch diệt. Vị thiên thần này được tái sinh làm thân nữ nhơn trên trần gian này. Ở trần gian này, cô ta lấy chồng, sinh một vài đứa con và sống rất thọ. Sau khi qua đời, cô ta lại được sinh làm thiên thần như trong số những người bạn đồng phạm hạnh vừa mới tan cuộc chơi của họ. (Câu chuyện này còn minh họa thời gian của thế giới này rất khác với thời gian ở thế giới khác.

Phật giáo quan niệm thế nào về giấc mơ? Cũng giống như trong mỗi nền văn hoá khác, Phật giáo cũng đã chia sẻ ngang bằng với những con người được cho là có kỹ năng trong việc giải thích bí ẩn của những giấc mơ. Những người như thế đã kiếm được một món tiền rất nhiều trong quá trình lợi dụng

sự vô minh của những người tin rằng mỗi giấc mơ có một ý nghĩa tâm linh và tiên tri.

Theo ngành tâm lý học Phật giáo, giấc mơ chỉ là những quá trình tâm lý diễn ra như là những hoạt động của tâm thức. Khi xem xét hiện tượng của giấc mơ, chúng ta nên nhớ rằng quá trình ngủ có thể được xem như rơi vào năm giai đoạn sau:

Ngủ lơ mơ (nửa ngủ nửa thức),
Ngủ tĩnh,
Ngủ say,
Ngủ tĩnh và,
Thức giấc

Ý nghĩa và nguyên nhân của giấc mơ là đề tài thảo luận chính trong tác phẩm nổi tiếng ‘Milinda Panha’ (Vua Milanda vấn kinh), trong cuộc hội thoại này, Na Tiên Tỳ-kheo đã phát biểu rằng có sáu nguyên nhân khiến cho giấc mơ xuất hiện, trong đó có ba nguyên nhân thuộc về cơ quan của cơ thể như đầy bụng, mệt và đờm đãi. Nguyên nhân thứ tư là do vì sự can thiệp của những thế lực quyền năng siêu nhiên; thứ năm là sự hồi tưởng những sự việc đã kinh qua trong quá khứ và sáu là sự ảnh hưởng của những sự kiện trong tương lai. Người ta phát biểu một dứt khoát rằng giấc mơ chỉ xuất hiện khi trong trạng thái ngủ tĩnh giống như trạng thái ngủ của loài khỉ. Trong sáu nguyên nhân đã đưa ra, Na Tiên Tỳ-kheo phát biểu một cách quả quyết rằng nguyên nhân sau cùng chính giấc mơ tiên tri là giấc mơ quan trọng nhất và những giấc mơ khác thì tương đối không có ý nghĩa.

Giấc mơ là hiện tượng do tâm thức tạo ra và chúng là những hoạt động của tâm. Tất cả mọi người đều mơ mặc dù một vài người trong số họ không thể nhớ. Phật giáo cho rằng có một vài giấc mơ mang ý nghĩa tâm lý. Sáu nguyên nhân được đề cập trên đây cũng có thể được phân loại như sau:

Mỗi niệm được tạo ra được cất giữ trong tầng thức của chúng ta và một vài niệm có ảnh hưởng mạnh mẽ đến tâm tùy theo trạng thái tâm bản khoãn lo lắng của chúng ta. Khi chúng ta ngủ, một vài trong số những niệm này được hoạt động và hiện ra nơi chúng ta như là ‘những bức tranh’ chuyển động trước mặt chúng ta. Quá trình này xảy ra bởi vì trong suốt quá trình ngủ, năm căn (năm giác quan) kiến lập nên sự tiếp xúc của những giác quan chúng ta với thế giới bên ngoài, tạm thời bị ngăn chặn lại. Lúc đó, tầng thức của ta tự do ngự trị và ‘xem lại’ những niệm được cất giữ trong đó. Những

giấc mơ này có thể có giá trị đối với ngành tâm thần học nhưng không thể được phân xếp vào giấc mơ tiên tri. Chúng chỉ là những phản ảnh, hồi tưởng của tâm thức lúc nghỉ ngơi.

Loại giấc mơ thứ hai cũng không có ý nghĩa. Những giấc mơ này được gây ra bởi những sự kích động, trêu chọc bên ngoài và bên trong khởi hành một chuyến đi bằng tàu hoả của những niệm mà tâm có thể nhìn thấy được lúc nghỉ ngơi. Những nhân tố bên trong là những nhân tố làm phiền toái đến cơ thể ví dụ như bữa ăn no không cho phép người ta nghỉ ngơi một lát hoặc là sự mất thăng bằng và sự ma sát giữa những yếu tố tạo thành cơ thể. Những sự kích động bên ngoài là khi tâm bị giao động và phiền nhiễu (mặc dù người nghỉ không để ý đến nó) do những hiện tượng tự nhiên gây ra giống như thời tiết, gió, lạnh, mưa, lá kêu xào xạc, khua cửa sổ v.v.... Tầng thức phản ứng lại những sự phiền hà này và tạo ra những bức ảnh để thanh minh chúng. Tâm điều chỉnh sự khó chịu theo một cách thích hợp để mà người mơ có thể tiếp tục ngủ mà không bị quấy nhiễu. Những giấc mơ này cũng không quan trọng và cũng không cần phải giải thích.

Kê đến là giấc mơ tiên tri. Những giấc mơ này quan trọng. Chúng là những kinh nghiệm hiếm có và chỉ xuất hiện khi có một sự kiện sắp xảy ra có ý nghĩa quan trọng to lớn đối với người mơ. Đạo Phật dạy rằng ngoài thế giới hữu hình này chúng ta còn có thể kinh qua thế giới của chư thiên thần hiện hữu ở một hành tinh khác hoặc là một số quý thần gắn bó với trần gian này và chúng ta không thể nhìn thấy được họ. Chư vị có thể là bà con họ hàng hoặc bạn bè ta đã qua đời và đã được tái sinh. Chư vị duy trì những mối quan hệ tâm linh trước đây và lưu luyến đối với chúng ta. Khi người hồi hướng những phước báo cho chư thiên thần và những người đã qua đời, người Phật tử nhớ nghĩ đến chư vị này và mời gọi họ đến chia sẻ niềm hạnh phúc được tích lũy trong quá trình tạo phước. Do đó, họ phát huy mối quan hệ về mặt tinh thần với những người đã qua đời của họ. Chư vị thiên thần, ngược lại, bằng lòng và chư vị xem xét những hành động của chúng ta và chỉ bảo một điều gì đó trong những giấc mơ khi mà chúng ta đương đầu với một số vấn đề to lớn và họ cố bảo vệ chúng ta.

Vì vậy, khi có một việc gì quan trọng sắp xảy ra trong cuộc sống của chúng ta, chư vị phát ra một số năng lực tâm linh trong tâm của chúng ta được nhìn thấy dưới dạng những giấc mơ. Những giấc mơ này có thể cảnh báo chúng ta sự hiểm nguy sắp xảy ra hoặc là thậm chí mang đến cho chúng ta những tin vui vô cùng bất ngờ. Những thông tin này được cung cấp dưới dạng biểu tượng (giống như âm bản của những bức ảnh) và phải được giải thích

bằng kỹ năng khéo léo và trí thông minh. Khổ thay có quá nhiều người không phân biệt được hai loại giấc mơ đầu tiên với loại giấc mơ này và vội vã tốn nhiều thời gian quý báu và tiền bạc để đi tìm những ông đồng bà cốt giả và những người cắt nghĩa giấc mơ để giải thích. Đức Phật nhận ra rằng trường hợp này có thể được lợi dụng để phục vụ cho tư lợi và do đó Ngài cảnh báo chư Tỳ-kheo không nên thực hành những việc như bói toán, chiêm tinh và giải thích giấc mơ dựa trên danh nghĩa Phật giáo.

Sau cùng, tâm thức chúng ta là kho chứa tất cả những năng lực nghiệp được tích lũy trong quá khứ. Tỉnh thoảng khi một nghiệp quả sắp được gặt hái (có nghĩa là khi hành động chúng ta đã tạo trong kiếp quá khứ hoặc là nhiều kiếp trong quá khứ, sắp chín muồi trong hiện tại) thì tâm thức nghỉ ngơi trong suốt thời gian chúng ta ngủ nghỉ có thể tạo ra một bức tranh về những gì sắp hiện ra. Và lại, hành động sắp xảy ra có một vai trò lớn lao và phải được tràn đầy đến mức độ mà tâm thức phóng ra một nguồn năng lượng cực kỳ mạnh dưới dạng hình thức của một giấc mơ sâu đậm. Những giấc mơ như thế chỉ xuất hiện khi trong những trường hợp hiếm hoi và chỉ ở một số người với sự cấu tạo một loại tinh thần đặc biệt. Dấu hiệu của hậu quả của một số nghiệp quả cũng xuất hiện trong tâm chúng ta ở niệm cuối cùng khi chúng ta sắp sửa chia tay thế giới này.

Giấc mơ có thể xuất hiện khi hai sinh vật sống gởi cho nhau những bức thông tin ngoại cảm mạnh mẽ. Khi một người có ước muốn mãnh liệt để giao tiếp với người khác, thì vị ấy chú tâm mạnh mẽ đến bức thông tin và người mà anh ta muốn giao tiếp. Khi tâm ở trong trạng thái yên tĩnh, đó là một trạng thái lý tưởng để tiếp nhận những bức thông tin này dưới dạng những giấc mơ. Thông thường, những giấc mơ này chỉ xuất hiện trong một ý niệm mạnh mẽ bởi vì tâm thức con người không đủ mạnh để duy trì những bức thông tin như thế trong một khoảng thời gian dài.

Tất cả mọi người trên thế gian này đều là những con người mơ mộng và họ nhìn thấy thế gian này là thường hằng, bất biến, song những gì xét cơ bản đều là vô thường. Họ không thấy rằng tuổi trẻ kết thúc ở tuổi già, sắc đẹp chấm dứt ở cái xấu, sức khỏe chấm dứt khi bệnh tật đến và chính bản thân cuộc đời chấm dứt bằng cái chết. Trong thế giới mộng mơ này, những gì thực sự không có bản chất mộng mơ đều được xem như thực tại. Mơ màng trong lúc ngủ chỉ là một khía cạnh khác của một thế giới mộng mơ. Chỉ có những ai thức tỉnh và giác ngộ như chư Phật và chư vị Bồ-tát, A-la-hán như các Ngài đã chứng được thực tại.

Chư Phật và các vị A-la-hán không bao giờ mơ mộng. Ba loại giấc mơ đầu tiên không thể xuất hiện trong tâm của quý Ngài bởi tâm của các Ngài đã định hoàn toàn và không thể phát ra giấc mơ. Loại giấc mơ sau cùng không thể xuất hiện ở nơi chư Ngài bởi vì các Ngài đã đoạn tận hoàn toàn những năng lực tham ái và không có nguồn năng lượng còn lại của sự lo lắng hoặc là ước muốn không được thoả mãn để phát ra tâm sản sinh những giấc mơ. Đức Phật được biết đến như là một bậc giác ngộ bởi vì phương pháp thu giãn thân thể của Ngài không phải là phương pháp chúng ta ngủ nghỉ chính từ đó những giấc mơ xuất hiện. Những nhà tư tưởng và nghệ thuật vĩ đại như German Goethe, thường nói rằng họ có được nguồn cảm hứng tốt nhất từ những giấc mơ. Điều này có lẽ vì khi tâm thức của họ bị cắt đứt khỏi ngũ căn trong lúc ngủ nghỉ, cho nên họ sản sinh những tư tưởng rõ ràng mang tính sáng tạo ở cấp độ cao nhất.

---o0o---

ĐẠO PHẬT CHO NHÂN LOẠI

Tôn giáo này có thể được thực hành hoặc là nơi cuộc sống thế tục hoặc là viễn ly.

Một số người tin rằng Phật giáo là một hệ thống giáo lý quá cao siêu và vi diệu mà những người nam nữ bình thường trong thế giới của chúng ta không thể hành theo được. Và họ cũng quan niệm rằng người ta muốn trở thành một Phật tử thuần thành chân chánh thì anh ta phải xa lìa thế gian này để trú ẩn vào một nơi tự viện, hoặc một vài nơi yên tĩnh nào đó để tu học.

Đây là một quan niệm sai lầm đáng buồn rõ ràng là do sự thiếu hiểu biết về lời dạy của Đức Phật. Một số lại vội vàng đi đến một kết luận hấp tấp và sai lạc như thế là do kết quả chỉ nghe người ta nói hoặc đọc câu thả, lấy lệ một tác phẩm Phật giáo do một số tác giả viết, mà những người này do vì không hiểu vấn đề trên mọi phương diện của nó, cho nên chỉ đưa ra một quan điểm phiến diện và hời hợt thiên vị về vấn đề đó. Giáo pháp của Đức Phật không chỉ dành riêng cho giới cư sĩ tại gia sống với gia đình, bán thánh đạo, một quy tắc, triết lý sống của Phật giáo, dành cho tất cả mọi người để hành trì, mà không có một sự phân biệt về chủng loại.

Song, không phải đại đa số chúng ta đều có thể xuất gia, hoặc là ẩn tu trong những hang động hay rừng rú. Giáo lý của Đạo Phật cho dù có cao thượng hay thanh tịnh như thế nào đi nữa, nó sẽ trở nên vô ích đối đại đa số nhân loại trên thế gian này nếu họ không thể thực hành những lời dạy ấy trong

cuộc sống thường nhật đối với thế giới đương đại. Nhưng nếu các vị hiểu được tinh thần của Phật giáo đúng như bản chất của nó (và không chỉ ở ngôn từ hình thức), thì chắc chắn rằng các vị có thể thực tập và hành trì những lời dạy ấy khi đang hiện hữu như một con người bình thường.

Cũng có thể có một vài người cảm thấy dễ dàng hơn và thuận tiện hơn để chấp nhận Phật giáo, nếu họ sống ở một trú xứ xa xôi, cách ly với đời sống của mọi người khác trong xã hội. Một số khác lại cảm thấy rằng sự ẩn dật, tránh né như thế là một sự ngu xuẩn, và áp chế toàn bộ con người họ về mặt vật lý lẫn mặt tâm linh. Do vậy, lối sống đó không thể đưa đến sự tiến bộ về đời sống tinh thần và trí tuệ của họ.

Chân chánh xuất gia không có nghĩa là lánh xa cuộc đời về mặt vật chất. Xá Lợi Phất (Sàriputra) vị đệ tử chính của Đức Thế Tôn, nói rằng một con người có thể sống trong rừng, chú tâm vào việc thực hành những hạnh khổ hạnh, nhưng trong tâm vẫn chứa đầy tư tưởng bất tịnh và nhiễm ô, cấu uế, trong khi đó một người khác có thể trú tại một ngôi làng hay nơi thành thị, không thực hành hạnh khổ hạnh, song tâm của anh ta có thể được thanh tịnh, và không có nhiễm ô, cấu uế” Trong hai loại người này, Xá Lợi Phất nói, người sống một cuộc đời thanh tịnh ở nơi làng mạc hay thành thị thì rõ ràng cao thượng hơn và vĩ đại hơn người sống ở nơi rừng núi.

Tín ngưỡng thông thường rằng để thực hành lời Phật dạy, con người phải trốn tránh cuộc đời, ẩn tu ở một nơi nào đó là một quan niệm sai lầm. Đó thật sự là một sự chống lại lời dạy của Đức Phật một cách vô thức. Trong nền văn học Phật giáo có vô số trường hợp liên hệ đến giới cư sĩ tại gia (ưu bà tắc, ưu bà di) sống một cuộc sống bình thường, nhưng họ có thể thực hành lời dạy của Đức Phật trong đời sống thường nhật của gia đình họ một cách thành công và kết quả là họ đã chứng đắc sự an lạc, Niết-bàn. Trường hợp chàng du sĩ Vacchagotta, một lần chất vấn thẳng với Đức Phật rằng liệu người cư sĩ tại gia thực hành giáo pháp của ngài một cách thành công và chứng đắc những trạng thái tâm cao chẳng. Đức Phật phát biểu một cách quả quyết rằng không phải duy chỉ có một, hoặc hai, một trăm, hai trăm hoặc năm trăm, mà có nhiều hơn nữa giới cư sĩ sống tại gia thực hành lời dạy của ngài thành công và chứng đắc những trạng thái tâm cao thượng.

Đối với một số người nào đó, họ có thể chấp nhận sống một cuộc sống yếm thế ở một nơi yên tĩnh cách ly với tiếng ồn và cảnh náo nhiệt. Song chắc chắn đáng được tuyên dương, và can đảm hơn nếu họ thực hành theo lời Phật dạy trong lúc đang sống chung với đồng loại của mình, giúp đỡ họ, và

sẵn sàng phục vụ họ. Đối với một số trường hợp, có lẽ lợi ích hơn đối với một ai đó sống trong một môi trường yếm thế trong một thời gian nhằm mục đích phát triển tâm, và nhân cách của mình, như là sự tu tập giới luật và định để trở nên mạnh mẽ hơn sau này để nhập thế giúp đỡ và phục vụ cho đời. Nhưng nếu anh ta sống cả cuộc đời viễn ly, độc cư và yếm thế, chỉ nghĩ về lợi lạc và hạnh phúc của bản thân và sự giải thoát cho riêng mình, mà không hề bận tâm lo lắng cho đồng loại, thì chắc chắn đây không phải là phù hợp với lời dạy của Bạc Đạo Sư được căn cứ trên cơ sở tình thương, từ bi và sự phục vụ tha nhân. Bây giờ người ta có thể thắc mắc : “Nếu một ai đó có thể tu tập theo Phật giáo giữa lúc đang sống một cuộc sống trần tục, thì tại sao Tăng già, Giáo hội, Tăng đoàn được Đức Phật thành lập ? Giáo hội Tăng già tạo cơ hội cho những ai sẵn sàng dâng hiến cuộc đời mình không chỉ vì nhu cầu tiến bộ về mặt tâm linh mà còn là sự phục vụ cho tha nhân, chúng sanh. Một người cư sĩ tại gia không thể hy vọng để hy sinh cả cuộc đời mình nhằm mục đích phục vụ chúng sanh, trong khi đó một người xuất gia, không bị ràng buộc bởi những trách nhiệm của gia thất và những mối quan hệ ngoài đời khác thì không ở vào thế mắc kẹt để dâng hiến, tận tụy cả cuộc đời mình vì lợi ích cho số đông, vì hạnh phúc, an lạc cho quần sanh, theo lời khuyên của Đức Phật. Chính vì thế mà trong suốt tiến trình lịch sử tự viện Phật giáo đã trở thành không những là một nơi trung tâm đời sống tâm linh mà còn là một trung tâm giáo dục và văn hóa. (Tiến sĩ Walpola Rahula, What the Buddha Taught)

Và những điều này có thể mang lại lợi ích gì cho nhiều người?

Người xuất gia không thể mang lại sự thoải mái về vật chất cho người tại gia, song vị ấy có thể cung cấp sự hướng dẫn phương pháp tu tập tâm linh cho những ai bị thế gian, những vấn đề tình cảm cuộc sống gia đình và nhiều vấn đề khác nữa làm phiền muộn. Người xuất gia dành trọn đời mình cho sự nghiệp theo đuổi con đường tìm cầu tri kiến, trí tuệ trong giáo pháp của Đức Phật. Vị Tăng ấy giải thích giáo lý Đức Phật theo một hình thức đơn giản hoá khiến cho những người tại gia không có học thức cũng có thể hiểu được những gì Đức Phật đã dạy hơn 2500 năm qua. Và nếu người Phật tử tại gia được giáo dục tốt, kiến thức rộng, thì vị Tăng ấy hiện hữu ở đó nhằm thảo luận những phương diện sâu sắc hơn trong giáo lý uyên thâm của Đức Phật để mà cả hai đều học hỏi lẫn nhau, rút ra nhiều kinh nghiệm, tri thức từ cuộc thảo luận đó.

Ở những quốc gia Phật giáo, phần lớn Tăng sĩ Phật giáo là người đứng ra đảm lãnh trách nhiệm giáo dục thế hệ trẻ. Kết quả của sự đóng góp của họ là

những quốc gia Phật giáo làm quốc giáo đó, hầu hết dân chúng đều là những người có học thức và hiểu biết nhiều về những giá trị tâm linh. Người xuất gia còn xoa dịu đi những ai đang trong tâm trạng buồn về tình cảm hoặc bị mất đi người thân bằng cách giải thích ý nghĩa của quy luật vô thường chi phối mọi sự vật và tất cả nhân loại đều phải chịu chung một quy luật tương tự như vậy.

Ngược lại, người Phật tử tại gia phải có trách nhiệm chăm sóc nhu cầu đời sống vật chất cho người xuất gia giúp cho họ có điều kiện yên tâm theo đuổi những nhu cầu tâm linh của họ.

---o0o---

NGƯỜI PHẬT TỬ CÓ SÙNG BÀI THẦN TƯỢNG HAY KHÔNG ?

Đối tượng của sự tôn kính

Trong bất kỳ tôn giáo nào cũng có một số đối tượng hoặc biểu tượng phục vụ cho những mục tiêu của tôn kính. Trong Phật giáo có các đối tượng chính như sau:

- Xá Lợi của Đức Phật hay di cốt còn lưu lại của Đức Phật.
- Những biểu tượng mang tính tôn giáo như hình ảnh Đức Phật, chùa, tháp....
- Những vật dụng cá nhân được Đức Phật sử dụng.

Theo truyền thống Phật giáo, những người con Phật trên khắp thế giới thành kính đánh lễ những đối tượng đáng được tôn kính này và ngoài ra họ còn thiết lập hình ảnh Đức Bổn Sư, chùa, tháp, và trồng cây Bồ Đề trong chốn già lam để làm biểu tượng tôn kính của tôn giáo mình.

Nhiều người cho rằng giới Phật tử cầu nguyện các đấng thần tượng vô hồn. Điều này chúng ta cần thẩm xét lại. Liệu làm như thế có đúng lời Phật dạy và những truyền thống phong tục của Phật giáo hay không?

Việc thờ phụng các đấng thần tượng thường có nghĩa là tạo lập nên các hình ảnh của các vị thần nào đó (nam hoặc nữ) theo nhiều hình thức đa dạng khác nhau nhằm mục đích cầu nguyện để được ban phước hoặc được che chở, hoặc ban cho sự khoẻ mạnh, giàu có, thịnh vượng.... Đây là một việc làm thường được chứng kiến trong một số tôn giáo hữu thần. Một số người cầu nguyện thậm chí còn van xin những hình tượng các vị thần giúp họ hoàn

thành nhiều đặc ân riêng thậm chí đến mức độ phạm phải những hành động bất chính. Họ cũng cầu xin sự tha thứ cho những tội lỗi mà họ đã phạm phải.

Ngược lại với nững tinh thần trên, việc sùng bái, tôn thờ Đức Bồ Tát là một phương diện rất khác và rất đặc trưng so với tinh thần sùng bái như trên. Thậm chí từ "sùng bái" cũng không chính xác lắm theo quan điểm của Đạo Phật. "Sự nhất tâm thành kính đánh lễ" có lẽ là một cụm từ hợp lý nhất dùng để diễn tả hành động trên.

Người Phật tử không chỉ đơn thuần là cầu nguyện suông mà thôi, nhưng sự biểu hiện trong việc cầu nguyện những hình ảnh, thần tượng như thế là để biểu hiện tấm lòng thành tâm, thành kính đối với một Bồ Tát vĩ đại, một con người xứng đáng được tôn kính, đánh lễ. Những hình tượng được tạo lập như là một dấu hiệu của sự tôn kính và sự đánh giá cao về sự thành đạt tốt bậc của bậc giác ngộ và sự hoàn hảo, thanh tịnh của một Bồ Tát siêu phàm. Đối với người Phật tử, hình tượng chỉ là một dấu hiệu, biểu tượng và một sự tưởng tượng nhằm giúp cho anh ta hồi tưởng hoặc nhớ lại hình ảnh Đức Phật bằng xương bằng thịt đã từng xuất hiện ở cõi đời này, hay Đức Phật chính trong tâm của mình.

Người con Phật quỳ gối chấp tay trước hình tượng và tôn kính, đánh lễ những gì mà hình tượng biểu trưng.

Họ không tìm cầu những đặc ân vật chất từ những hình tượng. Họ chú tâm và thiền tư để đạt được nguồn cảm hứng từ cá tính cao quý của Ngài. Người Phật tử cố gắng hoàn hảo như Ngài bằng cách thực hành những lời dạy của Ngài. Người Phật tử kính trọng những phẩm chất vĩ đại và sự thanh tịnh, thánh thiện của một Bồ Tát như đạt được tượng trưng qua hình ảnh. Trong thực tế, các giáo đồ của mỗi tôn giáo tạo ra những hình tượng Bồ Tát khả kính của họ hoặc ở dạng nhìn thấy được bằng mắt thường hoặc chỉ là một biểu tượng trong tâm để tôn kính. Do đó, không thể phê phán, chỉ trích giới Phật tử là hoàn toàn sai và không hợp lý khi họ tôn thờ những thần tượng.

Hành động đánh lễ Đức Phật không phải là một hành động dựa trên sự sợ hãi hay là một hành động để cầu xin sự thành đạt về vật chất. Người Phật tử tin rằng đó là một hành động gieo trồng căn duyên phước lành, huân tập chủng tử Phật tánh nếu họ tôn kính và trân trọng những phẩm chất cao quý của bậc thầy khả kính dày dặn kinh nghiệm. Người Phật tử cũng tin rằng họ phải chịu trách nhiệm cho sự giải thoát của mình và họ không phải phụ

thuộc vào một người thứ ba. Tuy nhiên, cũng có một số Phật tử tin rằng họ có thể đạt được sự giải thoát, cứu rỗi thông qua sự ảnh hưởng của hình tượng Đức Phật và đây là những con người tạo ra ấn tượng như thế cho những người khác nhằm phớt lờ đi những lời nhận xét, châm biếm chua cay kết luận rằng Phật tử là những người chỉ tôn thờ thần tượng và cầu nguyện hình ảnh của một người đã chết từ lâu. Thân vật lý, hay thân tứ đại của con người có thể phân hủy và tan rã thành 4 yếu tố : đất, nước, lửa, gió, nhưng những phẩm chất đáng cao quý, đáng trân trọng của Ngài vẫn tồn tại mãi mãi trong tâm trí của những người con Phật.

Những Phật tử đánh giá cao và tôn trọng những đức tính cao quý ấy. Vì vậy, những sự việc lẽ chớng lại giới Phật tử thì rất không may thay và hoàn toàn sai lầm và cũng không được mời gọi. Từ những lời dạy của Ngài, chúng ta biết rằng Đức Phật là một bậc thầy, người đã từng chỉ ra con đường chân chánh hướng đến sự giải thoát, cứu rỗi, nhưng nó còn tùy thuộc vào mỗi cá nhân trong quá trình tu tập và làm cho tâm của mình được trong sạch để chứng đắc trạng thái giải thoát đó mà không phụ thuộc, nương nhờ vào bậc Đạo sư của mình. Chính Đức Phật khuyên “Các người hãy nỗ lực tu tập, các Đức Như Lai chỉ là bậc Đạo Sư”. Theo quan điểm của Đức Phật, không có một đấng sáng tạo, đấng Thượng đế nào, hay là những bậc Đạo sư nào mà có thể đưa con người lên thiên đàng hay đày đọa họ xuống địa ngục. Con người tạo ra thiên đàng và địa ngục cho chính bản thân mình thông qua thân, khẩu, ý nghiệp của chính mình đã tạo ra. Do đó, việc cầu nguyện một nhân vật thứ ba để được sự giải thoát, cứu rỗi mà không cần dọn sạch những tư tưởng cấu uế trong tâm của mình thì chẳng có lợi ích gì cả. Tuy nhiên cũng có một số người thậm chí là Phật tử khi cầu nguyện trước hình ảnh Đức Phật lại đổ dồn hết tất cả những vấn đề rất rối, sự bất hạnh, khó khăn, và những nỗi ưu phiền của mình để cầu xin Đức Phật giúp họ giải quyết những vấn đề trên. Mặc dầu đó không phải là một hành động mang tính Phật giáo thực sự, nhưng hành động như thế cũng sẽ đạt được một phần nào làm giảm đi sự đau đớn về mặt tình cảm tâm lý và giúp cho họ có đủ nghị lực vượt qua những sợ hãi, tự tin cương quyết... Đây cũng là một hành động phổ biến của nhiều tôn giáo khác. Nhưng đối với những ai có thể hiểu rõ nguyên nhân của những vấn đề, họ không cần phải dùng đến những hành động như thế. Khi người Phật tử đánh lễ, cúng dường Đức Phật, họ trân trọng Ngài bằng cách đọc lên một vài bài kệ ca ngợi những phẩm hạnh tinh khôi của Ngài. Những bài kệ này không phải là những lời cầu nguyện theo ý nghĩa đòi hỏi một đấng sáng tạo, một đấng thượng đế hoặc là một vị thần nào đó rửa sạch những tội lỗi của họ. Những bài kệ này đơn giản chỉ là một phương tiện giúp chúng ta thành tâm trong khi đang lễ một Bậc Đạo Sư vĩ đại đã chứng đắc

giác ngộ và giải thoát nhân loại khỏi khổ đau, và mang lại lợi lạc cho tất cả nhân loại. Người Phật tử tôn kính trân trọng Bậc Đạo Sư của họ là vì muốn van xin để đạt được lợi ích cho chính bản thân họ. Đức Phật cũng luôn khuyên chúng ta nên tôn kính những ai đáng được tôn kính. Do đó người Phật tử có thể tôn kính, trân trọng và đánh lễ bất cứ bậc Đạo sư nào xứng đáng được tôn kính. Trong lĩnh vực cầu nguyện, người Phật tử hành thiền định để huấn luyện tâm và tự kỷ luật, kiểm soát tâm của mình. Vì những mục đích của thiền hành, cho nên một đối tượng cũng rất cần thiết, nếu không có nó thì việc định tâm, tập trung tư tưởng sẽ rất khó khăn. Thỉnh thoảng, người Phật tử dùng hình ảnh Đức Phật như là một đối tượng, đề mục nhờ vào đó mà họ có thể tập trung tư tưởng một cách dễ dàng hơn.

Ngoài ra, những hình ảnh là ngôn ngữ của tiềm thức. Do vậy, nếu như hình ảnh của một bậc Giác ngộ được quán chiếu, suy tư trong tâm của hành giả như là một sự hiện thân của chúng sanh hoàn hảo, thì sự quán chiếu, suy tư như thế sẽ thể nhập vào tầng thức của hành giả và nếu sự quán chiếu đủ mạnh, thì sự quán chiếu sẽ hoạt động như một cái phanh tự động kìm hãm những động cơ tạo nghiệp bất thiện.

Hình ảnh Đức Phật như là một đối tượng có thể thấy được bằng mắt có một ảnh hưởng rất hữu dụng cho tâm. Sự hồi tưởng những kinh nghiệm tu tập, giác ngộ của Đức Phật phát sinh ra niềm hân hoan hỷ lạc trong tâm, và đưa hành giả từ một trạng thái trạo cử (restlessness), căng thẳng và tán loạn đi đến trạng thái hân hoan hỷ lạc. Một trong những đề mục của thiền quán là quán tưởng Đức Phật bằng cách nhận diện và đánh giá cao sự hy sinh vĩ đại của Ngài. Vì vậy, việc sùng bái hình tượng Đức Phật là mục đích giúp cho tâm được định dễ dàng hơn và không nên xem đó là một sự sùng bái thần tượng, mà nên xem đó như là một hình thức lý tưởng của việc sùng bái.

---o0o---

NGUỒN GỐC CỦA TƯỢNG PHẬT

Tượng Phật bắt nguồn như thế nào? Chúng ta khó mà trả lời câu hỏi này một cách chính xác. Ý tưởng tạo ra tượng Phật do Đức Phật đưa ra hay ngài không nói gì về điều này chúng ta khó mà biết được. Hơn nữa, cũng chẳng có đoạn kinh nào nói về việc Đức Phật yêu cầu chúng ta phải tạo ra hình tượng của chính ngài. Tuy nhiên, Đức Phật vẫn cho phép chúng ta lưu trữ bảo tồn những xá lợi của Ngài.

Một lần khi tôn giả Anan muốn biết rằng việc dựng tịnh xá bảo tháp để tưởng nhớ ngài như là một cách bày tỏ lòng tôn kính đối với ngài có thể được hay không ? Vì thế, Tôn giả Anan thưa Đức Phật: “Bạch Đức Thế Tôn, khi ngài còn tại thế, chúng con có nên tạo dựng bảo tháp hay không?”

Phật đáp : “Không, khi ta còn tại thế thì việc này không thể được. Nhưng chư vị có thể tạo dựng bảo tháp để bày tỏ lòng tôn kính chỉ sau khi ta nhập diệt”.

Cũng trong bài pháp cuối cùng trong kinh Đại Niết-bàn (The Great Decease Sutta) Đức Phật khuyên chư đệ tử của ngài rằng, nếu chư vị muốn bày tỏ sự tôn kính đối với ngài sau khi ngài nhập diệt, chư vị có thể tạo dựng những bảo tháp để thờ xá lợi của ngài. Lời khuyên này hoàn toàn phù hợp với phong tục của Ấn Độ lúc đó, phong tục tạo dựng tháp để cất giữ những di cốt của chư thánh nhân. Những di hài được cất giữ để tưởng nhớ, bày tỏ lòng tôn kính đối với bậc thánh. Tương tự như vậy, chính Đức Phật không khiển trách và cũng không tán thành việc chư đệ tử ngài tạo ra hình tượng của chính ngài sau khi ngài diệt độ, ý tưởng tạo ra tượng Phật bắt nguồn từ chư vị đệ tử của ngài, những người muốn tôn sùng người thầy kính yêu của họ và muốn đạt được niềm tin tôn giáo từ một nhân vật có phẩm chất đáng yêu. Họ cũng thường thờ một vài xá lợi của Đức Phật khi những hình tượng của Phật được tạo ra.

Cao Tăng Pháp Hiền, người đã hành hương chiêm bái Phật tích ở Ấn Độ vào cuối thế kỷ thứ tư, đã ghi lại trong cuốn nhật ký của ngài cách người ta tạo dựng ra tượng Phật đầu tiên. Tuy nhiên, kinh điển Phật giáo không hề nói năng gì về những sự quan sát của ngài. Ấy thế mà cũng có những huyền thoại được ghi nhận lại như sau:

“Một thưở nọ, Thế Tôn trú trên cung trời thuyết bài pháp Luận tạng Abhidharma (Vi diệu Pháp). Trong khi ngài vắng mặt, dân chúng đến Tịnh xá để chiêm bái Ngài nhưng họ rất là buồn bã bởi vì họ không thể nhìn thấy Đức Phật. Họ bắt đầu phàn nàn”.

Tôn giả Xá Lợi Phất, vị đệ tử thượng thủ của Đức Phật, đến diện kiến ngài và tường thuật lại sự việc cho Đức Phật. Thế Tôn khuyên Tôn giả nên tìm một người có thể tạo ra một hình tượng giống như Ngài, thì lúc đó dân chúng sẽ rất vui mừng phấn khởi khi nhìn thấy hình ảnh của Ngài. Tôn giả Xá Lợi Phất trở về và đến diện kiến nhà vua và yêu cầu nhà vua ban cho ân huệ để tìm ra một người có thể tạo ra một bản sao hình ảnh của Đức Phật. Ít

lâu sau khi nghệ nhân được tìm ra, anh ta chạm một tượng bằng gỗ đàn hương. Sau khi tượng được đặt trong tịnh xá, dân chúng rất là vui mừng hơn hở. Và từ đó về sau, theo ngài Pháp Hiển, dân chúng bắt đầu bắt chước mô hình này để tạo ra tượng Phật.

Nhưng mãi cho đến gần 500 năm sau khi ngài nhập diệt, chúng ta khó mà tìm ra những bằng chứng để chứng minh cho việc tồn tại của tượng Phật ở Ấn Độ. Vào thời gian đó, những người mộ đạo thường bày tỏ sự tôn kính của họ đối với Đức Phật bằng cách thờ một hoa sen hay chỉ là một bức tranh có vẽ hình đôi chân của Ngài. Dường như ngay từ lúc đầu một vài Phật tử cũng không được ân huệ để tạo ra tượng Phật bởi lẽ rất có thể rằng những đặc trưng nổi bật của Ngài có thể bị bóp méo đi.

Nhiều sử gia cũng cho rằng tượng Phật được tạo ra đầu tiên ở Ấn Độ trong suốt thời gian người Hy Lạp xâm lăng Ấn Độ. Người dân Hy Lạp thường giúp đỡ và khuyến khích dân chúng Ấn Độ trong nghệ thuật tạo tượng Phật. Kể từ đó, dân chúng trên nhiều quốc gia khác nhau bắt đầu tạo dựng tượng Phật. Sự khác biệt giữa tượng Phật của quốc gia này với quốc gia khác là ở cách người ta chạm trổ, điêu khắc theo kiểu cách và sự gợi cảm mang tính nghệ thuật ở mỗi quốc gia riêng biệt. Ở những nước Phật giáo, kiểu cách tạo tượng Phật cũng được phát triển thành nhiều hình thức và phong cách khác nhau để cho phù hợp với những giai đoạn khác nhau của lịch sử đất nước.

---o0o---

GIỚI TRÍ THỨC NGÀY NAY NÓI GÌ VỀ HÌNH ẢNH ĐỨC PHẬT

Pandit Nehru, cựu thủ tướng Ấn Độ, nhận xét về hình ảnh Đức Phật như sau:

“Đôi mắt Ngài nhắm lại, nhưng có một sức mạnh tinh thần vượt ra ngoài và một nguồn năng lượng tràn khắp thân thể của Ngài. Mặc dù nhiều thời đại trôi qua, nhưng dường như Đức Phật không cách xa chúng ta tí nào. Giọng nói của Ngài thì thấm trong tai chúng ta và bảo chúng ta không nên chạy trốn những sự xung đột trong cuộc sống, chúng ta nên nhắm mắt định tâm và giáp mặt chúng, và nhìn cuộc đời bằng đôi mắt triu mến và xem đời như là cơ hội vĩ đại cho sự phát triển và thăng hoa”. Ông cũng nói rằng: “Khi tôi ở trong nhà giam, tôi thường nghĩ về hình ảnh của Ngài và đó là nguồn cảm hứng vô tận đối với tôi”.

Trong suốt đệ nhị Thế chiến, tướng Ian Hamilton thấy một tượng Phật bị hủy hoại trong một ngôi chùa tại Miến Điện. Ông gửi tượng Phật này cho Winston Churchill, người sau này làm thủ tướng Anh Quốc, với bức thư như sau:

“Khi bạn ở trạng thái lo âu sợ sệt, hãy chiêm ngưỡng thái độ trầm lặng thanh này và hãy mỉm cười với những lo âu sợ sệt của bạn”.

Count Keyserling, một triết gia người Đức, phát biểu: *“Trên đời này có cái gì đẹp hơn và đáng tôn kính hơn hình ảnh của Đức Phật. Đó là một sự hiện thân hoàn hảo nhất về mặt tinh thần trong thế giới phiền toái này”.*

Một học giả cũng nói rằng:

“Những hình ảnh Đức Phật mà ta nhìn thấy là một biểu tượng tượng cho những phẩm chất. Chúng ta đánh lễ và tôn kính Đức Phật chỉ là một sự sùng kính mang tính chất biểu tượng tượng trưng cho sự vĩ đại của Ngài và niềm hạnh phúc mà chúng ta nhìn thấy qua lời dạy của Ngài. Hình ảnh thanh tịnh và vắng lặng của Đức Phật là một nguồn khái niệm phổ quát về những cái đẹp lý tưởng. Hình ảnh Đức Phật là một tài sản quý giá nhất của chung toàn nền văn hoá Á Châu. Nếu không có hình ảnh Đức Phật thì Á Châu dễ trở thành vô nghĩa và đó chỉ là một sự hiện hữu về mặt địa lý cho dù các quốc gia này có thịnh vượng như thế nào đi chăng nữa.”

Người Phật tử tôn kính hình tượng Đức Phật như là một di tích của Bậc Đạo Sư vĩ đại nhất, thông thái nhất, hoàn hảo nhất và từ bi nhất đã từng hiện hữu trên cõi đời này. Hình tượng Đức Phật rất cần thiết để cho chúng ta hồi tưởng lại Ngài và những phẩm chất cao quý vĩ đại, kêu gọi nguồn cảm hứng cho hàng triệu con tim từ thế hệ này sang thế hệ khác trong tất cả các nền văn minh trên thế giới. Nó giúp cho họ tập trung tư tưởng vào Đức Phật. Họ cảm thấy trong tâm tư của họ sự hiện hữu sống lại hình ảnh của bậc Đạo sư để mà sự sùng bái của họ trở nên có ý nghĩa.

Là Phật tử, chúng ta nên có một tượng Phật bằng gỗ hay bằng thạch cao, hay tượng giấy thờ trong nhà. Việc thờ tượng Đức Phật trong nhà không phải như là một sự trang trí để trưng bày mà là một đối tượng để chiêm ngưỡng và tôn kính. Hình ảnh thanh tịnh vắng lặng của Đức Phật, một biểu tượng của lòng từ bi, thanh tịnh và hoàn hảo đóng vai trò như là một nguồn an ủi, khuyến khích và cảm hứng nhằm giúp chúng ta vượt qua bất kỳ những khó khăn, chướng ngại, lo âu mà chúng ta gặp mặt trong cuộc sống hằng ngày trên cõi đời phiền phức ô nhiễm này. Khi chúng ta tôn kính Đức Phật, chúng

ta sẽ được hưởng ân huệ rất lớn, nếu chúng ta thiền định trong một thời gian ngắn bằng cách chú tâm, quan sát những phẩm chất vĩ đại và cao thượng của Đức Phật, nếu chúng ta nghĩ về Bậc Đạo sư chúng ta có thể làm cho chúng ta ngày càng hoàn hảo nhờ vào sự hướng dẫn của Ngài.

Do đó, không phải sự tự nhiên tôn kính này được biểu hiện trong một số tác phẩm nghệ thuật và điêu khắc thanh nhã và tuyệt hảo mà người ta đã từng được chứng kiến.

Một nhà văn nổi tiếng khác cũng đã trình bày trong ngôn ngữ triết lý của ông về chân ý nghĩa của việc đánh lễ Đức Phật như sau:

“Chúng ta cần phải đánh lễ Đức Phật mặc dù lòng sùng kính đã được định hướng sẵn. Do đó, cầu mong cho tất cả chúng ta có được sức mạnh tươi tắn và xây dựng một đền thờ cho chính cuộc đời của chúng ta, và cho đến khi chúng “lau sạch” tâm, thì tâm của chúng ta xứng đáng được ghi nhớ hình ảnh của Ngài trong suốt điện thờ sâu kín của tình thương. Đối với điện thờ đó, tất cả chúng ta cần dâng cúng những món quà không phải vì thèm muốn ánh sáng, những bông hoa tàn, vô thường trôi nổi, mà đó là vì hạt giống của tình thương, của sự dâng hiến và lòng vị tha đối với những người xung quanh chúng ta”.

Anatole France, trong nhật ký của ông, viết:

“Vào ngày đầu tháng Năm năm 1980, tình cờ tôi đến thăm Viện bảo tàng ở Pari. Ở đó, đứng sừng sững trong vắng lặng và giản dị những vị thần của Á Châu, đôi mắt tôi bỗng nhiên chăm chú vào hình tượng Đức Phật, người đã đưa tay cứu giúp những nhân loại, và mở rộng lòng từ bi đón nhận tất cả chúng sanh vào cõi đời của Ngài. Nếu có một Thượng đế nào đã từng hiện xuống cõi đời này, tôi cảm thấy ở đây chính là Ngài. Tôi cảm phục muốn quỳ xuống dưới chân Ngài và cầu nguyện Ngài như tôi đã từng cầu nguyện Thượng đế”.

Ouspensky, một triết gia Tây phương diễn tả những cảm xúc của ông về hình ảnh Đức Phật mà ông đã chiêm ngưỡng tại Tích Lan. Ông ta bày tỏ: “Đức Phật này là một tác phẩm nghệ thuật rất khác thường. Tôi không biết lấy những tác phẩm nghệ thuật nào để so sánh với hình ảnh Đức Phật với đôi mắt ngọc bích lấp lánh. Có nghĩa là tôi biết không có một tác phẩm nào mà nó diễn ra trong chính nó quá hoàn hảo những ý tưởng về tôn giáo như là như là gương mặt của tượng Phật này diễn tả ý tưởng của Phật giáo. Để hiểu được gương mặt này, cần phải tìm hiểu Đạo Phật. Ông ta cũng bộc lộ tiếp:

“Không cần phải đọc nhiều kinh sách Phật giáo hoặc đi đạo bộ cùng với các vị sư nghiên cứu các tôn giáo Đông phương hay tham vấn với giới tu sĩ học thức. Mọi người nên đến đây, đứng chấp tay thành kính trước Ngài, và hãy chiêm ngưỡng đôi mắt ngọc bích long lanh xanh biếc đang thể nhập vào cuộc sống của mình và mọi người sẽ hiểu Phật giáo là gì?”

Nghệ thuật Phật giáo trong việc tạo ra những hình ảnh và những bức tường minh họa những câu chuyện đạo đã khơi dậy nguồn cảm hứng và làm phong phú thêm nghệ thuật và văn hóa của hầu hết các quốc gia Âu châu hơn 2500 năm qua.

Những gì khiến cho thông điệp của Đức Phật quá hấp dẫn lôi cuốn đối với nhân loại trong việc trao đổi sự hiểu biết của mình ? Có lẽ câu trả lời có thể được nhìn thấy trong sự thanh lịch, thanh thản của hình ảnh Đức Phật. Không chỉ có màu sắc và đường nét mà con người bày tỏ niềm tin của họ đối với Đức Phật và sự nhân từ trong những lời dạy của Ngài. Bàn tay của con người đã hun đúc nên những sản phẩm bằng kim loại, bằng đá, tượng Phật là một trong những sáng tạo vĩ đại nhất của con người thiên tài.

Nếu giới Phật tử thật sự ao ước được nhìn thấy hình ảnh của Đức Phật trong tất cả sự huy hoàng và đẹp của hiện hữu lý tưởng của Ngài thì họ phải chuyển dịch những lời dạy của Ngài sang cuộc sống đời thường và thực hành theo lời dạy ấy. Chính nhờ thực hành giáo pháp của Ngài mà họ có thể gần gũi Ngài với cảm nhận được một luồng hào quang trí tuệ tuyệt vời bất tận và lòng từ bi vô lượng vô biên của Ngài. Chỉ đơn giản tôn kính, sùng bái hình ảnh Đức Phật mà không thực hành giáo lý thâm thâm vi diệu thì không phải là con đường để tìm sự giải thoát khổ đau.

Một cuộc đời quá đẹp, một trái tim quá trong sáng, thanh tịnh, một cái tâm quá sâu sắc và giác ngộ, một cá tính quá gợi cảm và vị tha ; một cuộc sống hoàn hảo như thế , một trái tim từ bi như thế, một tâm thanh tịnh như thế, một cá tính thanh thản vắng lặng như thế thực sự là đáng được tôn kính, chiêm ngưỡng và đáng được dâng hiến cúng dường. Đức Phật là một chúng sanh hoàn hảo nhất và là một bông hoa thơm ngát, mỹ miều đáng để cho đời chiêm ngưỡng.

Sir Edwin Arnold giải thích bản chất của Phật quả trong thi phẩm “Ánh Sáng Á Châu” như sau:

*Đây hoa nở rộ trên cây nhân loại
Đã bừng nở qua vô số năm*

*Làm thế giới chan hòa hương thơm trí tuệ
Và mật ngọt tình thương.*

---o0o---

Ý NGHĨA CỦA VIỆC CẦU NGUYỆN

Thiên nhiên thì không thiên vị; nó không thể được tăng bốc bằng những sự cầu nguyện. Nó không đảm bảo được bất kỳ những đặc ân nào khi yêu cầu.

Con người không phải là một sinh vật bị sa ngã để vang xin cho những nhu cầu khi anh ta chờ đợi lòng từ bi ban bố. Theo Phật giáo, con người là một bậc đạo sư đầy đủ khả năng kiểm soát chính mình. Chỉ vì sự vô minh tìm ẩn sâu kín trong tâm của anh ta, mà anh ta không nhận ra khả năng đầy đủ ẩn náu trong mình. Bởi vì Đức Phật đã chỉ ra năng lực tìm ẩn bên trong này, nên con người phải tu tập tâm và cố phát triển tâm bằng cách nhận ra khả năng bẩm sinh của anh ta.

Phật giáo ban cho con người những khả năng, trách nhiệm đầy đủ và chân giá trị. Chính vì thế khiến cho con người trở thành bậc đạo sư của chính mình. Theo Phật giáo, không có một chúng sanh nào cao hơn ngôi đó để phán xét những lợi ích và thân phận của con người. Điều đó có nghĩa là cuộc sống của chúng ta, xã hội chúng ta, thế giới chúng ta là những gì các bạn và tôi muốn tìm hiểu về nó và không phải những gì mà một chúng sanh vô hình muốn nó phải là.

Hãy nên nhớ rằng Thiên nhiên thì không thiên vị; nó không thể được tăng bốc bằng những sự cầu nguyện. Nó không đảm bảo được bất kỳ những đặc ân đặc biệt nào khi yêu cầu. Do vậy trong Phật giáo cầu nguyện là thực hành thiền định lấy đối tượng tự chuyển hoá lục mục tiêu. Cầu nguyện trong thiền định là sự phục hồi bản chất tự nhiên của con người. Đó là sự chuyển hoá bản chất nội tâm của con người được thành tựu bởi sự thanh tịnh hoá của ba nghiệp thân, khẩu và ý. Thông qua thiền định, chúng ta có thể hiểu rằng ‘chúng ta trở thành những gì chúng ta suy nghĩ’ tương xứng với những phát minh của tâm lý học. Khi chúng ta cầu nguyện, chúng ta kinh qua một sự nhẹ nhõm trong tâm của chúng ta; đó là hậu quả tâm lý mà chúng ta đã tạo thông qua niềm tin và sự thành kính, tận tâm của chúng ta. Sau khi tụng một số bài kệ, chúng ta cũng kinh qua một kết quả tương tự. Danh hiệu và những biểu tượng tôn giáo quan trọng tới mức độ mà chúng có thể giúp phát huy lòng tự tin và sự nhiệt tâm.

Chính Đức Phật cũng đã bày tỏ một cách rõ ràng rằng không phải do cầu nguyện những bộ thánh điển hoặc là tự ép xác, hoặc là ngủ trên đất, lạy đi lạy lại việc cầu nguyện, thi kệ, chú thuật, bùa, hành xác để hồi lỗi, niệm thần chú và cầu khẩn mà chúng ta có thể đạt được niềm an lạc, hạnh phúc của Niết-bàn.

Xem như việc sử dụng cầu nguyện phục vụ cho mục tiêu đạt quả vị cứu cánh, một thuở nọ Đức Phật đưa ra một phép loại suy về một con người muốn vượt qua một dòng sông. Nếu anh ta ngồi xuống và cầu nguyện van nài rằng bờ bên kia của dòng sông sẽ đến gần với anh ta và mang anh ta sang sông, thì lúc đó sự cầu nguyện của anh ta không được đáp ứng. Nếu anh ta thực sự muốn vượt qua khỏi sông để đến bờ bên kia, thì anh ta phải nỗ lực làm một số việc như phải tìm những khúc củi và đóng một chiếc bè hoặc là tìm xem có cây cầu nào không hoặc là đóng một chiếc thuyền hoặc là bơi qua. Bằng cách này hay cách khác anh ta phải vượt qua bờ bên kia của con sông. Ngược lại, nếu anh ta muốn vượt qua con sông của sanh tử luân hồi, thì những hành động cầu nguyện suông không đủ khả năng đưa anh ta vượt qua con sông đó. Anh ta phải nỗ lực, làm việc chăm chỉ bằng cách sống một đời phạm hạnh, kiềm chế lòng tham, thanh tịnh tâm ý và đoạn trừ hết tất cả những cấu uế và bất tịnh trong tâm. Chỉ khi đó anh ta mới có thể đạt được mục đích cứu cánh. Việc cầu nguyện suông sẽ không bao giờ đưa anh ta đến mục đích cứu cánh.

Nếu sự cầu nguyện là cần thiết, thì chúng ta nên sử dụng nó để làm tăng thêm sức mạnh của tâm chứ không thể để van xin lợi dưỡng. Lời cầu nguyện sau đây của một nhà thơ nổi tiếng, dạy chúng ta cách cầu nguyện, người Phật tử xem lời cầu nguyện này như là việc định tâm để tu tập:

---o0o---

TRUYỀN THỐNG , PHONG TỤC VÀ LỄ HỘI

Phật giáo rất cởi mở đối với tất cả những truyền thống và phong tục miễn là chúng không có tác động tai hại đến lợi lạc của tha nhân.

Đức Phật khuyên chúng ta không nên tin vào những gì chỉ đơn giản bởi vì đó là những phong tục, truyền thống. Tuy nhiên, chúng ta được khuyên không nên đột nhiên gạt bỏ hết tất cả những truyền thống. ‘Các vị nên cố gắng kiểm nghiệm chúng và kiểm tra xem xét kỹ lưỡng chúng. Nếu chúng thích hợp và đưa đến hạnh phúc cho chính bản thân và lợi lạc cho những

người khác thì chỉ khi đó các vị nên chấp nhận và thực hành những truyền thống và phong tục này'. (Kinh Kalama)

Chắc chắn đây là một trong những lời tuyên bố khai phóng nhất đã từng được một vị đạo sư tuyên bố. Thái độ khoan dung, cởi mở này đối với những truyền thống và phong tục của những người khác không có trong một số nhà lãnh đạo tôn giáo. Những nhà lãnh đạo tôn giáo này luôn luôn khuyên nhủ những tín đồ mới được giáo hoá của họ từ bỏ tất cả những phong tục, truyền thống và nền văn hoá của riêng họ mà không xem xét liệu chúng là tốt hay xấu. Trong lúc truyền bá chánh pháp, những nhà truyền giáo Phật giáo không bao giờ khuyên nhủ người ta phải từ bỏ những phong tục và truyền thống của họ miễn là chúng thích hợp là được. Nhưng truyền thống và phong tục phải nằm trong khuôn khổ của những nguyên tắc đạo lý. Hay nói cách khác, người ta không nên vi phạm giới luật tôn giáo để mà tôn thờ những truyền thống của mình. Nếu con người rất thiết tha đối với những truyền thống của riêng mình mà những truyền thống đó, ngược lại không mang một giá trị đạo lý nào cả, thì họ cũng có thể làm như thế miễn là họ không thực hành những truyền thống và phong tục này trên danh nghĩa của tôn giáo. Mặc dù vậy, những sự thực hành như thế không nên gây tổn hại đến bản thân và tất cả những loài sinh vật khác.

Lễ nghi và hình thức

Lễ nghi và hình thức được bao hàm trong truyền thống và phong tục. Lễ nghi và hình thức là một sự trang điểm hay trang hoàng để làm tô thêm vẻ đẹp của một tôn giáo nhằm mục đích thu hút sự chú ý của công chúng. Chúng mang lại một sự trợ giúp về mặt tâm lý đối với một số người. Song con người ta có thể hành trì một tôn giáo mà không cần đến bất cứ một hình thức lễ nghi nào. Có một số lễ nghi và hình thức mà người ta xem như phương diện quan trọng nhất của tôn giáo họ để đạt được sự cứu rỗi thì lại không được xem là quan trọng như thế đối với Phật giáo. Theo Đức Phật, người ta không nên chấp vào những hình thức lễ nghi như thế để đạt được sự phát triển tâm linh hoặc là sự thanh tịnh tâm ý của chính mình.

---o0o---

LỄ HỘI

Người Phật tử chân thành và đúng đắn không tổ chức những lễ hội Phật giáo bằng cách chính bản thân mình hưởng thụ dưới sự tác động của những chất kích thích như rượu và làm lễ bằng hình thức ca hát nhảy múa hoặc là chiêu

đãi lễ hội bằng thịt của các loài súc vật. Người Phật tử chân chánh tổ chức lễ hội bằng một hình thức hoàn toàn khác hẳn. Vào những ngày lễ đặc biệt, họ sẽ dành hết thời gian tổ chức lễ hội theo cách không làm hại đến người khác, tránh làm các điều ác. Họ làm thiện, giúp đỡ những người khác xoa dịu nỗi khổ đau trong cuộc sống của họ. Người Phật tử có thể chiêu đãi bạn bè hay họ hàng theo một cách đáng trân trọng.

Những lễ hội thường được kết hợp với tôn giáo đôi khi có thể làm cho niềm tin ô sự thanh tịnh của một tôn giáo. Mặt khác, một tôn giáo không có những hình thức lễ hội có thể trở nên buồn tẻ và không có sức sống đối với nhiều người. Thường thì trẻ con và thanh thiếu niên đến với tôn giáo thông qua những lễ hội tôn giáo. Đối với họ, sự hấp dẫn của một tôn giáo được căn cứ trên cơ sở những hình thức lễ hội của tôn giáo đó. Tuy nhiên, đối với một hành giả hành thiền định thì những lễ hội có thể trở thành một sự phiền toái.

Tất nhiên, có một số người sẽ không hài lòng với những sự tổ chức lễ hội mang tính tôn giáo thuần túy trong suốt cuộc lễ. Tất nhiên, họ thích có một loại hình thức ca múa, nhảy hát để làm lễ và những buổi trình diễn bên ngoài. Hình thức bên ngoài, lễ nghi, đám xá, đám rước, diễu hành và hội được tổ chức nhằm đáp ứng sự khát khao để thoả mãn nhu cầu tình cảm thông qua tôn giáo. Không một ai có thể nói rằng những việc làm như thế là sai trái, nhưng những tín đồ thuần thành nên tổ chức những buổi lễ này theo một cách có văn hoá mà không gây phiền hà cho những người khác.

MÊ TÍN DỊ ĐOAN VÀ GIÁO ĐIỀU

Người ta chế giễu sự mê tín dị đoan của những người khác, trong khi đó lại nuôi dưỡng cái của chính mình.

Tất cả các căn bệnh đều có cách chữa trị ngoại trừ căn bệnh mê tín dị đoan. Và nếu vì lý do này hay lý do khác, bất cứ hình thức mê tín dị đoan nào kết tinh thành một tôn giáo thì nó dễ dàng trở thành một căn bệnh hầu như không thể chữa trị được. Trong quá trình thực thi một số chức năng của tôn giáo, thậm chí những người có học thức hiện nay lại quên đi chân giá trị con người của họ để chấp nhận những tín ngưỡng lỗi bịch và mê tín dị đoan.

Niềm tin vào những điều mang tính mê tín dị đoan và những lễ nghi được chấp nhận nhằm trang hoàng bề ngoài của một tôn giáo để mà có thể thu hút được đám đông. Nhưng sau một thời gian, cây leo được trồng để trang hoàng án thờ, vì phát triển theo đúng quy luật của nó, phát triển và sáng chói hơn án thờ, với kết quả là nguyên lý cơ bản của đức tin tôn giáo đó bị loại bỏ

đi điều cơ bản và niềm tin mê tín dị đoan và hình thức lễ nghi trở nên ngự trị. Dây leo làm lu mờ đi ánh thờ.

Cũng giống như mê tín dị đoan, niềm tin giáo điều cũng kìm hãm sự phát triển khoẻ mạnh của tôn giáo. Niềm tin giáo điều và thái độ không khoan dung đi cùng với nhau. Người ta được nhắc lại thời kỳ Trung cổ với những hình thức hành quyết đáng thương, tặc cướp tàn nhẫn, bạo lực, hành vi xấu xa, sự tra tấn dã man và thiêu đốt nhiều người dân vô tội. Người ta cũng được nhắc đến những cuộc thập tự chinh man rợ và tàn bạo. Tất cả những sự kiện này được kích thích bởi những niềm tin giáo điều dựa trên thẩm quyền tôn giáo và thái độ không khoan dung xuất phát từ đó.

Trước khi tri thức khoa học phát triển, những con người vô minh mang trong mình nhiều niềm tin mê tín dị đoan. Chẳng hạn, có rất nhiều người tin rằng sự nhật thực, nguyệt thực đã mang lại những điều không may và căn bệnh dịch hạch. Ngày nay chúng ta biết rằng những sự tin tưởng như thế thì không đúng. Và lại, có một số nhà lãnh đạo tôn giáo vô đạo đức khích lệ người ta tin vào những điều mê tín dị đoan để mà họ có thể lợi dụng những tín đồ của họ để làm tư lợi. Khi mà con người thực sự tẩy sạch những vô minh trong tâm mình họ sẽ thấy được chân bản chất của vũ trụ và không còn lệ thuộc vào niềm tin mê tín dị đoan và giáo điều. Đây là sự cứu cánh mà người Phật tử khao khát có được.

Thật vô cùng khó khăn cho chúng ta chấm dứt cái cảm xúc tình cảm gắn liền với niềm tin mê tín dị đoan và giáo điều. Ngay cả ánh sáng của tri thức khoa học cũng không đủ mạnh để khiến chúng ta từ bỏ những quan niệm sai lầm. Chẳng hạn, chúng ta biết rằng trong nhiều thế hệ, con người cho rằng trái đất quay xung quanh mặt trời; nhưng bằng thực nghiệm chúng ta vẫn cho rằng mặt trời mọc lên, chuyển động xung quanh bầu trời và lặn vào ban đêm. Chúng ta vẫn phải làm một cú vượt nhanh trong lĩnh vực tri thức để tưởng tượng rằng chúng ta, trên thực tế, đang chuyển động ở một tốc độ lớn xung quanh mặt trời.

Chúng ta nên hiểu rằng những hiểm nguy của giáo điều và mê tín dị đoan đi cùng với tôn giáo. Đã đến lúc cho những con người có trí tách tôn giáo ra khỏi giáo điều và mê tín dị đoan. Kéo không, danh thơm của tôn giáo sẽ bị làm ô uế và số người không còn tin tưởng vào tôn giáo sẽ tăng nhanh.

QUAN NIỆM VỀ THẦN LINH, THƯỢNG ĐẾ

Sự phát triển quan niệm về thần linh, Thượng đế

Truy nguyên về nguồn gốc và sự tiến bộ quan niệm về thần linh, Thượng đế, chúng ta phải quay về thời đại khi mà các nền văn minh đang còn trong thời kỳ trứng nước và khoa học vẫn chưa được biết đến. Con người thời tiền sử, do vì sợ hãi và ngưỡng phục những hiện tượng thiên nhiên, đã tin vào nhiều vị thần linh và ma quỷ khác nhau. Họ đã dùng những vị thần linh để hình thành nên tôn giáo của riêng mình. Tùy theo khả năng hiểu biết và những hoàn cảnh khác nhau, những chủng người khác nhau đã hình thành nên nhiều tôn giáo và tín ngưỡng khác nhau của riêng mình.

Ngay từ lúc khởi đầu đối với tín ngưỡng ý niệm về thần linh, Thượng đế, con người đã tôn thờ và sùng bái nhiều vị thần khác nhau như thần cây, thần sông, thần ánh sáng, thần mặt trời, thần giông, bão, gió và tất cả những hiện tượng tự nhiên trên trái đất này. Những vị thần này có liên hệ với nhau và mỗi vị đều có cùng bản chất hoạt động. Sau đó, con người dần dần bắt đầu chuyển đổi những vị thần này, về mặt giới tính, hình thức giống như những đặc điểm về vật lý cũng như tâm lý của con người. Bản tính của con người là do các vị thần này quy định như: tình thương yêu, giận hờn, ghen tuông, sợ hãi, kiêu căng, thù hận và những cảm xúc tình cảm khác được tìm thấy trong con người. Từ tất cả những vị thần này, dần dần người ta nhận thức rằng hiện tượng của vũ trụ không nhiều mà chỉ có một hiện tượng mà thôi. Sự hiểu biết này dần dần đưa đến sự phát triển tôn giáo nhất thần trong những thời đại gần đây.

Trong quá trình phát triển, quan niệm về thần linh, Thượng đế trải qua một quá trình thay đổi đa dạng về mặt xã hội cũng như mặt nhận thức. Quan điểm này được mọi thành phần người, mọi tầng lớp người khác nhau trong xã hội xem xét. Một số người thần tượng hoá Thượng đế như là ông Hoàng của cõi trời đất; họ có quan niệm về Thượng đế như là con người bình thường. Những người khác nghĩ về Ngài như là một nguyên lý trừu tượng. Lại có một số người nâng cao ý tưởng về Thượng đế như là đấng toàn năng trong một cõi trời cao nhất, trong khi những người khác lại có quan điểm về Ngài như là một sự khinh khi. Một số người mô tả Thượng đế trong một thiên đường, trong khi những người khác coi đó như là một sự thần tượng và sùng bái Ngài. Một số người còn có quan niệm xa hơn nữa, cho rằng sẽ không có sự cứu rỗi nếu không có Thượng đế-cho dù chúng ta làm rất nhiều điều thiện đi nữa, chúng ta sẽ không nhận được những thành quả, kết quả

của những hành động đó trừ phi chúng ta hành động vì lòng tin vào Thượng đế. Những nhà thần học nói: “Vâng, tiếp tục khẳng định rằng Thượng đế thực sự hiện hữu”. Những nhà vô thần nói: “Không và đi đến khẳng định rằng Thượng đế thực sự không hiện hữu trên cõi đời này”. Những người theo thuyết bất khả tri hay chủ nghĩa hoài nghi nói: “Chúng ta không biết hoặc không thể biết”. Những nhà thực chứng lại cho rằng ý tưởng về Thượng đế là một vấn đề vô nghĩa bởi vì một ý tưởng mang danh Thượng đế thì hơi mờ ám và không được rõ ràng. Do vậy, có nhiều sự hiểu biết đa dạng về những quan điểm, ý tưởng, niềm tin và danh xưng đối với Thượng đế như là: thuyết phiếm thần, sự tôn sùng thần tượng, tín ngưỡng một đấng Thượng đế vô hình, niềm tin vào nhiều vị thần nam cũng như nữ khác nhau v.v....

Thậm chí Thượng đế của thuyết nhất thần luận trong những thời gian gần đây đã trải qua một sự thay hình đổi dạng ở nhiều hình thức và quan điểm khác nhau bởi vì ý tưởng này được truyền bá sang nhiều quốc gia và nhiều dân tộc khác nhau. Thượng đế của Ấn giáo thì khác với Thượng đế của Ky tô giáo. Thượng đế của Ky tô giáo thì khác với Thượng đế của những tôn giáo khác. Vô số tôn giáo đã ra đời; mỗi tôn giáo khác biệt nhau rất nhiều và mỗi tôn giáo đều nói rằng: “Thượng đế là nhất thể, là vị thần duy nhất”.

---o0o---

Quan điểm về Thượng đế và sự tạo hoá

Khi mỗi tôn giáo xuất hiện và phát triển xung quanh ý niệm về Thượng đế, thì tôn giáo đó lại phát triển ý niệm về Thượng đế của riêng mình theo cách lý giải đặc biệt về đấng Tạo hoá. Do đó, khi mà quan niệm về Thượng đế được phát triển trong nhiều hệ thống tôn giáo khác nhau, thì quan niệm này lại trở nên hội nhập với nhiều huyền thoại khác nhau. Con người thường dùng ý tưởng về Thượng đế như là một chiếc xe chuyên chở những lời giải thích về sự hiện hữu của con người và bản chất của cuộc đời.

Ngày nay, những người có đầu óc lý trí, thông minh đã quan sát thận trọng tất cả những sự kiện hiện thực sẵn có, và đi đến kết luận rằng, cũng như ý tưởng về Thượng đế, những huyền thoại về đấng Tạo hoá phải được xem như một sự tiến bộ của óc tưởng tượng của con người được bắt đầu do sự hiểu sai lạc về những hiện tượng của tự nhiên. Những sự hiểu sai lạc này cắm gốc rễ sâu vào trong trạng thái sợ hãi và sự ngu dốt của con người thời tiền sử. Ngay cả trong thời đại ngày nay, con người vẫn còn mang theo những sự giải thích thuộc thời tiền sử về sự tạo hoá. Dưới ánh sáng của tri

thức khoa học và kỹ thuật, những tư duy mang tính khoa học, những định nghĩa Thần học về Thượng đế mơ hồ, do đó, không có chỗ đứng trong những học thuyết hoặc huyền thoại về sự Tạo hoá.

Nếu con người được tạo ra từ một thế lực bên ngoài, thì anh ta phải lệ thuộc vào đấng thế lực toàn năng đó chứ không lệ thuộc vào chính bản thân anh ta. Người Phật tử tin rằng con người phụ thuộc vào chính bản thân mình, là sản phẩm của chính mình và là kiến trúc sư xây dựng cuộc đời mình và tin rằng anh ta phải lãnh lấy hoàn toàn những trách nhiệm cho những hậu quả mà anh ta đã làm. Do đó, người Phật tử không có lý do gì để tin rằng con người hiện hữu với hình thức người nhờ vào những đấng quyền năng siêu nhiên bên ngoài. Người Phật tử tin rằng con người có mặt ngày nay và ở thế giới này là bởi vì do nghiệp của anh ta. Anh ta cũng không chịu sự chi phối của một đấng quyền năng nào bên ngoài chi phối, hoặc là đấng quyền năng ấy có quyền thưởng phạt và ban cho những ân huệ đặc biệt, nhưng tùy theo những nghiệp thiện hay ác đã tạo quyết định lấy sự thương phạt của anh ta. Trong quá trình tiến hoá và phát triển, loài người xuất hiện trên thế giới này. Tuy nhiên, Đức Phật không dạy một lời nào về quan điểm cho rằng thế giới này là sản phẩm của bất kỳ một ai, hoặc do bất cứ một ai đó sáng tạo. Những khám phá gần đây về sự tiến bộ dần dần của hệ thống vũ trụ tương xứng với những lời dạy của Đức Phật cách đây hơn 2500 năm.

---o0o---

Yếu Điểm Của Con Người Và Những Tôn Giáo Tôn Thờ Thượng Đế

Cả ý tưởng về Thượng đế và những sự giải thích huyền hoặc về sự tạo hoá kèm theo ý tưởng đó đã được bảo vệ và bênh vực bởi những tôn giáo tôn thờ Thượng đế. Họ cần những ý tưởng này để làm thoả mãn sự hiện hữu của họ và mang lại những ích lợi cho xã hội loài người. Tất cả các tôn giáo tôn thờ Thượng đế đều cho rằng là họ đã nhận được Thánh Kinh như là sự Mặc Khải của Chúa Trời; hay nói cách khác, tất cả họ đều là sản phẩm trực tiếp của một đấng Thượng đế. Mỗi tôn giáo đều cho rằng tôn giáo của họ là một tôn giáo của tình thương yêu và hoà bình phổ quát, của tình huynh đệ giữa nhân loại và những tôn giáo khác có những ý tưởng cao thượng hơn.

Cho dù những ý tưởng cao thượng hơn, vĩ đại hơn của những tôn giáo này, lịch sử đã cho thấy rằng những tôn giáo tồn tại cho đến ngày nay cũng đã giúp cho sự truyền bá mê tín dị đoan. Một vài tôn giáo đã đứng lên chống lại khoa học và những tiến bộ của tri thức, đưa đến sự tranh cãi, nhẫn tâm, sự

cướp bóc và chiến tranh, xung đột thế giới. Xét về phương diện này thì các tôn giáo thờ Thượng đế đã thất bại trong sự nghiệp giác ngộ nhân loại của mình. Chẳng hạn, ở một số quốc gia, khi dân chúng cầu nguyện để được ban phước lành, thì đôi bàn tay của họ bị thấm nhuần bởi những giọt máu của sự dâng hiến bệnh hoạn, cúng tế thần linh những loại thú vật vô tội và đôi khi, ngay cả đồng loại của con người cũng được giết để cúng tế thần linh. Những sinh vật thấp hèn và vô dụng này được mổ thịt để án thờ của những vị thần được mạo phạm, báng bổ chỉ ở hình thức tượng tượng mà không thể nhìn thấy bằng mắt thường. Phải mất một thời gian khá lâu để con người mới có thể hiểu được sự vô nghĩa của những hành động tàn bạo như thế dựa trên danh nghĩa tôn giáo. Cho đến khi nào thì con người mới nhận ra rằng con đường của sự thanh tịnh hoá hoàn toàn do tình thương và sự hiểu biết mang lại?

Một yếu điểm khác của các tôn giáo sùng bái Thượng đế là họ không thể được cứu rỗi, giải thoát mà không cần đến Thượng đế. Do vậy, con người có thể tưởng tượng rằng mình đã leo lên đến đỉnh cao nhất của nền luân lý đạo đức, và anh ta ắt hẳn có thể đã sống một cuộc đời chân chánh, thánh thiện, và thậm chí anh ta có thể đã leo lên đến mức cao nhất của sự thánh thiện. Tuy nhiên, anh ta bị trừng phạt, đày đoạ mãi mãi ở nơi địa ngục chỉ vì anh ta không tin vào sự hiện hữu của một đấng Thượng đế sáng tạo. Trái lại, con người có thể đã gây tạo nhiều tội lỗi, song anh ta có thể tỏ ra hối hận, ăn năn sau cùng, thì anh ta có thể được tha thứ và do vậy được cứu rỗi nhờ vào ân sủng của Thượng đế. Theo quan điểm của đạo Phật, không có một sự công bằng, bình đẳng nào theo tinh thần học thuyết trên.

Thay vì những yếu điểm của các tôn giáo sùng bái Thượng đế, người ta cho rằng làm thế là khôn ngoan để tuyên thuyết một học thuyết không mang bản chất Thượng đế bởi vì niềm tin vào Thượng đế sáng tạo cũng đã đóng góp nhiều cho nhu cầu của nhân loại đặc biệt trong những nơi và những lúc mà quan niệm về Thượng đế đáng được mong muốn. Niềm tin vào Thượng đế đã giúp cho nhân loại kiểm soát, điều khiển được bản năng thú tính của mình. Và nhiều người khác cũng được ban cho ân huệ trên danh nghĩa của Chúa. Đồng thời, con người cảm thấy bất an nếu không có niềm tin vào Thượng đế. Con người cảm thấy được che chở và khơi dậy nguồn cảm xúc khi niềm tin đó hiện hữu trong tâm trí của anh ta. Tính thiết thực hay giá trị pháp của một niềm tin như thế được căn cứ trên cơ sở khả năng hiểu biết và nhận thức của con người và sự trưởng thành về mặt tâm linh của anh ta.

Nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự thất bại của các tôn giáo là khi con người được ép buộc nhìn nhận tôn giáo của mình như là một đối tượng của sự duy sùng bái, cầu nguyện. Có nghĩa là yếu tố nhu yếu sống động của tôn giáo lại phục vụ cho nhu cầu, chức năng tê liệt, chết chóc, và nghi thức trịnh trọng. Khi tôn giáo để cho những điều kiện này hiện hữu, cùng tồn tại thì tôn giáo đó sẽ mất đi giá trị tôn giáo và trở thành một chương ngại cho sự thật của cuộc đời.

Song, không phải hoàn toàn là do nơi tôn giáo mà là do những con người tôn thờ tôn giáo và tạo ra nhu cầu cho một niềm tin mù quáng ở nơi tôn giáo của họ. Niềm tin mù quáng này, ngược lại, đã tạo ra những cảm giác chung cùng phái và những hình thức đảng phái khác trong các tôn giáo. Do đó, tôn giáo, thay vì những lý tưởng cao cả của mình, đã thất bại trong sự nghiệp truyền bá sự giác ngộ cho quần sanh của mình.

Tôn giáo phải quan tâm đến đời sống thực tế của chúng ta. Tôn giáo phải được dùng đến như là một sự chỉ dẫn để điều tiết những hành động luân lý đạo đức của chúng ta trong cuộc sống hằng ngày. Nó dạy cho chúng ta những gì nên làm và những gì nên biết. Nếu chúng ta không làm hay không biết một cách chính xác thì tôn giáo sẽ vô dụng và chẳng có ích lợi gì cho chúng ta trong cuộc sống hằng ngày.

Trái lại, nếu những tín đồ của các tôn giáo cứ tiếp tục đánh nhau và chỉ trích lẫn nhau và đặc biệt là tán thành hay phản bác sự hiện hữu của Thượng đế và nếu họ tiếp tục truyền bá hận thù đối với những tôn giáo khác do vì khác nhau về quan điểm tôn giáo, thì lúc đó họ sẽ tạ ra sự bất đồng lớn giữa nhiều cộng đồng tôn giáo khác nhau. Cho dù chúng ta mang những nhãn hiệu tôn giáo khác nhau, song chính bổn phận và trách nhiệm của chúng ta là phải thực hành sự khoan dung, độ lượng, kiên nhẫn và sự hiểu biết lẫn nhau. Chính trách nhiệm của chúng ta phải tôn trọng tín ngưỡng của những người khác cho dù chúng ta không thể giúp đỡ tôn giáo ấy; khoan dung, độ lượng rất cần thiết vì lợi ích cho một cuộc sống hài hòa và an lạc.

---o0o---

NIỀM TIN VÀO CÁC VỊ THẦN LINH

Người Phật tử không phủ nhận hoặc phản bác sự hiện hữu của nhiều vị thần linh khác nhau, những người may mắn hơn loài người xét về mặt dục lạc vật chất. Những vị thần này cũng có một số khả năng thần thông mà con người

không có. Tuy nhiên, khả năng của các vị thần này còn bị hạn chế bởi vì họ còn chịu quy luật vô thường chi phối. Họ an trú trong những cảnh giới hạnh phúc, an lạc và thọ hưởng đời sống hạnh phúc và sống lâu hơn những chúng sanh thông thường. Khi các vị này đã thọ hưởng hết những thiện nghiệp ở cõi trời thì những vị thần này sẽ chết đi theo quy luật thông thường và sẽ được tái sinh ở những cảnh giới khác tùy theo thiện nghiệp và ác nghiệp của các vị. Đức Phật dạy: “Con người là chúng sanh duy nhất có nhiều cơ hội tốt để tạo phước báo để được sinh vào những cảnh giới có điều kiện tốt hơn các loài chư Thiên xét về phương diện này”.

Người Phật tử không cho là những vị thần này đóng một vai trò quan trọng nhất định nào đó trong cuộc sống của họ. Họ không xem những vị thần này là những động cơ hỗ trợ sự tiến bộ về mặt luân lý đạo đức hoặc là một sự giúp đỡ để chúng được sự an lạc, giải thoát an lạc, Niết-bàn. Cho dù những vị này to lớn hay nhỏ bé, cả con người và những vị thiên thần này cũng đều chịu sự đoạn diệt và vô thường theo thời gian.

Song, trong những trường hợp khó khăn hay đau khổ người ta thường quay về nương tựa nơi chư vị thiên thần này để bày tỏ sự thống khổ, buồn phiền của mình ở những nơi thờ phụng. Bằng cách làm như vậy, họ có thể đạt được một vài sự an ủi, xoa dịu những nỗi khổ đau đó trong tâm của họ. Họ cảm thấy an lạc hơn những lúc trước. Tuy nhiên, đối với người thuộc tầng lớp trí thức có ý chí mạnh mẽ, có học thức tốt và hiểu biết đúng đắn, thì những hành động như thế sẽ không cần thiết. Người Phật tử tin rằng sự thanh tịnh và nhiệm ô tùy thuộc vào chính bản thân mình. Không ai từ bên ngoài có thể làm cho người khác thanh tịnh. Phương pháp này được chứng minh thành công trong cuộc đời tu tập để chứng Phật quả của Đức Phật và do vậy, sự chứng đắc Niết-bàn có thể đạt được mà không nhờ vào sự giúp đỡ của một thế lực nào từ bên ngoài. Do đó, người Phật tử có thể thực hành và tu tập theo tôn giáo của mình mà không cần đến các vị thiên thần này.

---o0o---

NGŨ TẮT ĐI ĐẾN THIÊN ĐƯỜNG

Thiên đường mở rộng không chỉ cho tín đồ của một tôn giáo cá biệt nào, nhưng nó được mở rộng cho mọi và bất cứ ai sống đời sống chân chánh và thánh thiện.

Người Phật tử đi lên thiên đường không thực sự khó khăn gì nếu họ thực sự muốn. Nhưng có một số người đi từng nhà một để cố tìm mọi cách giáo hoá những người theo tôn giáo khác vào đạo của họ và hứa hẹn với họ một thiên đường mà họ mang trong túi sách của họ. Họ cho rằng duy họ là những người được ban phước có thể lên thiên đường; họ còn cho rằng họ có dư thẩm quyền để đưa những người khác đến thiên đường. Họ giới thiệu tôn giáo của họ giống như một loại thuốc đặc quyền sáng chế và điều này đã trở nên một sự phiền hà cho dân chúng trong thời đại ngày nay. Nhiều người vô tội không có sự hiểu biết về tôn giáo của họ, đã trở thành những nạn nhân của những người đi rao bán thiên đường này.

Nếu người Phật tử có thể hiểu được giá trị của nền giáo lý Thánh thiện, cao thượng của Đức Phật, thì họ sẽ không bị những con người như thế lừa dẫn vào con đường sai lầm. Những người rao bán thiên đường này còn tìm mọi cách để lừa phỉnh người ta bằng cách nói rằng thế giới này là do thần linh và Thượng đế sáng tạo, và sẽ chấm dứt trong nay mai. Những ai muốn có được cuộc sống tuyệt vời, vĩnh cửu nơi thiên đường phải chấp nhận tôn giáo đặc trưng của họ trước khi thế giới này đến ngày tận thế, kéo không con người ta sẽ bỏ lỡ cơ hội ngàn vàng này và sẽ phải chịu khổ đau mãi mãi trong địa ngục.

Sự đe dọa về ngày tận thế của thế giới đã được tiếp diễn hàng trăm năm. Điều ngạc nhiên nữa là hiện nay vẫn có một số người tin vào sự đe dọa đó, một sự đe dọa được xem là phi lý và ảo tưởng. Một số người được giáo hoá sau khi nghe những lời thuyết giảng như thế mà không cần sử dụng đến khả năng lý trí bình thường của họ.

Trong Phật giáo, không có một thẩm phán cá nhân hoặc là có quyền chỉ trích hoặc là tưởng thưởng mà chỉ có sự vận hành của một quy luật nhân quả, luân lý đạo đức không mang tính cá nhân và quy luật của tự nhiên. Tại sao người tội lỗi lại sung sướng và người lương thiện lại khổ đau?

Có một số người hỏi rằng “Nếu nhân tốt sanh quả tốt và nhân ác sanh quả xấu thì tại sao có nhiều người tốt lại khổ đau và người tội lỗi, xấu xa lại sung sướng trên cuộc đời này?”

Theo quan điểm của người Phật tử, giải đáp cho câu hỏi này là: mặc dù có một số người tốt về bản chất, song họ không tích lũy đủ phước báo thiện trong kiếp quá khứ để bù lại cho những hậu quả xấu, nghiệp quả bất thiện trong kiếp hiện tại này; trong quá khứ, ắt hẳn có một khuyết điểm nào đó.

Ngược lại, có một số người về bản chất thì tội lỗi và độc ác nhưng có thể sung sướng, hưởng thụ chỉ trong một khoảng thời gian ngắn trong kiếp hiện tại này do vì nghiệp thiện mà họ tích lũy trong kiếp quá khứ.

Chẳng hạn, có một số người về bản chất thừa hưởng thể trạng khoẻ mạnh và kết quả là có sức khoẻ đầy đủ. Sức kháng cự của cơ thể họ quá mạnh và do vậy, họ không phải chịu sự đau khổ của bệnh tật. Mặc dù họ không quan tâm đặc biệt đến việc vệ sinh đặc biệt, song họ có thể duy trì sự khoẻ mạnh. Ngược lại, có một số người dùng nhiều chất bổ dưỡng và vitamin, những loại thực phẩm giàu chất dinh dưỡng để tăng cường bản thân, nhưng cho dù những nỗ lực để được trở nên mạnh khoẻ, sức khoẻ của họ vẫn không biểu hiện sự cải thiện mảy may nào.

Bất cứ nghiệp xấu hay tốt mà con người đã phạm trong kiếp hiện tại này, thì nhất định họ cũng trải qua sự tương ứng ngay trong kiếp sống này hoặc là trong kiếp sau. Chúng ta không thể trốn thoát những hậu quả mà mình đã tạo ra thông qua việc cầu nguyện suông, mà là chỉ bằng cách tu tập và sống cuộc đời thánh thiện.

Phật giáo khích lệ con người làm thiện không phải vì muốn lên thiên đường. Con người được mong đợi làm thiện để mà có thể dẹo đi cái ích kỷ và kinh qua trạng thái an lạc và hạnh phúc.

---o0o---

QUAN ĐIỂM CỦA PHẬT GIÁO VỀ HÔN NHÂN

Trong đạo Phật, hôn nhân được xem như vấn đề cá nhân riêng tư chứ không phải là một trách nhiệm tôn giáo.

Hôn nhân là một sự quy ước của xã hội, một thể chế do con người tạo ra nhằm vì mục đích an lạc, hạnh phúc của con người, để phân biệt xã hội loài người với đời sống thú vật và duy trì trật tự và sự hoà hợp trong quá trình sinh sản.

Dù là những kinh điển Phật giáo không đề cập đến vấn đề chế độ một vợ một chồng hoặc là chế độ đa phu đa thê, song người Phật tử tại gia được khuyến hạn chế ở chế độ một vợ một chồng. Đức Phật không đặt ra những luật lệ cho đời sống hôn nhân nhưng đưa ra những lời khuyên cần thiết dạy chư Phật tử tại gia làm thế nào để sống một đời sống hôn nhân hạnh phúc. Có những sự liên hệ phong phú trong những bài pháp của Ngài rằng người ta

nên khôn ngoan và khéo léo trung thành với chế độ một vợ một chồng và không tham đắm vào sắc dục và bỏ vợ mình đi theo những người phụ nữ khác. Đức Phật nhận ra rằng một trong những nguyên nhân chính của sự suy vi của người đàn ông là sự dính líu của anh ta đối với những người phụ nữ khác. (Kinh Parabhava)

Người đàn ông phải nhận ra những khó khăn, những thử thách và nỗi phiền phức mà anh ta phải chịu đựng chỉ vì đề duy trì người vợ và gia đình. Những khó khăn này sẽ được thổi phồng lên nhiều lần khi đối diện với những tai ương. Biết được những yếu điểm của bản chất con người, Đức Phật chế giới luật khuyên chư đệ tử Ngài tránh vi phạm giới dâm.

Quan điểm của Phật giáo về vấn đề hôn nhân rất là khai phóng. Trong Phật giáo, hôn nhân được xem như một vấn đề mang tính cá nhân và riêng tư chứ không phải là một trách nhiệm đối với tôn giáo. Không có quy luật nào trong Phật giáo buộc con người phải kết hôn, hoặc là ở độc thân hoặc là sống một đời sống hoàn toàn trinh bạch. Giới luật cũng không đặt ra cho người Phật tử buộc họ phải sinh con cái hoặc là điều chỉnh số lượng con cái mà họ phải sinh. Đạo Phật cho phép mỗi cá nhân hoàn toàn có quyền tự do quyết định cho chính bản thân mình về tất cả những vấn đề liên quan đến đời sống hôn nhân gia đình. Người ta có thể hỏi rằng tại sao Tăng sĩ Phật giáo không lập gia đình bởi vì không có luật nào đồng ý hoặc chống lại việc lập gia đình của họ. Lý do hiển nhiên rằng để được phục vụ cho nhân loại, người tu sĩ đã chọn một lối sống tôn thờ chủ nghĩa độc thân. Những vị nào xuất gia tu tập và từ bỏ đời sống hôn nhân gia đình một cách tình nguyện để tránh xa những lời cam kết thế gian nhằm duy trì sự an lạc nội tâm và dành hết cuộc đời của mình phục vụ cho nhu cầu phát triển tâm linh và giải thoát cứu cánh của tha nhân. Mặc dù người xuất gia theo Phật giáo không cử hành một lễ cưới, song họ cũng có thể thực hiện tinh thần phục vụ của tôn giáo để mà ban phước cho cặp tình nhân mới cưới.

---o0o---

VẤN ĐỀ LY HÔN

Ly hôn hay ly dị không cấm theo quan điểm của Phật giáo mặc dù quy luật tất yếu chắc chắn là không thể phát sinh nếu những mệnh lệnh (giới luật) của Đức Phật được tuân giữ một cách nghiêm khắc. Nam và nữ phải có quyền tự do chia tay nhau nếu họ thực sự không thể hợp tình hợp ý nhau. Chia tay là cách chọn lựa thích hợp nhất để tránh cảnh khổ đau của cuộc sống gia đình

phải diễn ra trong một khoảng thời gian dài. Đức Phật còn đi xa hơn nữa là khuyên người đàn ông già không nên lấy vợ trẻ bởi vì người già và người trẻ không thể tương hợp nhau, sẽ tạo ra những vấn đề không đáng, sự bất hoà và sự suy vi (Kinh Parabhava).

Một xã hội phát triển thông qua một hệ thống những mối quan hệ xoắn vào nhau và tương quan tương duyên nhau. Mỗi mối quan hệ là một sự cam kết hết lòng hỗ trợ và bảo vệ nhau trong một nhóm hay cộng đồng người. Hôn nhân đóng một vai trò rất quan trọng trong mạng lưới những quan hệ của sự hỗ trợ và bảo vệ lẫn nhau này. Một cuộc hôn nhân tốt đẹp phải phải triển và phát huy dần dựa trên cơ sở của sự hiểu biết chứ không dựa trên sự ép buộc, gượng ép, xuất phát từ lòng chung thủy và thành thật với nhau chứ không chỉ hoàn toàn dựa trên sự ham muốn. Thể chế của hôn nhân cung cấp một nền tảng tốt đẹp cho sự phát triển của văn hoá, một sự hội nhập vui vẻ của hai cá nhân để được nuôi dưỡng và thoát khỏi trạng thái cô đơn buồn tẻ, sự nghèo khổ và sợ hãi. Trong hôn nhân, mỗi bên phát huy một vai trò bổ sung cho nhau, tạo nên sức mạnh và dũng khí đạo lý, mỗi bên biểu lộ sự công nhận vai trò hỗ trợ và đánh giá cao những kỹ năng của nhau. Không nên mang ý niệm trọng nam khinh nữ, hoặc trọng nữ khinh nam. Mỗi bên hỗ trợ tương cho nhau, làm một người bạn đời dựa trên sự bình đẳng, biểu lộ sự nhã nhặn, hào phóng, yên tĩnh và nhiệt tâm với nhau.

---o0o---

VẤN ĐỀ HẠN CHẾ SINH ĐẼ, PHÁ THAI & TỰ TỬ

Mặc dù người đàn ông có quyền tự do kế hoạch hoá gia đình anh ta theo điều kiện sống của gia đình, song việc phá thai là không công bằng.

Người Phật tử không có lý do nào để chống lại việc hạn chế sinh đẻ. Họ tự do trong việc sử dụng bất kỳ phương pháp tránh thai truyền thống hay hiện đại. Những ai phản đối việc hạn chế sinh đẻ bằng cách nói rằng việc làm đó chống lại quy luật của Thượng đế, nên nhận ra rằng quan niệm của họ liên quan đến vấn đề này là không hợp lý. Trong vấn đề hạn chế sinh đẻ, những việc cần nên thực hiện là để ngăn chặn sự xuất hiện của một chúng sanh mới. Không liên quan đến việc sát sanh và không có tạo nghiệp bất thiện. Nhưng nếu họ đưa ra bất kỳ hành động nào để thực hiện việc nạo phá thai, thì hành động này là không đúng bởi vì nó liên quan đến việc sát hại sanh mạng hoặc là huỷ diệt một sự sống hữu hình hay vô hình. Do đó, việc phá thai là không công bằng.

Theo giáo lý Đức Phật, năm điều kiện phải có mặt để đưa đến hành động sát sanh. Năm điều kiện đó là:

Một chúng sanh

Ý thức hay biết đó là một chúng sanh

Ý định giết hại

Tìm mọi cách để giết và

Kết quả là cái chết.

Khi một người nữ thụ thai, có một chúng sanh hiện hữu trong bào thai của cô ta và yếu tố này đáp ứng điều kiện thứ nhất. Sau một vài tháng, cô ta biết rằng có một cuộc sống mới bên trong cô ta và yếu tố này thoả mãn điều kiện thứ hai. Sau đó, vì lý do này hay lý do khác, cô ta muốn muốn giết đi mạng sống này bên trong cô ta. Vì vậy, cô ta bắt đầu tìm kiếm một bác sĩ chuyên về việc phá thai để làm công việc đó và như thế, điều kiện thứ ba được đáp ứng. Khi bác sĩ phá thai thực hiện công việc, điều kiện thứ tư được thoả mãn và cuối cùng sanh mạng bị giết bởi vì hành động đó. Vì vậy, tất cả những điều kiện đều hiện hữu. Như thế, hành động này của người mẹ phạm vào giới thứ nhất là không được giết hại và việc làm này có giá trị như việc giết một mạng người. Theo Phật giáo, không có một lý do nào để nói rằng chúng ta có quyền tước đi mạng sống của những sinh vật khác. Trong một số tình huống đặc biệt, con người cảm thấy bị bắt buộc phải làm điều đó vì sự thuận tiện cho chính bản thân. Nhưng họ không nên biện minh hành động phá thai này bằng cách này hay bằng cách khác mà họ sẽ phải chịu những nghiệp quả xấu. Ở một số nước, việc phá thai được xem là phi pháp, nhưng việc làm này là để vượt qua một số vấn đề. Những nguyên lý tôn giáo không bao giờ dâng nộp những thú vui của con người. Những nguyên lý ấy đại diện cho lợi ích của toàn thể nhân loại.

---o0o---

TỰ TỬ

Tước đi mạng sống của chính mình cho dù trong bất cứ tình huống nào cũng đều được xem là không đúng với tinh thần và luân lý đạo đức. Chấm dứt sự sống của chính mình do vì sự bức mình hay thất vọng chỉ tạo nên khổ đau ngày càng nhiều hơn. Tự tử là một cách hèn nhất để chấm dứt những vấn đề trong cuộc sống con người. Người với tâm thanh tịnh và khinh an không bao giờ tự tử. Nếu người từ bỏ thế giới này trong một trạng thái tâm tán loạn và bức mình, thì anh ta sẽ không thể tái sinh trong một điều kiện tốt hơn. Tự tử

là một hành động bất thiện và không lành mạnh bởi vì nó được khích lệ bởi một tâm hồn tràn đầy tâm tham lam, sân hận và si mê. Những người tự tử không biết cách đối diện với những vấn đề, làm thế nào để đối diện với sự thật của cuộc đời và làm thế nào để sử dụng tâm mình theo phương pháp chính đáng. Những con người như thế không thể hiểu được bản chất của cuộc đời và những điều kiện của thế gian.

Có một số người hy sinh mạng sống của chính mình cho những gì họ nghĩ rằng vì sự nghiệp cao cả và thánh thiện. Họ chấm dứt mạng sống của họ bằng những biện pháp như thế như tự thiêu thân, tự hy sinh, hoặc là chết đói. Những hành động như thế có thể được xếp vào những hành động can đảm và dũng cảm. Tuy nhiên, theo quan điểm của Phật giáo, những hành động như thế không được xem như có tội. Đức Phật đã chỉ rõ ràng rằng trạng thái tâm trong lúc tự tử sẽ dẫn đến khổ đau nhiều hơn.

---o0o---

TẠI SAO DÂN SỐ THẾ GIỚI TĂNG?

Không có cơ sở thực sự để nghĩ rằng đây là thời kỳ duy nhất mà dân số thế giới tăng nhanh.

Nếu người Phật tử không tin vào một linh hồn do thần linh tạo ra, thì làm thế nào để họ giải thích nguyên nhân của sự gia tăng dân số trên thế giới hiện nay? Đây là một câu hỏi phổ biến thường được nhiều người trong xã hội ngày nay thắc mắc. Những người hỏi câu hỏi này thường giả thuyết rằng chỉ có một thế giới duy nhất nơi mà các chúng sanh đang hiện hữu. Người ta nên xem xét rằng dân số thế giới tăng ở những nơi mà điều kiện khí hậu tốt, những tiện nghi thuộc men sẵn sàng, thực phẩm và sự đề phòng sẵn có để sinh đẻ và bảo vệ mạng sống là một điều rất tự nhiên.

Người ta cũng nên xem xét rằng không có cơ sở thực sự để nghĩ rằng chỉ có trong thời kỳ này dân số thế giới mới gia tăng. Không có những phương tiện để so sánh với bất cứ thời kỳ nào trong lịch sử thời cổ đại. Những nền văn minh khổng lồ đã xuất hiện và biến mất tại các vùng Trung Á, Trung Đông, Châu Phi và Châu Mỹ cổ đại. Không có những con số thống kê về những nền văn minh này. Dân số như những vấn đề khác trong vũ trụ này, phải chịu sự chi phối của những chu kỳ thịnh suy. Trong những chu kỳ gia tăng đang báo động của tỷ lệ sinh, người ta có thể được giao làm một công việc để biện luận cho sự tái sinh trong thế giới này hoặc là ở những thế giới khác. Trong mấy nghìn năm qua, không có bằng chứng để chứng minh con số sự

sống đang hiện hữu ở nhiều hệ thế giới khác nhau thực sự là vô hạn. Nếu sự sống của con người có thể được so sánh với chỉ một hạt cát thì số chúng sanh trong vũ trụ này giống như số hạt cát trong tất cả những bãi biển trên thế giới này. Khi điều kiện thích hợp và được sự hỗ trợ của những thiện nghiệp, một số trong con số vô hạn những chúng sanh này được tái sinh làm người. Sự tiến bộ của y học đặc biệt trong thế kỷ 19 và 20 đã khiến cho con người sống lâu hơn và sống đời sống khoẻ mạnh hơn.

Đây là một nhân tố đóng góp cho sự gia tăng nhanh dân số. Dân số có thể tăng nhiều hơn nữa trừ phi con người ý thức đưa ra những biện pháp để kiểm soát nó. Do vậy, trách nhiệm đảm bảo kiểm chế được sự gia tăng dân số nên được giao phó cho lĩnh vực y khoa và những lĩnh vực khác sẵn có trong xã hội hiện nay. Sự đảm bảo về trách nhiệm này không thể được phân công cho một tôn giáo cá biệt nào hoặc là những thế lực bên ngoài.

Có một sự tin tưởng của một số người nào đó cho rằng tất cả những hiện tượng rủi ro, tai ương làm huỷ diệt mạng sống của con người là do thần linh, Thượng đế tạo ra để mà làm giảm đi dân số thế giới. Thay vì tạo ra quá nhiều sự khổ đau cho những sinh vật do mình tạo ra, thế thì tại sao Ngài không thể kiểm soát được dân số? Tại sao càng ngày Ngài càng tạo ra nhiều người sinh sống trong những quốc gia có mật độ dân số dày đặc, nơi mà không có đủ lương thực thích hợp, quần áo mặc, những thứ cần thiết khác? Những ai tin rằng Thượng đế tạo ra mọi loài trên thế gian này không thể đưa ra một câu trả lời thoả mãn cho câu hỏi trên. Sự nghèo khổ, đói khổ, bất hạnh, chiến tranh, bệnh tật, nạn đói kém không phải do vì ý chí của thần linh, Thượng đế hoặc là lòng ham muốn của quỷ thần, mà là những nguyên nhân không khó khăn lắm để phát hiện.

---o0o---

ĐỊA VỊ CỦA NỮ GIỚI TRONG ĐẠO PHẬT

Thái độ xã hội đối với phụ nữ được đánh dấu bởi những thành kiến cũng như sự thiên vị trong Tôn giáo. Vì vậy, sự phân biệt đối với nữ giới rõ ràng được đặc trưng chung của xã hội. Những thành kiến và vật cản mà nữ giới phải đối phó cũng tương tự như những trường hợp ở châu Phi, châu Á, châu Mỹ hoặc châu AÂu. Đó là tình trạng lập dị mà nữ giới phải chịu thiệt thòi và có cơ sở trong sự thiên vị mang tính chất Tôn giáo. Chính bắt nguồn từ tôn giáo mà quan niệm về sự lập dị đối với phụ nữ được hình thành. Ở đây

người phụ nữ được miêu tả như là một người khêu gợi rất hấp dẫn, quyến rũ và cũng luôn luôn bị cảnh báo trong hầu hết các Tôn giáo trên thế giới.

Một vài sự thiên vị về mặt xã hội được dựa trên một số niềm tin phổ biến. Theo một số huyền thoại Tôn giáo, người đàn ông được giới thiệu như là con của Thượng đế. Một điều rất xa lạ là người phụ nữ chưa bao giờ được đặt vào một địa vị tương tự như nam giới: là con của Thượng đế. Đa số những người tin vào thuyết linh hồn cho rằng linh hồn chỉ hiện hữu ở nam giới chứ không hiện hữu ở nữ giới. Nữ giới thường được cho là những người có phẩm chất tồi nhất. Họ được xem như là nguồn gốc của tội lỗi trên thế gian này, thậm chí đến mức họ bị chỉ trích cho những sự bất hạnh mà nam giới phải gánh chịu trong kiếp này và kiếp lai sinh.

Xét về nguồn gốc lịch sử xã hội Ấn Độ thời tiền Phật giáo, có một ranh giới giữa nam giới và nữ giới rất rõ rệt. Đặc biệt trong địa hạt xã hội và gia đình nữ giới được xem như là hạ liệt, thấp hèn. Người ta xem phụ nữ như là một thứ tài sản hay một vật thể nào đó. Địa vị của cô ta chỉ giới hạn trong gia đình và cô ta phải chịu phục tùng sự ham muốn và nhu cầu cầu dục vọng của người chồng. Cô ta không phải chỉ hoàn tất công việc nội trợ mà còn xoay sở để nuôi sống cho cả gia đình. Chẳng hạn như một số Bà la môn kết hôn và sống với vợ, nhưng họ xem những món ăn do những bà vợ nấu là bất tịnh và không hợp khẩu vị của họ. Từ những ví dụ giống như trên, một huyền thoại được dựng thành. Nữ giới bị bôi xấu, sỉ nhục như là những kẻ đầy tội lỗi, và người ta còn cho rằng cách duy nhất để tránh xa mọi phiền lụy là buộc họ đầu tắt mặt tối như làm nhiệm vụ một người mẹ và nhiều bổn phận khác trong gia đình. Có một sự tin tưởng mãnh liệt rằng phải có một đứa con trai để nối dõi tông đường và thờ cúng ông bà tổ tiên. Tín ngưỡng truyền thống cho rằng chỉ có con trai mới có thể thực hiện những hình thức lễ nghi như thế. Và đó cũng là ý tưởng của đa số quan niệm rằng rất cần thiết cho việc mang lại sự an ổn và an toàn cho ông bố sau khi qua đời.

Ngoài ra, người ta cũng tin rằng người mất có thể trở lại làm ma quấy phá gia đình nếu trong gia đình không có con trai nối dõi tông đường. Do đó, khả năng sinh con trai rất cần thiết và quan trọng đối với một phụ nữ sau khi có chồng. Trái lại, nếu một người đàn bà không sinh được con trai, thì người chồng có thể cưới vợ khác và ngay cả việc trục xuất bà ra khỏi nhà. Xem xét từ góc độ về tầm quan trọng trong việc sinh con trai quý hơn đối với một phụ nữ có gia đình, chúng ta biết rằng cuộc sống của họ rất bấp bênh, bèo dạt mây trôi, phụ thuộc hoàn toàn vào khả năng liệu bà ta có thể sinh được con

tra hay không. Nhưng điều này không có nghĩa là cuộc đời của những thiếu phụ chưa lập gia đình thì chắc chắn hơn những người chị của họ.

Do đó, hôn nhân được xem là một thánh lễ (lễ này thường được áp dụng trong tất cả các hoạt động lễ nghi của Giáo hội Cơ đốc La Mã, Anh giáo và các phái Cơ đốc giáo khác). Vì vậy, một thiếu phụ trẻ chưa lập gia đình bị xã hội khinh miệt và luôn là đối tượng để người ta chỉ trích.

Xét về phương diện tâm linh, trong lĩnh vực thực hành lễ nghi tôn giáo, địa vị nữ giới đáng lẽ được chấp nhận thì cũng bị từ chối. Vì lý do đó người ta tin rằng người nữ không đủ khả năng đạt đến thiên đường nhờ vào những phước đức của bản thân. Hơn thế nữa, cô ta cũng không thể thờ cúng một mình được. Người ta cũng tin rằng cô ta chỉ có thể lên thiên đàng thông qua việc vâng lời chồng mà không có những đòi hỏi thắc mắc khác, cho dù người chồng vô tình làm những điều tội lỗi xấu xa. Và người ta cũng chấp nhận rằng thức ăn do người chồng ăn thừa lại là nguồn thức ăn cho cô ta.

Những minh họa trên đây cho thấy được mức độ của sự bất công bằng giữa nữ giới và nam giới.

---o0o---

Lời Tuyên Bố Của Đức Phật

Bằng cách đi ngược lại những hình thức hẹp hòi cố chấp như thế cản trở sự phát triển tâm linh, Phật giáo có thể được xem là một Tôn giáo không có sự phân biệt nữ giới. Rõ ràng là Đức Phật là một vị giáo chủ, một bậc thầy tâm linh vĩ đại nhất trong lịch sử nhân loại trong việc tạo cơ hội bình đẳng và không ràng buộc cho phụ nữ trong lĩnh vực tu tập tâm linh. Mặc dầu, trong một vài trường hợp, Ngài chỉ ra khuynh hướng tự nhiên và những yếu điểm của nữ giới một cách chung chung, Ngài cũng đặt cho họ đúng vị trí và tùy theo khả năng của từng người. Ngài thực sự là vị đạo sư mở đường cho nữ giới xuất gia và thành lập giáo hội Tỳ-kheo ni. Điều này ám chỉ rằng nữ giới cũng có thể tu tập và thanh tịnh hóa tâm, chứng đắc tâm hạnh phúc, Niết-bàn, (Nibbana) như nam giới. Sự kiện này được minh chứng đầy đủ, rõ ràng bằng những bằng chứng về sự hiện diện của Giáo hội Ni giới trong thời kỳ Đức Phật. Những lời dạy của Đức Phật đóng một vai trò hết sức quan trọng trong việc xóa bỏ vô số niềm mê tín dị đoan và những hình thức lễ nghi vô nghĩa không mang lại sự an lạc, giải thoát cho con người. Bao giờ việc giết xúc vật cúng tế thân linh để được ban phước, theo quan điểm của đại đa số. Khi Đức Phật biểu lộ về chân bản chất của sự sinh tử, và giải thích những

hiện tượng tự nhiên ngự trị vũ trụ của chúng ta, thì lúc đó dân chúng mới bắt đầu thấu hiểu. Kết quả của việc này là Đức Phật đã xóa bỏ sự phân biệt giai cấp những sự bất công trong xã hội, và những cố chấp thành kiến đang thịnh hành trước đó. Vì vậy khiến cho nữ giới có thể tự do theo đuổi cuộc sống của mình. Mặc dù Đức Phật đã đề cao địa vị của nữ giới trong xã hội. Ngài cũng chỉ ra rằng sự khác biệt về mặt xã hội và tâm lý tồn tại giữa nam giới và nữ giới. Điều này được chỉ rõ trong tư cách rất thiết thực, trong sự quan sát của ngài, cho con người từ mọi triều đại, được tìm thấy trong việc quan sát rõ ràng, rất thực tế, rất đời thường. Những ví dụ này được ghi nhận rất rõ trong kinh Anguttara và Samyutta. Bài kinh này cũng đề cập rằng trách nhiệm của nam giới được yêu cầu không ngừng trong lĩnh vực học thức. Anh ta nên cải thiện và cân bằng những kỹ năng thủ công và chuyên môn và luôn tận tụy với công việc. Anh ta cũng phải có thể tìm kiếm những phương kế sanh nhai cho bản thân và gia đình. Mặt khác, người ta cũng phát biểu rằng trông nom nhà cửa quán xuyến công việc nội trợ và chăm sóc chồng con là bổn phận của nữ giới.

Tương Ưng là bộ kinh bao gồm nhiều lời kinh có giá trị mà Đức Phật đã dạy cho những thiếu phụ trước khi lập gia đình. Thấy trước những khó khăn sẽ phát sinh sau khi lập gia đình. Đức Phật khuyên các thiếu nữ nên kính trọng cha mẹ chồng hầu hạ thương yêu bố mẹ chồng như như là bố mẹ ruột của mình. Họ cũng được yêu cầu kính trọng và tôn kính bà con họ hàng bên chồng, và bạn bè của chồng để tạo ra một không khí dễ chịu và vui vẻ nơi nhà chồng. Liên hệ đến vợ chồng: Đức Phật khuyên: “Vợ chồng phải thương yêu nhau, người vợ vừa là vợ vừa là người yêu, vừa là người bạn và có khi là chị hay em (hoặc mẹ). Người vợ cũng được khuyên để học tập và hiểu bản chất của người chồng, biết chắc được những hành động của chồng, tính cách và khí chất của chồng, và nhằm tạo ra sự hợp tác giữa vợ và chồng trong mọi thời gian, mọi hoàn cảnh. Người vợ cũng nên tử tế, nhã nhặn và chu đáo với họ hàng, láng giềng cũng như người nô tỳ. Và người vợ phải quán xuyến của cải do chồng kiếm được và chi tiêu vừa phải, hợp lý không phí của cải trong những trường hợp vô ích.

Thật lạ lùng thay, cách đây hơn hai ngàn năm mà Thế tôn quan niệm về vợ chồng của tuổi trẻ rất là đặc biệt. Những lời khuyên của Đức Phật như thế thực sự là những lời khuyên vượt thời gian. Đức Phật đề cao sự ràng sự an lạc và hài hòa trong một gia đình thuộc phạm vi của người vợ. Vì vậy, lời khuyên của ngài đối với nữ giới trong vai trò cuộc sống gia đình rất thiết thực và thực dụng. Ngài đưa ra một loạt những phẩm chất mà người vợ phải

hoặc không nên thi đua. Vào những dịp khác, Đức Phật khuyên một người vợ rằng:

- Không nên nảy sinh những ác ý chống đối lại người chồng;
- Không nên thô lỗ, hà khắc, độc đoán, hồng hách;
- Không nên tiêu tiền như rác, nhưng phải biết tiết kiệm tùy theo điều kiện cho phép của cô ta;
- Phải sốt sắng bảo vệ và dành giùm tài sản kiếm được của người chồng;
- Phải công, dung, ngôn, hạnh;
- Phải trung thành và chung thủy với nhau;
- Nên nhã nhặn trong lời nói và tử tế lịch sự trong hành động;
- Nên tốt bụng, cần cù, siêng năng;
- Nên quan tâm chu đáo và thương yêu chồng và thái độ của người vợ nên đối xử ngang bằng với thái độ của người mẹ thương yêu con cái;
- Nên khiêm tốn và kính trọng;
- Nên ôn hòa điềm tĩnh và hiểu biết;
- Vừa là người vợ, người bạn, và người cố vấn cho chồng khi cần thiết.

Cùng với thời Đức Phật cũng có những vị giáo chủ của các tôn giáo khác nói về trách nhiệm, bổn phận của người vợ đối với người chồng. Họ nhấn mạnh rằng đó là bổn phận riêng của người vợ là phải sinh con và đáp lại người chồng một cách chân thành và tạo ra niềm hạnh phúc cho gia đình. Quan điểm này cũng tương tự với quan điểm của Khổng Tử (Tam tông tứ đức). Tuy nhiên, bổn phận của người vợ đối với người chồng đề cao trong những quy tắc đạo đức của đạo Khổng, nhưng nó không đề cao trách nhiệm của người chồng với người vợ. Những lời dạy của Đức Phật không thiên vị, không hướng về phía người chồng. Trong kinh Thiện Sinh (Trung Bộ Kinh số 31) Đức Phật giải thích rõ ràng mối tương quan giữa bổn phận và trách nhiệm của người chồng đối với người vợ và ngược lại.

Về phần người chồng anh ta phải trung thành nhã nhặn và không khinh miệt. Chính trách nhiệm bổn phận của người chồng thường xuyên săn sóc các nhu cầu, hay sắm quà tặng cho vợ, và yêu thương vợ. Vì vậy chúng ta chứng kiến được thái độ không thiên vị của Đức Phật đối với cả hai giới. Đức Phật cũng chỉ ra nhiều cản trở bất lợi và trở ngại mà người phụ nữ phải chịu đựng. Chẳng hạn, những sự thử thách, khổ cực và phiền phức mà một người thiếu phụ phải chịu đau khổ trước khi dời gia đình mình về nhà chồng và sự đau khổ trong việc thích nghi bản thân trong một môi trường sống mới đầy rẫy vấn đề và khó nhọc. Thêm vào những nỗi đau khổ trên là những nỗi đau khổ về mặt sinh lý mà họ phải chịu trong suốt thời kỳ kinh nguyệt, mang

thai và sinh con. Tất cả những nỗi đau khổ trên chỉ là những hiện tượng tự nhiên chỉ biểu hiện những bất lợi và hoàn cảnh khác nhau đang thịnh hành giữa nam giới và nữ giới.

Những lời dạy của Đức Phật liên quan đến chân bản chất của vấn đề sinh tử vấn đề nghiệp báo và luân hồi, chuyển hóa thái độ của xã hội đối với nữ giới trong một thời kỳ trước đó. Đây chính là lý do đặc biệt quá chú trọng đến sinh con trai hơn con gái. Phật giáo không bao giờ đồng ý với quan điểm Bà la môn giáo rằng người con trai rất cần thiết cho sự đầu thai của người cha lên thiên đàng. Đức Phật dạy rằng theo quy luật của nhân quả, con người phải chịu trách nhiệm cho những hành động của mình và phải lãnh lấy hậu quả của nó. Những hành động thiện của người bố hoặc của ông bà không phụ thuộc vào hành động của con hoặc cháu. Mỗi cá nhân phải chịu trách nhiệm cho những hành động của mình. Do đó, không có lý do để những người nữ có gia đình phải lo lắng băn khoăn chỉ vì không thể sinh cho gia đình chồng một hoàng nam, chỉ nhằm mục đích phục vụ nối dõi tông đường. Điều này cũng có nghĩa là con gái có thể hoàn thành tốt trách nhiệm như con trai.

Có thể trong thời kỳ Đức Phật, người con gái có thể không lập gia đình nhưng không bị lãng mạ, sỉ nhục, cô ta có thể bằng lòng ở với gia đình mình và chăm sóc bố mẹ, em trai và em gái chu đáo. Thậm chí cô ta là chủ sở hữu của một tài sản lớn lao.

Đạo Phật không đặt nặng vấn đề quan trọng sinh con trai hay con gái. Trong Tương Ưng Bộ kinh-Kinh Kosala—phẩm thứ 2-VI Người con gái- khi vua Passnadi nước Kosala đi đến Thế Tôn; sau khi đến đánh lễ Thế Tôn. Rồi một người đi đến vua Passenadi nước Kosala và báo tin kể bên tai vua Pasenadi: “Thưa Đại vương, hoàng hậu Mallika đã hạ sinh được một người con gái.” Khi được nghe như vậy vua Pasenadi không được hoan hỉ bởi vì ngài đang mong có một hoàng nam. Sau khi biết điều này Thế Tôn nói lên bài kệ như sau:

*Này nhân chủ ở đời
Có một số thiếu nữ
Có thể tốt đẹp hơn
So sánh với con trai
Có trí tuệ gởi đức
Khiến nhạc mẫu thân phục
Rồi sinh được con trai*

*Là anh hùng quốc chủ
Người con trai như vậy
Của người vợ hiền đức
Thật xứng là đạo sư
Giáo quốc cho toàn quốc **

(Bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu – VNCPH VN ấn hành)

Đạo Phật đã mở ra cánh cửa cho phép nữ giới tham gia đầy đủ tất cả các lĩnh vực của đạo giáo bằng cách làm cho họ có đủ tư cách, khả năng được phép gia nhập vào giáo hội Tỳ-kheo ni (Order of Nuns). Điều này đã mở ra một con đường mới, nền văn hóa xã hội và những cơ hội cho một cuộc sống phổ biến cho nữ giới. Nó giúp cho nữ giới nhận thức được tầm quan trọng của họ trong xã hội và làm như vậy cũng nhằm nâng cao địa vị của nữ giới. Mặc dù có một vài lời phê phán châm chọc được viết trong tâm trang về những sự căm dỗ và thái độ của nữ giới, Đức Phật cũng đề cập trong Kinh Tương Ưng rất nhiều đặc trưng bù đắp lại của họ. Người ta còn cho rằng trong một số trường hợp nào đó nữ giới được xem là thông thái hơn và sâu sắc hơn, thậm trọng hơn nam giới. Và nữ giới cũng được xem có khả năng chứng đắc giác ngộ hay thánh quả sau khi tu tập Bát Chánh đạo. Mặc dầu có một số dường như có vẻ hơi khó chịu, thông qua sự quan sát cẩn thận chúng ta thấy rằng những gì Đức Phật nói về nữ giới vẫn còn có giá trị cho đến ngày nay. Do vậy, khi tiết lộ bản chất của nữ giới như Đức Phật đã làm khi vua Pasenadi nước Kosala thấy rằng nhà vua có một người con gái thay vì một hoàng nam - Đức Phật đã chỉ ra không chỉ những yếu điểm của nữ giới mà còn những khả năng của họ Đức Phật đã chỉ ra rõ ràng rằng nữ giới cũng có khả năng hiểu biết giác ngộ lời dạy của ngài và cũng thực hành tu tập. Nhìn từ lời dạy đó đến mức độ chứng đắc thánh quả, đoạn trừ vô minh. Điều này được chỉ ra rất rõ ràng trong lời khuyên của Đức Phật cho nhiều phụ nữ trong dịp khác nhau và nhiều trường hợp khác. Đức Phật thuyết bài pháp vô thường cho nữ tôn giả Khema. Nữ Tôn giả Khema có nhan sắc tuyệt trần, là hoàng hậu của vua Tần- bà- sa-la (Bimbisara). Khi Thế Tôn ở tại Trúc Lâm, nàng cùng các người hầu cận đến hầu Thế Tôn, Thế Tôn hóa hiện một tiên nữ đẹp hơn nàng, đứng hầu quạt Thế Tôn. Trước mắt nàng, tiên nữ bỗng trở nên già sòm rồi ngã quỵ xuống đất, khiến nàng thức tỉnh, tiêu tan tất cả kiêu mạn về nhan sắc của mình. Bây giờ Thế Tôn dạy:

*“Người đắm say các dục,
Như nhện sa lưới dệt,
Bỏ mọi khổ không màng,
Tự lao mình xuống dòng*

Người trí cắt trừ nó”.
(Pháp Cú- 347)

Với sự nhận thức được sự vô thường, sau đó nàng chứng đắc A-la-hán ngay tại chỗ và xin Đức Thế Tôn gia nhập vào giáo hội Tỳ-kheo ni.

Nữ Tôn giả Dhammadinna là vợ của một người có địa vị trong xã hội, ông Visakha. Khi Visakha nghe Thế Tôn dạy, liền đắc A-la-hán và xuất gia. Nàng cũng xin xuất gia và nhập thất tu, không bao lâu nàng liền chứng đắc A-la-hán quả vị cao hơn cả Visakha (người chồng cũ). Nữ Tôn giả là vị thuyết pháp đệ nhất.

Trường hợp nữa là Nữ Tôn giả Patacara vốn con nhà giàu, về sau lập gia đình với chàng trai giúp việc nhà và trốn nhà ra đi. Đến lúc sinh được hai con trong điều kiện rất khổ sở thì chồng bị rắn cắn chết, một đứa con bị điều tha, một đứa bị nước cuốn trôi, cha mẹ và các em bị thiệt mạng trong một đêm bão tố. Quá đau khổ nên nàng bị điên. Sau đó nàng gặp Thế Tôn và hồi tỉnh, Thế Tôn thuyết pháp tế độ nàng. Về sau nàng đắc A-la-hán quả và thuyết pháp độ năm trăm vị ni khác cũng đắc quả.

Sự thành lập Giáo hội Ni giới- (Order of Nuns) vào năm thứ 5 từ khi thành Đạo cho đến khi thuyết pháp độ sanh của Thế Tôn đã mở ra con đường tự do hoàn toàn tín ngưỡng cho nữ giới. Nó được thành công theo ý nghĩa mà có nhiều vị ni xuất chúng rất thông thái trong lãnh vực học tập cũng như tu tập giáo pháp. Dưới đôi mắt của thế gian Phật giáo phát triển rất cao. Trường Lão Ni Kệ (The Psalms of the Sisters) bao gồm 77 bài kệ của các vị ni là một trong những niềm tự hào của văn học Phật giáo. Đức Phật không giới hạn việc học và hành pháp của ni giới. Giáo hội ni giới đã tạo ra một số vị thuyết pháp rất xuất sắc và những luận sư xuất sắc như: Maha Pajapati (nhũ mẫu của Thái tử Tất Đạt Đa), Khema (trí tuệ đệ nhất) Dhammadim (đứng đầu chư vị pháp sư ni), Patacara (Luật tạng đệ nhất) Nanda (Thiền định đệ nhất).

Theo Phật giáo, một người con trai không cần thiết cho sự tự do giải thoát lên thiên đàng của người cha, mà người con gái cũng có thể làm tốt công việc như con trai, và được quyền tự do sống một cuộc sống độc lập. Bằng cách đảm bảo cho nữ giới một vai trò tích cực trong cuộc sống tu hành. Đức Phật cũng giúp nâng cao địa vị của họ trong cuộc sống trần tục.

Tuy nhiên, việc chấp nhận nữ giới gia nhập Tăng đoàn là cũng quá tiên bộ so với bối cảnh lịch sử xã hội lúc bấy giờ. Bởi vì bản chất của sự cải thiện

quá tiến bộ trong tư tưởng tiến bộ lúc đó, cho nên người ta không thể đáp ứng được vì vậy gây ra tình trạng thoái lui. Vì vậy thời gian thành lập Giáo hội Ni giới tồn tại rất ngắn bởi vì dân chúng không thấu hiểu tình hình. Những Bà-la-môn cảm thấy đặc quyền đặc lợi trong hệ thống giai cấp bị đe dọa là yếu tố khác khiến cho sự suy giảm của giáo hội ni giới. Họ đưa ra sự tuyên truyền thù địch, căm ghét chống lại thái độ mới này trong việc đảm bảo nữ giới quyền tự do tín ngưỡng.

Tại Srilanka, Giáo hội ni giới phát triển rất mạnh mẽ cho đến năm 1017 sau Tây lịch dưới sự cai trị của vua Manhinda (Di-lan-đà) đệ tứ. Sau đó Giáo hội biến mất và không thể khôi phục lại được. Nhưng giáo hội Ni giới được truyền sang Trung Hoa do các vị ni người Sinhalese và nó vẫn tồn tại ở đó cũng như ở Nhật Bản cho đến ngày nay. Tuy nhiên, trong truyền thống Phật giáo Đại thừa họ chiếm lấy vị trí địa vị phụ so với Tăng sĩ mà thôi.

---o0o---

Hướng Đến Sự Bình Đẳng Tự Do

Kỳ vọng của kỷ nguyên hiện đại trong thế kỷ 19 và thế kỷ thứ 20 rất khác với thời đại của Đức Phật. Sự tự do của nữ giới và sự công bằng bình đẳng đạt được nhiều bước đặc biệt là trong xã hội Phương Tây. Điều này diễn ra là nhờ kết quả của những khuynh hướng hiện đại, và tư tưởng, nền giáo dục hiện đại cho nữ giới trong tất cả các lãnh vực giáo dục từ sơ cấp cho đến đại học. Susan B. Anthony, một người Mỹ đi tiên phong mở đường cho cuộc vận động quyền bình đẳng cho nữ giới vào năm 1848, hơn 148 năm trước đây. Kể từ đó những phong trào và cuộc tranh đấu cho những mục tiêu rộng hơn đã dẫn đến những phụ nữ đi tiên phong và nhiều tổ chức phụ nữ ra đời. Những người này tin rằng nữ giới một vai trò quan trọng trong lĩnh vực yêu tổ quốc cùng với nam giới góp phần xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn thông qua một xã hội và một quốc gia tốt đẹp hơn.

Kể từ năm 1848, nhiều phong trào có tổ chức rất phổ biến đòi hỏi cơ hội được giáo dục bình đẳng, bình đẳng quyền chính trị, kinh tế cho nữ giới. Ở phương Tây, điều kiện của nữ giới được nâng cao do những điều kiện bắt nguồn từ cách mạng công nghiệp, phong trào nhân quyền và phong trào phụ nữ đòi quyền bình đẳng. Nhưng ở Á châu và những quốc gia khác, nơi mà nền công nghiệp không mấy tiến bộ, những sự cải cách được mang lại nhờ vào những nhà cải cách với một cơ sở Tôn giáo mãnh liệt.

Trong 50-60 năm qua sự phát triển đều đều sự tham gia của nữ giới vào đời sống kinh tế, xã hội, cũng như chính trị. Sự thành công như thế đạt được bởi nữ giới gần đây trong các lãnh vực đáng kính phục - như trong lĩnh vực khoa học, trong kinh doanh, kinh tế và thậm chí trong lĩnh vực chính trị, có thể được diễn tả như là một hiện tượng. Mĩa mai thay, mặc dù một số nữ giới đã đạt đến địa vị tối cao trong vũ đài chính trị như Thủ Tướng quốc gia (PM), ở một số quốc gia khác, xã hội đương thời chưa đưa ra quyền đi bầu cho phụ nữ. Ngày nay, mặc dầu hầu hết các quốc gia trên thế giới chấp nhận một thái độ công bằng hơn và đã mở nhiều cơ hội giáo dục và hướng nghiệp cho nữ giới. Tuy nhiên trên thực tế vẫn còn một số quốc gia về hình thức bên ngoài dường như đã xóa bỏ sự phân biệt đối với nữ giới, nhưng bên trong vẫn còn tồn tại.

Hoạt động thế giới nhằm nâng cao vai trò địa vị của nữ giới bắt đầu bằng hội "League of Nations" (Liên Hợp Quốc) chỉ thời gian ngắn sau chiến tranh thế giới thứ I. Sau này hiến chương liên hiệp quốc đi xa hơn nữa nhằm đảm bảo những nguyên tắc tự do và quyền bình đẳng cho tất cả nữ giới. Ủy ban chuyên phụ trách về quyền và địa vị của phụ nữ, một bộ phận của Liên Hiệp Quốc điều tra thăm dò về tình trạng phân biệt dựa trên giới tính và thảo luận kỹ càng những câu hỏi liên quan đến quyền chính trị của nữ giới, quyền được hưởng theo năng lực, địa vị của người phụ nữ trong luật pháp, quốc tịch của người nữ sau khi lập gia đình, cơ hội giáo dục và kinh tế cho nữ giới, sự trợ giúp về mặt kỹ thuật và sự tham gia của nữ giới.

Mặc dầu nhiều điều đã được hoàn tất nhờ vào những phong trào đòi quyền được đi bầu của phụ nữ, và các tổ chức thế giới có quan hệ đến sự tham gia của nữ giới trong nhiều lĩnh vực kinh tế, xã hội, và chính trị nhưng vấn đề tự do thực sự vẫn chưa được giải quyết.

---o0o---

Tự Do Theo Phật Giáo

Tự do thực sự là tự do khỏi tất cả các trói buộc. Tự do chỉ đạt được thông qua sự tu tập đúng đắn và sự thanh tịnh hóa tâm. Làm sạch tất cả các lực hoại của tham, sân và si. Không có những cuộc tranh luận công chúng nào, cuộc biểu tình và những hiến chương quốc tế có thể mang lại cho con người hoàn toàn tự do. Sự tự do chỉ có thể đạt được nhờ vào sự nỗ lực tinh thần của từng cá nhân thông qua việc thực hành đều đặn phương pháp thiền mà Đức Phật đã dạy. Đức Phật là được xem người đầu tiên giải phóng phụ nữ

khỏi trói buộc của phong tục xã hội và là người làm thăng hoa một lối sống rất dân chủ. Chính trong Pháp của Phật mà nữ giới không bị khinh bỉ, xỉ nhục, xem thường, nhưng còn đưa ngang địa vị của nam giới trong những nỗ lực để đạt trí tuệ và giải thoát. Và đây cũng là tiếng nói của nhân bản, dân chủ bình đẳng và sớm nhất trang lịch sử nhân loại, giải phóng nữ giới ra khỏi vòng ràng buộc và tối tăm của cuộc sống bị đè nặng bởi các nền văn hóa chậm tiến bộ.

---o0o---

PHẬT GIÁO VÀ NHÀ TƯ TƯỞNG TỰ DO

Nhiều người được gọi là những nhà tư tưởng tự do thực sự không phải là những nhà tư tưởng tự do, nhưng đúng hơn họ lười biếng suy nghĩ chỉ vì họ không muốn tư duy một cách nghiêm túc và suy nghiệm về ý nghĩa của sự hiện hữu của mình. Họ tự cho mình là những nhà tư tưởng tự do. Trong Phật giáo không có một lý do nào để gọi những loại người này là những nhà tư tưởng tự do. Phật giáo khích lệ con người suy nghĩ một cách tự do nhưng sâu sắc và không có sự thiên vị, thành kiến.

Ngay sau khi chứng đắc sự giác ngộ, khi có nhiều chư vị đệ tử, Đức Phật dạy: *“Này các Tỳ-kheo, bây giờ chư vị và ta tự do, giải thoát khỏi những sự trói buộc của chư thiên và loài người”*. Ở đây, chúng ta có thể tìm thấy một bối cảnh liên quan đến ý nghĩa của của một nhà tư tưởng tự do là gì.

Thông thường, người ta cố gắng giới thiệu những quan điểm và niềm tin, và sự thực hành tôn giáo của họ bằng cách áp đặt những sự trói buộc mang bản chất thiên đàng và những bức thông điệp được mời gọi từ thiên đàng. Đức Phật đã bác bỏ những quan điểm như thế. Ngài nói chính Ngài và chư đệ tử Ngài tự do giải thoát khỏi sự trói buộc con người và chư thiên.

Những sự trói buộc này là gì? Chúng là những loại tín ngưỡng, tham ái, chấp thủ, quan điểm, truyền thống, phong tục tập quán v.v... ở nhiều hình thức khác nhau được tạo ra dựa trên danh nghĩa tôn giáo nhằm khai thác sự sợ hãi và sự hoài nghi của con người. Những người chịu sự nô lệ bởi những tín ngưỡng và tôn giáo như thế là đang chịu sự trói buộc. Xét về phương cách nào mà Đức Phật được gọi là một nhà tư tưởng tự do hoặc là làm thế nào chúng ta có thể cho rằng Phật giáo là một tôn giáo của tự do và lý trí?

---o0o---

Quyền Tự Do Suy Nghĩ Và Hiểu Biết Chân Lý

Đức Phật đã tạo cho con người có đầy đủ quyền tự do suy nghĩ một cách tự do mà không phụ thuộc vào quan niệm của một vị thần, một vị Phật hay là bất kỳ một vị đạo sư nào khác hỗ trợ để hiểu được chân lý. Đó là sự tự do, giải thoát. Theo một số tư tưởng gia phương Tây, Phật giáo được biết đến như là một tôn giáo của tự do và lý trí”. Tuy nhiên, tự do phải được lý trí hướng dẫn, soi sáng. Nếu không thì người ta sẽ lạm dụng sự tự do đó. Chẳng hạn, nếu một chính phủ ban cho công dân của họ quyền tự do hoàn toàn được sống và làm bất cứ điều gì theo quyền tự do của họ, theo ý chí của họ, thì chắc chắn rằng trong vòng 24 tiếng đồng hồ, họ có thể hủy hoại toàn bộ đất nước. Đó là sự hiểm nguy của việc ban bố quyền tự do mà trước tiên không phát huy lý trí trong tâm thức con người. Chúng ta nên tuân theo nguyên tắc tương tự trong việc thực hành tôn giáo. Mặc dù, một số người cho rằng tự do ý chí hiện hữu để cho con người nỗ lực, phấn đấu, song chúng ta biết rằng không có một sự tu tập, huấn luyện và hướng dẫn thích hợp thì việc sử dụng tự do ý chí đó có thể đưa đến những hậu quả tai hại. Một đứa trẻ có thể có tự do ý chí, nhưng nó phải được dạy dỗ không nên chơi với một đường dây điện đang dẫn điện.

Đức Phật nhấn mạnh rằng tự do ý chí không phải là một món quà từ bất kỳ một động lực bên ngoài nào. Đó là bản năng của chúng ta. Hành vi con người, nhân cách con người, tâm hồn con người là những nét đặc trưng được phát triển trong suốt cuộc hành trình sinh mạng của chúng ta. Cho dù chúng ta là người có văn hóa hay không có văn hóa, văn minh hay không, có đạo hay vô đạo, thiện hay ác, tốt hay xấu, đê tiện hay tử tế, tùy thuộc vào những thói quen, tập khí tâm mà chúng ta đã phát triển chúng từ kiếp này qua kiếp khác trong quá khứ. Những đặc tính này không phải là do một ai ban bố cả.

Tôn giáo trở nên rất quan trọng trong việc hướng dẫn và chỉ đạo cách tư duy của con người bằng cách đưa ra những sự chỉ dẫn thích hợp. Mục đích của tôn giáo là nhằm giúp cho con người tu tập, rèn luyện tâm thức anh ta để mà anh ta có thể phát huy sự hiểu biết và hành động theo tinh thần trách nhiệm luân lý đạo đức. Con người làm thiện, làm việc có lợi ích bởi vì anh ta “biết” rằng đó là việc đúng, việc tốt phải làm, chứ không phải là vì anh ta muốn tránh sự trừng phạt hoặc là muốn nhận được sự tưởng thưởng. Tôn giáo là một sự trợ giúp để phát triển cá nhân thăng hoa trong cuộc sống.

Tại sao chúng ta không nên lệ thuộc vào bất kỳ một người nào khác? Nếu chúng ta ngưng làm những điều ác, nhiều điều đồi bại, đê tiện, ích kỷ, không

suy nghĩ những điều ác, điều xấu, ích kỷ sợ rằng có một ai đó trừng phạt chúng ta, thì chúng ta sẽ không bao giờ tạo ra một cơ hội cho tâm của chúng ta tu tập sự hiểu biết, lòng từ bi. Con người đôi khi còn làm những nghiệp thiện hoặc là phục vụ cho những người khác để mong đợi một sự tưởng thưởng lớn lao. Nếu đây là động cơ, thì họ sẽ không phát triển sự cảm thông, sự hiểu biết theo ý nghĩa chân xác của ngôn từ. Họ trở nên ích kỷ tránh làm những ác nghiệp nhằm mục đích trốn thoát sự trừng phạt hoặc là hành thiện nghiệp để được thưởng. Đây là một thái độ ích kỷ. Đức Phật không tán thành hành động này. Nếu thiên đường và địa ngục đều được đóng cửa lại, thì có biết bao nhiêu người sẽ sống với đạo? Tuy nhiên, Phật giáo khích lệ những hành vi luân lý mà không đề cập đến thiên đường hay địa ngục. Đây là tính nhất quán trong giáo lý của Đức Phật.

---o0o---

Một Tôn Giáo Tự Do Và Lý Trí

Mục đích chính của tôn giáo không phải là để đảm bảo được trốn thoát khỏi sự trừng phạt hoặc là nhận được sự tưởng thưởng mà là để giúp đỡ con người ta trở nên hoàn thiện hơn và để chấm dứt những khổ đau về vật lý cũng như tinh thần và giải thoát khỏi những khổ đau, biến hoại.

Đức Phật còn muốn tu tập nhân bản theo một số giới luật mang đầy bản chất luân lý, đạo đức nhất định, nhằm để trau dồi nhân cách con người. Điều này có thể đạt được mà không cần phải viện đến những sự cảm dỗ do những lời hứa hẹn của thiên đường hoặc là sự đe dọa lửa nơi địa ngục cung cấp. Đó là lý do giải thích tại sao tôn giáo này được xem như là một tôn giáo tự do và lý trí. Đức Phật khuyến khích chúng ta hãy học tập với một tâm hồn cởi mở để khảo sát và tìm hiểu thế giới. Chúng ta không nên lập tức chấp nhận những gì chỉ là tín ngưỡng hay niềm tin. Đức Phật dạy: *“Không nên chấp nhận bất cứ điều gì chỉ là niềm tin bởi vì nó sẽ tạo ra cho chúng ta khó khăn trong việc tìm hiểu sự thật, và bởi vì niềm tin đó có thể khiến cho bạn trở thành một tín đồ mù quáng”*.

Loại niềm tin mù quáng này có thể đưa đến sự cuồng tín tôn giáo. Con người phản ứng theo bản năng tình cảm đối với thẩm quyền tôn giáo hơn là quyết định một cách có lý trí liệu điều đó đúng hay sai bởi vì họ chưa biết được tri thức phân tích trong tâm họ để hiểu tại sao họ nên giữ gìn một số việc hành trì giới luật nhất định và tại sao họ nên tránh xa những hành động phi luân lý.

Chẳng hạn, khi một đứa trẻ không hiểu sự vật một cách đúng đắn, người mẹ hay cha đe dọa nó. Nếu nó quá nghịch ngợm, thì bố mẹ thậm chí có thể đánh đòn nó và nhắc nhở nó không nên làm sai trái nữa. Bởi vì sợ như thế, đứa trẻ có thể ngưng không làm những hành động nghịch ngợm nhưng nó không được giúp đỡ để nhận ra được rằng tại sao điều đó là sai và đâu là cái sai. Điều đó chỉ tạo ra cảm giác sợ bị phạt mà thôi. Lại nữa, khi bố mẹ yêu cầu đứa trẻ làm một điều gì đó và nếu nó từ chối, thì lúc đó bố mẹ sẽ mua chuộc nó bằng lời hứa hẹn sẽ thưởng cho nó. Đứa trẻ có thể làm điều đó, nhưng lại không hiểu tại sao. Sẽ rất dễ dàng cho đứa trẻ trở lại làm những hành động hay suy nghĩ sai mà không có một sự hiểu biết. Tương tự như vậy, chúng ta không nên truyền bá tôn giáo thông qua sự thưởng phạt mà không cho phép con người có được sự hiểu biết đúng đắn. Nếu chúng ta cố gắng truyền bá tôn giáo thông qua sự thưởng phạt, thì con người sẽ không hiểu giá trị chân thật và mục đích chính của tôn giáo. Đó là lý do tại sao trong Phật giáo không có sự đe dọa của sự trừng phạt tôn giáo. Trách nhiệm của tôn giáo là phải hướng dẫn, giáo dục và giác ngộ nhân loại. Trừng phạt là trách nhiệm của pháp luật của quốc gia. Tôn giáo không nên đảm trách vai trò của pháp luật nhằm trừng phạt con người. Nếu không, sẽ xuất hiện sự sợ hãi mà không có một sự hiểu biết đúng đắn. Đây là bản chất của giáo lý Đức Phật và tại sao chúng ta xem Ngài như là một nhà tư tưởng tự do.

---o0o---

Tự Do Tôn Giáo

Vào thời Đức Phật, có một nhóm người trẻ tuổi không thể hiểu cách để chọn lựa một tôn giáo một cách tự do bởi vì vào lúc đó, có hơn 62 nhóm ngoại đạo tại Ấn Độ. Do vậy, họ đến Đức Phật và bạch Đức Phật về vấn đề khó xử của họ. Họ nói rằng họ không biết cách để chọn lựa cho mình một tôn giáo thích hợp. Đức Phật không nói rằng Phật giáo là tôn giáo chân thật duy nhất và những tôn giáo khác đều là sai. Sau đó, Ngài đưa ra những sự chỉ dẫn cho những thanh niên trẻ tuổi này, khuyên họ nên suy nghĩ một cách tự do mà không lệ thuộc vào uy quyền của những bậc đạo sư hoặc là những vị lãnh đạo tôn giáo. Lời khuyên này là một phương diện vô cùng quan trọng trong giáo lý Đức Phật. Giới trí thức trên khắp thế giới đánh giá cao thái độ của Đức Phật bởi vì lời khuyên phóng khoáng, tự do mà Đức Phật đã giúp cho họ suy nghĩ một cách tự do. Đức Phật không tuyên bố rằng Ngài là đạo sư chân chánh, thật sự duy nhất và nếu một ai đó đến với Ngài và sùng bái Ngài và cầu nguyện Ngài, thì người đó sẽ được cứu rỗi, tội lỗi của người đó sẽ được tha thứ và anh ta sẽ đạt đến thiên đàng hay là chôn Niết-bàn sau khi

chết đi. Ngài cũng không bao giờ đề nghị rằng chúng ta nên xem thường những bậc đạo sư của các tôn giáo khác. Ngài dạy chúng ta nên “tôn trọng những ai xứng đáng được tôn trọng”.

Có một số người tin rằng nếu họ sùng bái hoặc là kính trọng bậc thầy của tôn giáo khác, thì họ phạm phải tội lỗi. Điều này bởi vì có một số nhà lãnh đạo tôn giáo nhắc nhở rằng nếu tín đồ của họ bước sang một nơi thờ phụng khác, hoặc là đọc một vài kinh sách của một số tôn giáo khác hoặc là nếu lắng nghe thời thuyết pháp của tôn giáo khác, thì họ sẽ phạm phải một tội lỗi và sẽ bị trừng phạt ở địa ngục. Họ muốn chứng tỏ rằng họ là có ác cảm với những tôn giáo khác. Chính điều này tạo ra sự sợ hãi và khiến cho con người vô minh. Phật giáo không khích lệ thái độ không khoan dung này. Lại nữa, Đức Phật dạy: “Hãy chấp nhận chân lý bất cứ khi nào chân lý ấy có giá trị. Hãy ủng hộ tất cả mọi người không phân biệt tôn giáo của họ”.

Bịt mắt và dẫn dắt những con người vô tội đi vào con đường tội lỗi, sai lầm là một việc làm sai trái. Bằng cách tạo ra những sự phân biệt để mà họ có thể truyền bá những ý tưởng không mấy lành mạnh dựa trên danh nghĩa tôn giáo. Bởi vì như thế này cho nên nhiều người xem tôn giáo như là một mối phiền lòng. Thiện chí, hòa hợp thống nhất, hài hòa và những mối quan hệ giữa nhân loại bị hủy diệt do vì những thái độ thù địch như thế. Đôi khi, những thành viên của cùng một gia đình bị phân chia thành những nhóm khác nhau thông qua sự ảnh hưởng của một thái độ tôn giáo như thế.

Người Phật tử không bao giờ được khích lệ nuôi dưỡng những thái độ thù địch như thế để mà truyền bá bức thông điệp của mình trên 2500 năm qua. Đó là lý do tại sao người Phật tử không tổ chức những phương pháp vấn đáp nhằm mục đích giáo hóa tín đồ của những tôn giáo khác theo Phật giáo. Người con Phật không nghĩ rằng giáo hóa người khác vào đạo mình là một việc làm vô cùng quan trọng mà họ nghĩ rằng tín đồ của những tôn giáo khác cũng là những người tạo ra tội lỗi. Đức Phật không bao giờ đưa ra một phương pháp như thế để lăm lẽ rửa tội người khác hoặc là tha thứ những tội lỗi mà họ đã phạm phải.

Khi bạn so sánh tự do tôn giáo với tự do trong những lĩnh vực khác chẳng hạn, bạn có thể đánh giá cao sự tự do mà bạn kinh qua từ lúc chào đời cho đến lúc tạm biệt cuộc đời này để đi đến nấm mộ. Trong Phật giáo không có quy luật, luật lệ tôn giáo yêu cầu những hình thức hôn nhân gia đình phải được thực thi theo những tiếng gọi của tôn giáo bởi vì người Phật tử không tin rằng sự ly hôn là không thể xảy ra chỉ vì nó được ghi nhận trên thiên

đường. Nếu một cuộc hôn nhân được ghi lại trên thiên đường, thì nó cũng có thể hủy bỏ được bằng cách yêu cầu sự ghi nhận đó phải được xóa bỏ. Liệu điều đó có thể là sự tự do thực sự chăng?

Chúng ta phải chấp nhận những trách nhiệm và bổn phận được dạy trong tôn giáo không phải như là một quy luật mà là một sự tự do chọn lựa. Chúng ta phải hành động theo niềm tin của chính mình và theo lối sống của chúng ta. Chúng ta không nên chấp nhận một cách mù quáng một số luật lệ tôn giáo nhất định đã được một số nhà lãnh đạo tôn giáo có thẩm quyền làm sẵn. Chúng ta không nên chấp nhận tôn giáo bởi vì lý do sợ hãi mà hãy chấp nhận tôn giáo với một tâm hồn cởi mở để biết cách tận dụng cuộc đời nhằm phục vụ những người khác và hiểu được ý nghĩa của sự hiện hữu của chúng ta trên cõi đời này.

Hiện nay trên khắp mọi nơi trên thế giới, con người đang tranh đấu với nhau với mục đích truyền bá tín ngưỡng tôn giáo của mình. Họ đang tranh đấu, ganh tỵ lẫn nhau và gây ra sự thù hận tôn giáo đối với những tôn giáo đang hiện hữu. Có những dân tộc đã thực hành tôn giáo của họ như là một phần sự thừa hưởng nền văn hóa của họ hoặc là một triết lý sống hơn 1000 năm hoặc 3000 năm. Di sản phong phú, nền triết học đa dạng, tâm lý phong phú, đời sống đáng kính trọng và vô hại, luân lý và đạo đức đã giúp cho họ sống một cuộc đời thánh thiện. Song, có một vài nhóm tôn giáo khác tìm cách cô buộc họ phải chấp nhận niềm tin tôn giáo của họ bằng cách hứa hẹn sẽ đưa những người này lên thiên đường dường như thể là họ đã được ban cho độc quyền để độc chiếm thiên đường. Họ cố tìm cách khuyến dụ những người khác rằng chỉ nhờ vào tôn giáo của họ, con người mới có thể được cứu rỗi lên thiên đường.

Theo Phật giáo, tín đồ của bất kỳ một tôn giáo nào hay là thậm chí những ai không mang trong mình một nhãn hiệu tôn giáo riêng biệt nào cũng có thể lên thiên đường. Họ có thể làm được điều này nếu họ tu tập trau dồi những phẩm chất con người của họ và nếu họ không lạm dụng nhân phẩm của họ và duy trì chân giá trị con người và trí khôn của con người.

Theo một số nhà lãnh đạo tôn giáo, một người sống đời sống vô hại, không thể lên thiên đường mà trước tiên không chấp nhận thần linh, thượng đế của họ. Nhưng một tên trộm cướp, đã phạm pháp, gây ra mối hiểm nguy cho những con người vô tội bằng cách phạm phải tất cả những hành động xấu xa, tội lỗi cũng có thể có được cơ hội để lên thiên đường bởi vì anh ta đơn giản chỉ nói một niệm trước lúc mạng chung rằng: “Tôi tin vào thiên

đường”. Họ nói rằng nếu bạn tôn thờ tôn giáo của họ, thượng đế sẽ tha thứ tất cả những tội lỗi mà bạn đã phạm phải và ngay lập tức bạn được họ đưa lên thiên đường. Tên tội phạm này đã có được cơ hội để được lên thiên đường sau khi xâm phạm đến cuộc sống an lạc và hạnh phúc của những con người vô tội. Theo họ, thượng đế có thể cứu rỗi tên tội phạm nhưng không có sự cảm thông đối với những ai đã trở thành nạn nhân của tên tội phạm này.

Nếu thượng đế có thể cứu rỗi kẻ phạm tội sau khi đã phạm phải những hành động độc ác, tội lỗi và hãm hại những người khác, thì tại sao thật khó khăn cho anh ta ngưng làm những hành động tội lỗi này? Người con Phật tin rằng dù đó là một người mang khác nhãn hiệu tôn giáo hoặc là thậm chí nếu họ cho rằng họ không tôn thờ một tôn giáo nào, nếu họ thánh thiện, người có văn hóa, được tu tập và nếu họ không làm hại những người khác, có đức tính thanh nhã, độ lượng thì họ được xem như là những con người xứng đáng được tôn kính và trân trọng theo quan điểm Phật giáo.

Vấn đề lớn nhất mà chúng ta đang phải đương đầu hiện nay là chúng ta có quá nhiều truyền thống và phong tục tập quán do ông bà tổ tiên của chúng ta để lại, trong khi đó những điều này chỉ phù hợp với lối suy nghĩ của họ vào thời điểm đó. Họ có những triển vọng của riêng bản thân mình. Trong quá khứ, khoa học và kỹ thuật và kiến thức về thế giới, về đời sống và nhân sinh vũ trụ vô cùng nghèo nàn lạc hậu. Sợ hãi và vô minh làm động cơ cho họ để mà họ bắt đầu hình thành nên nhiều loại lễ nghi, nghi thức và nhiều buổi tế lễ đa dạng. Sau này, những hình thức lễ nghi, tế lễ này trở thành những phong tục truyền thống. Những truyền thống này sau đó được công thức hóa thành nhiều nền văn hóa khác nhau. Là những người con Phật, chúng ta có thể chấp nhận những hình thức này như là một bộ phận của những nét văn hóa khác nhau của chúng ta. Nhưng chúng ta không nên cảm thấy rằng chúng ta buộc phải chấp nhận và thực hành theo tất cả những truyền thống, phong tục này. Chúng ta tôn trọng văn hóa và truyền thống, song đồng thời nên cố tìm ra liệu những nét văn hóa truyền thống này mang ý nghĩa đặc trưng gì không hoặc là liệu chúng có lợi ích cho bản thân chúng ta và cho những người khác hay không. Nếu những truyền thống này có lợi ích cho cả hai, thì lúc đó chúng ta nên chấp nhận chúng. Nếu không, chúng ta nên cảm thấy rằng mình có quyền tự do không chấp nhận chúng và chọn lấy những phương cách mới thích hợp với lối sống hiện đại của chúng ta.

Cách Chọn Lựa Một Tôn Giáo

Khi chọn lựa một tôn giáo, chúng ta nên tránh những gì mang tính chất truyền thuyết hoặc là nghe nói suông. Người ta đến và nói với chúng ta về tất cả những mẩu chuyện thú vị hấp dẫn về những đấng quyền năng siêu nhiên, về bậc đạo sư của họ, bậc thầy, những nghi thức hành trì tôn giáo, nam thần và nữ thần v.v.... Họ cường điệu và nhân cách hóa những sự kiện hoặc những mẩu chuyện và đến và bảo chúng ta chấp nhận niềm tin của họ. Lời khuyên của Đức Phật là không nên chấp nhận những gì họ nói mà không xem xét chúng một cách thận trọng. Chúng ta có lý trí của một con người bình thường để suy nghĩ nhưng bởi vì những nhược điểm của mình, chúng ta không tạo ra cơ hội để cho lý trí đó suy nghĩ mà không mang thành kiến, thiên vị. Đức Phật khuyên chúng ta không nên chấp nhận bất cứ điều gì mà không cân nhắc kỹ lưỡng mỗi lời tranh luận. Nếu chúng ta không cân nhắc kỹ lưỡng thì sớm muộn gì chúng ta cũng sẽ biết rằng những gì chúng ta chấp nhận một cách vội vàng là không đúng.

Chúng ta không nên phụ thuộc vào bất kỳ một bộ thánh điển nào mà không nghiên cứu nó một cách chính xác. Một số người cho rằng thánh điển của tôn giáo họ là đúng và của những người khác tôn giáo là sai. Họ cũng nói rằng đó là một bức thông điệp từ thiên đường, được ghi nhận bởi thẩm quyền tôn giáo họ và chúng ta phải chấp nhận nó mà không cần phải chất vấn, kiểm nghiệm. Lời khuyên của Đức Phật là không nên chấp nhận bất cứ điều gì được ghi lại trong những bộ thánh điển mà không xem xét chúng cẩn thận. Bạn có thể tìm thấy một bậc đạo sư nào khác đã tuyên thuyết những ngôn từ như thế không? Ngài đã tôn trọng khả năng lý trí của con người. Ngài đã tạo cho ta biết bao tự do để theo đuổi một tôn giáo!

Theo quan điểm Phật giáo, người ta có thể ghi lại bất cứ điều gì trong kinh sách của họ và sau này giới thiệu những lời ghi lại ấy như là những bộ thánh điển với những bức thông điệp từ thiên đường. Con người chấp nhận những ghi nhận ấy mà không cần chất vấn. Những nhà lãnh đạo tôn giáo dùng quyền uy của họ để kiểm soát, điều khiển con người như thể họ là những đứa trẻ con. Họ đưa ra những quan điểm tôn giáo được làm sẵn của họ. Do vậy, họ truyền trao những quan niệm điểm của mình cho những người khác và buộc họ phải chấp nhận và tin theo. Do đó, con người ta không có được cơ hội để sử dụng ý thức thông thường hoặc là khả năng lý trí của họ để hiểu sự vật một cách chính xác.

Lời khuyên tiếp theo của Đức Phật là không nên chấp nhận bất cứ điều gì thông qua duy suy luận. Mặc dù chúng ta khuyên người ta không nên chấp nhận điều gì mà không có lý trí, Đức Phật nói rằng chúng ta không nên sử dụng duy lý trí. Sự suy luận của chúng ta rất là hạn chế. Ngay cả trẻ con cũng có thể suy luận theo cách suy nghĩ riêng của chúng. Chúng ta cũng có thể suy luận những vấn đề nhất định nào đó trong khả năng tư duy của chúng ta. Khi chúng ta so sánh sự suy luận của chúng ta với sự suy luận của những tư tưởng gia vĩ đại hoặc là của những khoa học gia, thì lúc đó dưới cặp mắt của những nhà trí thức uyên thâm này, sự suy luận của chúng ta không chính xác.

Khi chúng ta so sánh sự suy luận của những bậc trí thức uyên thâm này với cách suy luận của những bậc đạo sư đã giác ngộ thì chúng ta có thể hiểu rằng sự suy luận của những bậc trí thức này cũng không hoàn hảo.

Đó là lý do tại sao Đức Phật nói rằng: *“Hãy chấp nhận chân lý nằm trong khả năng của bạn chứ không nên lập tức cho rằng đó là chân lý tuyệt đối”*. Hãy để cho tâm thức bạn suy luận một cách tự do. Hãy tạo điều kiện cho tâm thức phát triển, tăng trưởng. Không nên khép cửa tâm thức ngay lập tức. Những gì bạn đã chấp nhận sau này có thể thay đổi theo những kinh nghiệm và sự hiểu biết chín chắn và đúng đắn, chính xác.

Lời khuyên tiếp theo là không nên chấp nhận điều gì thông qua sự tranh luận mang tính lôgic. Sự tranh luận phụ thuộc vào khả năng, kiến thức, kỹ năng và thái độ tài năng chứ không phụ thuộc vào sự kiện và chân lý. Sự tranh luận có thể làm phát sinh tình cảm và tự ngã.

---o0o---

Ba Đặc Tính

Mục tiêu chính yếu của tôn giáo là chú trọng nhiều hơn đến lĩnh vực tu tập một đời sống thánh thiện, một đời sống giới hạnh, luân lý đạo đức và nhằm duy trì sự hòa bình, an lạc, hạnh phúc và sự tự tin trong tâm và nhằm đẩy mạnh sự tự do giải thoát khỏi trạng thái tâm lý sợ hãi, lo lắng, sân hận, thù địch và vô minh hơn là dồn hết thời gian vào việc sùng bái, cầu nguyện và thực thi những hình thức lễ nghi tôn giáo.

Nhân loại có ba bản chất: thú tính, nhân tính và thiên tính hay tính siêu phàm. Tôn giáo đóng vai trò rất quan trọng trong việc đè nén hoặc kiểm soát thú tính trong con người. Chúng ta không thể đạt được an lạc hạnh phúc

bằng cách chỉ cầu nguyện suông. Nếu con người cũng sống để mà ăn, để tìm sự che chở, bảo vệ và để sinh đẻ, thì lúc đó sẽ không có sự khác biệt giữa thú vật và con người.

Tuy nhiên, con người khác với thú vật ở chỗ là con người có thể được hướng dẫn phát triển tâm cao thượng. Tôn giáo là một nhân tố hùng mạnh giúp anh ta hoàn thành nhiệm vụ này.

Có một đặc tính phi thường trong tâm thức con người được gọi là Pháp. Pháp được căn cứ trên cơ sở những phẩm chất con người của chúng ta. Làm người, chúng ta phải tu tập, trau dồi tâm quý. Sợ hãi về tội lỗi, điều xấu xa, tàn bạo và những việc làm nguy hiểm sẽ phạm phải. Mặc khác, làm người chúng ta nghĩ rằng chúng ta thật hổ thẹn khi làm những điều ác, trái với lương tâm, làm những việc phi luân lý đạo đức. Nhằm duy trì chân giá trị con người, đảm bảo khả năng lý trí của con người, chúng ta phải tu tập tâm và quý.

Trên thế giới hiện nay có rất nhiều tôn giáo và rất nhiều nơi cầu nguyện, cúng tế. Tại phương Đông, nhà thờ, thánh đường, đền đài, chùa chiền và nhiều nơi cúng tế, cầu nguyện khác đông chật người. Họ cho rằng tôn giáo đang phát triển tốt. Khắp mọi nơi đâu chúng ta cũng nhìn thấy người, cầu nguyện, cúng bái, đốt hương và vàng bạc, giấy tờ v.v... nhưng thực sự có bao nhiêu người trong số những người cầu nguyện ấy duy trì một sự tâm quý trong tâm họ? Nếu những phẩm chất tự nhiên và cao quý này vắng mặt, thì thực sự có một tôn giáo chân thật không? Nhiều người trong số họ tuyên bố tôn giáo của họ một cách to tác nhưng thực sự thiếu đi những phẩm chất của con người, để lại những tình trạng thảm thương cho tôn giáo.

---o0o---

TÔN GIÁO TRONG THỜI ĐẠI KHOA HỌC

Hiện nay, chúng ta đang sống trong thời đại khoa học và ở đó hầu như tất cả mọi mặt của cuộc sống chúng ta bị ảnh hưởng bởi khoa học. Kể từ cuộc cách mạng khoa học bùng nổ vào thế kỷ 17, khoa học đã tiếp tục bị ảnh hưởng rất nhiều vào những gì chúng ta nghĩ và chúng ta làm.

Sự ảnh hưởng của khoa học đặc biệt rất mạnh mẽ trong các niềm tin tôn giáo truyền thống. Rất nhiều khái niệm cơ bản của tôn giáo bị sụp đổ dưới áp lực

của khoa học hiện đại và không còn được giới trí thức chấp nhận nữa. Nó không còn có thể khẳng định chân lý bất nguồn chỉ thông qua những sự suy đoán mang tính chất thần học hay căn cứ hoàn toàn vào quyền lực của kinh điển trong sự tách biệt với những xem xét của khoa học. Chẳng hạn như, những khám phá của các nhà tâm tâm lý học hiện đại chỉ ra rằng, đầu óc con người (tâm cũng giống như thể xác (sắc) hoạt động theo quy luật thông thường và tự nhiên mà không có sự hiện hữu của một cái ngã hay linh hồn trường tồn bất biến như một số tôn giáo đã chủ trương. Một số nhà lãnh đạo tôn giáo rất coi thường những phát minh của khoa học chống đối đi ngược lại với những niềm tin giáo lý, mang tính chất giáo điều của tôn giáo họ. Những thói quen về mặt tinh thần cứng rắn như vậy thực sự là một sự cản trở cho sự phát triển nhân loại. Bởi vì con người hiện đại không tin những gì mập mờ, mù quáng cho dù điều đó đã được chấp nhận do truyền thống, những nhà lãnh đạo tôn giáo như thế chỉ thành công trong hàng ngũ những người không tin vào tín ngưỡng bằng những học thuyết sai lầm của họ. Mặt khác, một vài nhà lãnh đạo tôn giáo thấy rằng rất cần thiết để điều chỉnh những học thuyết khoa học được chấp nhận rộng rãi bằng cách đưa ra những giải thích mới cho niềm tin của họ. Điển hình cho trường hợp này là học thuyết tiến hóa của Đacuyn (Darwin's Theory of Evolution). Nhiều tôn giáo cho rằng loài người được tạo ra trực tiếp bởi Thượng đế. Tuy nhiên, Đacuyn cho rằng loài người đã tiến hóa từ loài vượn người (khỉ không đuôi). Đây là một học thuyết làm giảm niềm tin vào học thuyết thiêng liêng của sự tạo hóa. Bởi vì tất cả tư tưởng gia sáng suốt đã chấp nhận học thuyết của Đacuyn, cho nên các nhà thần học không có sự lựa chọn nào hơn ngoại trừ đưa ra một sự lý giải mới cho học thuyết của họ, nhằm thích ứng với học thuyết này vốn dĩ họ đã phản bác trước đây.

Dưới ánh sáng của những phát minh khoa học hiện đại, sẽ không khó khăn để hiểu rằng rất nhiều quan điểm của các tôn giáo liên quan tin vào sự sống chỉ là những tư tưởng mang tính quy ước mà từ lâu đã được quá nhân nhượng. Tuy nhiên, xét về phương diện tổng quát thì chúng ta có thể nói rằng: các Tôn giáo cũng đã đóng góp rất nhiều cho sự phát triển của nhân loại. Họ đã đưa những giá trị và các tiêu chuẩn, và hình thành những nguyên tắc đạo đức nhằm hướng dẫn con người đến cái Chân-Thiện-Mỹ. Nhưng, cho dù tất cả đều tốt họ đã thi hành, các Tôn giáo có thể không còn tồn tại trong thời đại khoa học hiện đại nếu các tín đồ cứ khẳng định giam cầm chân lý trong các hình thức cứng nhắc và giáo điều. Luôn khuyến khích các hình thức nghi lễ và những hình thức mà đã làm kiệt sức ý nghĩa cơ bản trong giáo lý của họ.

Phật Giáo Và Khoa Học

Mãi cho đến đầu thế kỷ qua, Phật giáo mới không bị giới hạn bởi những quốc gia chưa bao giờ tiếp xúc với nền khoa học hiện đại. Tuy nhiên, ngay từ lúc đầu tiên, những lời dạy của Đức Phật luôn luôn mở ra cho những tư tưởng khoa học. Một lý do tại sao giáo pháp có thể được dễ dàng chấp nhận bởi tinh thần khoa học là Đức Phật không bao giờ khuyến khích niềm tin cứng nhắc giáo điều. Ngài không tuyên bố rằng giáo pháp của ngài dựa hoàn toàn vào niềm tin, tín ngưỡng hoặc là sự mặc khải của đấng thần linh; ngược lại, Ngài cho phép về mặt tự do tư tưởng và sự uyển chuyển tinh thần tùy duyên nhi bất biến.

Nguyên nhân thứ hai là tinh thần khoa học có thể được tìm thấy trong phương pháp của Đức Phật khi đề cập đến chân lý phổ quát. Phương pháp của Đức Phật khi khám phá và kiểm nghiệm tương tự với phương pháp của các khoa học gia này áp dụng. Khoa học gia quan sát thế giới bên ngoài một cách khách quan và sẽ chỉ hình thành nên một học thuyết khoa học sau khi kiểm tra rất nhiều thử nghiệm thành công trong thực tế.

Sử dụng phương pháp tương tự cách đây 25 thế kỷ, Đức Phật quan sát thế giới nội tâm (thế giới bên trong) với tâm lý tham không chấp thủ và khuyến khích chư đệ tử của ngài không nên chấp nhận lời dạy nào cho đến khi họ đã khảo sát kỹ lưỡng và thực chứng bản thân về chân lý thực tại đó. Cũng giống như giới khoa học ngày nay sẽ không tuyên bố rằng kiểm nghiệm của họ không được sao y nguyên bởi những người khác. Đức Phật cũng không tuyên bố rằng những sự tu tập của ngài sẽ đưa đến sự giác ngộ vô thượng, chánh giác là chỉ dành riêng cho Ngài không thôi.

Do đó, trong phương pháp đi tìm chân lý, Đức Phật cũng dùng phương pháp phân tích giống như giới khoa học hiện đại. Ngài đã dùng một phương pháp thực tế khoa học và khả thi nhằm đạt được một chân lý tuyệt đối và kinh nghiệm giác ngộ. Trong khi Phật giáo rất phù hợp với tinh thần khoa học. Chúng ta thừa nhận rằng ứng dụng thực tế của khoa học có thể làm cho nhân loại sống một cuộc sống thoải mái hơn và thưởng thức, hưởng thụ những điều tuyệt vời mà họ chưa từng mơ tới trước đây. Khoa học đã giúp cho con người bơi tốt hơn các loài cá, bay cao hơn các loài chim, và có thể đặt chân lên cung trăng. Nhưng trong lĩnh vực kiến thức có thể chấp nhận theo quy ước, trí tuệ khoa học bị giới hạn trong những bằng chứng dựa vào thực

nghiệm hơn là lý thuyết. Và chân lý khoa học chịu sự thay đổi thường xuyên, không thường hằng bất biến. Khoa học không thể mang lại cho con người cách kiểm chế tâm của anh ta và khoa học không cung cấp cho con người sự kiểm soát về luân lý đạo đức cũng như mục đích của cuộc sống. Dù cho khoa học có tạo ra những điều tuyệt diệu cho nhân loại, nhưng khoa học thực sự bị giới hạn rất nhiều trong các lĩnh vực mà Phật giáo đã đi xa hơn khoa học trong các lĩnh vực đó.

---o0o---

Những Giới Hạn Của Khoa Học

Người ta thường nghe nhiều về khoa học và những gì khoa học có thể làm và những gì khoa học không thể làm. Kiến thức khoa học bị “hạn chế” trong những dữ liệu được thấu nhận thông qua các giác quan. Nó không nhận ra thực tế mà vượt quá những dữ liệu của giác quan. Chân lý khoa học được xây dựng trên cơ sở những sự quan sát logic về những dữ liệu của giác quan luôn luôn thay đổi. Do đó chân lý khoa học là chân lý tương đối không nhắm tới những thử nghiệm của thời gian. Và giới khoa học ý thức được điều này, luôn luôn sẵn sàng thái bỏ học thuyết đó nếu nó có thể được thay thế bằng một học thuyết tốt hơn.

Khoa học luôn nỗ lực tìm hiểu thế giới bên ngoài và chỉ lướt sơ qua thế giới nội tâm của con người. Thậm chí ngành tâm lý đã thực sự không thể hiểu được thấu đáo nguyên nhân cốt nghĩa sự lo âu về mặt tinh thần của con người. Khi con người không được thỏa mãn và nhàm chán cuộc đời và thế giới nội tâm của anh ta tràn đầy những phiền não và những lo âu thì khoa học ngày nay không thể trang bị những biện pháp nhằm giúp anh ta vượt qua. Các ngành khoa học xã hội phục vụ cho môi trường sống, có thể mang lại cho anh ta một mức độ hạnh phúc giới hạn nào đó. Nhưng không giống như loài súc vật con người cần có nhu cầu nhiều hơn chứ không chỉ vào những sự thoải mái về mặt thể xác và những nhu cầu giúp cho anh ta đương đầu với những phiền não và khổ đau, phát sinh từ trong cuộc sống thường nhật của anh ta.

Trong xã hội ngày nay, quá nhiều người gặp phải sự sợ hãi, giao động, trạng thái bất an trong cuộc sống từ vật chất đến tinh thần, nhưng khoa học không thể giúp đỡ họ. Khoa học không thể dạy con người bình thường kiểm chế, kiểm soát tâm của anh ta khi anh ta bị đưa đẩy bởi bản năng của thú vật đang khao khát trong lòng anh ta. Liệu khoa học có thể làm cho con người tốt hơn

chăng? Nếu có thể, thì tại sao những hành động bạo lực và những thói quen phi luân lý đạo đức tồn tại nhiều ở những quốc gia mà khoa học phát triển? Liệu có đúng khi nói rằng cho dù tất cả những tiến bộ mà khoa học đã đạt được và những thuận lợi mang lại dâng hiến cho con người, khoa học để lại bên trong con người về cơ bản thì không có sự đổi thay: Khoa học chỉ làm căng thẳng thêm những cảm xúc của con người về sự độc lập và thiếu thốn? Ngoài ra, khoa học cũng thất bại trong lãnh vực mang lại cho nhân loại cảm giác an toàn, và khoa học cũng đã khiến cho mọi người cảm thấy thậm chí bất an hơn bằng cách đe dọa thế giới bằng những khả năng hủy diệt hoàn toàn.

Khoa học “không thể” cung cấp cho cuộc đời một mục tiêu đầy ý nghĩa. Nó không thể cung cấp cho con người những lý do rõ ràng để sinh tồn. Thực tế, khoa học hoàn toàn mang tính chất thế gian về bản chất và khoa học không quan tâm đến mục đích tinh thần của con người. Chủ nghĩa hư vật chất cổ hữu trong tư tưởng khoa học, từ chối những mục tiêu tinh thần, cao hơn là sự hài lòng thỏa mãn về vật chất. Bằng những học thuyết chọn lựa và chân lý tương đối, khoa học không đếm xỉa, đến một số sự kiện quan trọng nhất và để lại những câu hỏi chưa trả lời được. Chẳng hạn như khi được hỏi : *“Tại sao có sự không cân bằng về mặt thể chất và tinh thần tồn tại giữa con người ?”*. Không có một giải thích khoa học nào có thể đưa ra để lý giải những câu hỏi như thế. Đó là những vượt quá giới hạn chật hẹp của khoa học. Tâm siêu việt của Đức Phật không bị giới hạn ở những dữ liệu và có thể vượt xa hơn logic bị mắc kẹt trong sự giới hạn của nhận thức tương đối. Ngược lại , sự nhận thức của con người dựa trên cơ sở thông tin mà nó thu thập được và tàng chứa trong nó, cho dù ở trong lĩnh vực Tôn giáo, triết học, khoa học hay nghệ thuật, những thông tin cần thiết cho tâm được thu thập thông qua các căn của ta. Những thông tin rất hạn chế làm cho sự hiểu biết của chúng ta bị méo mó đi. Trong cuốn sách “Learned Ignorance”, một học giả người Pháp Nichoras đã quan sát như sau:

“Tất cả những cuốn sách được kheo khoang rùm beng của chúng ta dựa trên cơ sở các giác quan thực sự là sự vô minh tăm tối và kiến thức chân thật chỉ đạt được bằng cách vứt bỏ tất cả những thứ kiến thức đó cho đến khi chúng ta tư duy mà không cần dùng đến những ý tưởng của các giác quan. Chân lý không phụ thuộc vào những vấn đề bên ngoài chúng ta nhưng bên trong chúng ta không thể hy vọng tìm thấy chân lý bằng những thử nghiệm sự nhận thức bằng các giác quan hoặc thậm chí bằng những suy luận và logic. Đây chỉ là những công cụ để đạt được tri kiến chứ không phải là chân lý. Chân lý phải bắt nguồn từ sự nhận thức giác ngộ bên trong (nội tâm. Sách

vở chỉ có thể khơi dậy tư duy và cung cấp cho chúng ta tri thức. Đối với chân lý bạn phải chú tâm vào bên trong tự thân bởi vì chân lý nằm ngay trong chính chúng ta. Do đó việc tìm tòi thu thập tri thức là một chuyện, và việc tìm cầu chân lý là chuyện khác”.

“Ngôn ngữ là sản phẩm xác định của tâm chúng ta và tâm chúng ta tùy thuộc vào tri thức thông qua sự cảm nhận của giác quan. Những giác quan này đôi khi không xác thực. Một sự kiện được nhiều người chứng kiến có thể đưa ra nhiều giải thích khác nhau”.

Một số người rất tự hào, hãnh diện rằng họ biết nhiều điều trong cuộc sống. Trong thực tế, chúng ta biết càng ít thì sự giải thích của chúng ta càng chắc chắn hơn; ngược lại, chúng ta càng biết nhiều thì chúng ta càng nhận thấy sự hạn chế của chúng ta.

Một học giả thông thái có lần viết một cuốn sách hay mà ông cho đó là một tác phẩm tuyệt đối hoàn hảo. Ông cảm thấy rằng cuốn sách đó bao hàm tất cả những tinh hoa của văn học và triết học. Tự hào về thành quả của ông ta, ông ta đưa kiệt tác đó cho một người bạn đồng nghiệp của ông, người cũng thông thái như ông ta, với yêu cầu là cuốn sách đó được xem lại bởi ông ta. Thay vì người bạn của ông yêu cầu tác giả viết ra một mẫu giấy về tất cả những gì ông biết và tất cả những gì ông không biết. Tác giả ngồi trầm tư suy nghĩ, nhưng sau đó một thời gian ông không thể viết ra những gì ông biết. Thế thì sau đó ông đề cập đến câu hỏi thứ hai, và lại một lần nữa anh ta không thể viết ra những gì anh ta không biết. Cuối cùng, với tự ngã của ông ta trong tình trạng khó xử nhất, ông rất hổ thẹn và thực sự nhận ra rằng những gì anh ta biết thì những thứ đó thật sự là vô minh.

Liên quan đến vấn đề này, Socrates, học giả nổi tiếng thành Athen, Hy Lạp cổ đại đã phát biểu như sau khi được hỏi những gì ông biết: “Tôi biết một điều duy nhất là-đó là điều tôi không biết”.

---o0o---

Phật Giáo Vượt Xa Hơn Khoa Học

Phật giáo đi xa hơn khoa học hiện đại trong sự thừa nhận lãnh vực kiến thức rộng hơn được cho phép bởi những nhận thức khoa học. Phật giáo thừa nhận rằng tri thức phát sinh từ các giác quan (các căn) cũng như những kinh nghiệm cá nhân đạt được nhờ vào sự tu tập tâm. Bằng cách huấn luyện và phát triển một trạng thái tâm định cao độ những kinh nghiệm tôn giáo có thể

được liễu tri và xác chứng cho là tự thân. Kinh nghiệm tôn giáo không phải là điều gì mà có thể được thấu hiểu bằng cách kiểm tra các thí nghiệm trong ống kiểm nghiệm hay là được kiểm tra dưới một tấm kính hiển vi.

Chân lý do khoa học phát hiện ra thì mang tính tương đối và chịu quy luật vô thường, trong khi đó chân lý do Đức Phật tìm ra thì tối hậu, tuyệt đối : Chân lý về các Pháp không thay đổi theo thời gian và không gian dù Chư Phật có xuất hiện hay không thì chân lý vẫn là chân lý. Hơn thế nữa, trái lại với học thuyết mang tính lựa chọn của khoa học, Đức Phật khuyên các học thuyết không nên chấp chặt với các học thuyết khác. Thay vì đưa ra các học thuyết, Đức Phật dạy con người làm thế nào để sống một cuộc sống chân chính bằng cách thanh tịnh các căn và đoạn trừ tham ái, chấp thủ, Đức Phật chỉ ra con đường nhờ vào đó mà chúng ta có thể khám phá ra chính chúng ta, bản chất chân thật của cuộc đời. Và mục đích của cuộc đời có thể tìm thấy.

Vấn đề thực hành rất quan trọng trong Đức Phật, một người nếu học nhiều nhưng không thực hành thì giống như một người đọc tụng các công thức từ một cuốn sách dạy nấu ăn không lò mà không sửa soạn được một món ăn nào cả. Sự đói khát của anh ta không thể làm dịu đi được chỉ bằng kiến thức sách vở. Thực hành là một điều kiện tiên quyết của việc giác ngộ mà trong một số trường phái Phật giáo như : Thiên tông xem việc thực hành quan trọng hơn kiến thức kinh điển- “Bất lập văn tự, kiến tánh thành Phật”.

Phương pháp khoa học về mặt bên ngoài và các khoa học hiện đại khai thác thiên nhiên và các yếu tố khác cho những sự thoải mái riêng của họ, và thường làm ngơ đi nhu cầu cần thiết để hài hòa với môi sinh và do đó làm ô nhiễm thế giới. Trái lại, Phật giáo hướng trực tiếp vào bên trong nội tâm và quan tâm đến sự phát triển bên trong nội tâm của con người. Ở mức độ thấp hơn, Phật giáo dạy từng cá nhân cách điều chỉnh và đối phó với những vấn đề và những tình huống trong cuộc sống thường nhật. Ở mức độ cao hơn, Phật giáo khuyến khích cho con người nỗ lực vượt qua tự ngã thông qua việc thực hành tu tập tâm và phát triển tâm. Phật giáo là một hệ thống tu tập tinh thần rất hoàn hảo, liên quan tới việc chứng đắc tuệ quán về bản chất của các pháp chằm đưa đến sự giác ngộ hoàn toàn về chân lý tối hậu-Niết-bàn (Nibbana) - Hệ thống này vừa thực tế vừa khoa học. Nó liên quan đến sự quan sát trong tình trạng ly tham về trạng thái tinh cảm và tinh thần. Một hành giả khi hành thiền, giống một nhà khoa học hơn một viên thẩm phán, quan sát thế giới nội tâm với chánh niệm, tỉnh giác.

Một khoa học không có sự hiện hữu của Tôn giáo không có những ý tưởng luân lý đạo đức, khoa học tạo ra sự nguy hiểm cho tất cả nhân loại. Khoa học đã chế tạo ra các loại máy móc có thể trở thành loại chúa tể, đạn dược và bom là món quà của khoa học cho thiểu số đang nắm quyền lực mà số mệnh của toàn nhân loại trên thế giới phụ thuộc vào họ. Trong khi đó, số người còn lại chờ đợi trong trạng thái thống khổ và sợ hãi không biết khi nào vũ khí hạt nhân, chất khí độc và những loại vũ khí giết người - tất cả những thành quả khoa học được thiết kế để giết một cách có hiệu quả-sẽ sử dụng chúng không những không hoàn toàn cung cấp cho nhân loại những bài học luân lý đạo đức mà nó còn cung cấp thêm nhiên liệu cho sự bùng cháy khát ái của con người .

Khoa học không có những sự thu hút về mặt luân lý đạo đức, chỉ là sự hủy diệt: nó trở thành "một con người tàn bạo" mà loài người khám phá ra. Và rồi thay, chính "con người tàn bạo này đang trở nên rất mạnh bạo và đầy đủ quyền lực hơn con người. Trừ phi con người biết cách kiềm chế và hướng dẫn con người tàn bạo này, thông qua việc thực hành đạo đức luân lý Tôn giáo thì con người tàn bạo này sẽ chống chế được "anh ta". Không có sự hướng dân Tôn giáo, khoa học sẽ đe dọa thế giới bằng sự hủy diệt. Trái lại, khoa học khi kết hợp với tôn giáo chẳng hạn như Phật giáo có thể chuyển hóa thế giới này thành một thiên đàng của sự hoà bình an lạc, an toàn và hạnh phúc.

Chưa bao giờ có một giai đoạn nào khi sự kết hợp giữa khoa học và tôn giáo cực kỳ cần thiết, những lợi ích tốt nhất và phục vụ tốt nhất cho nhân loại. Tôn giáo nếu không có khoa học là tôn giáo mù quáng, mê tín dị đoan, trong khi đó khoa học mà không có tôn giáo thì sẽ trở thành phá hoại.

---o0o---

Lời Tuyên Bố Của Phật Giáo

Trí tuệ được hình thành trên cơ sở lòng từ đóng vai trò quan trọng việc chuyển hướng mục tiêu hiểm nguy mà khoa học hiện đại đang hướng đến. Phật giáo có thể cung cấp vị lãnh tụ tinh thần và phát minh khoa học nhằm thúc đẩy một nền văn hóa tươi sáng hơn trong tương lai. Phật giáo có thể cung cấp mục tiêu có giá trị cho sự tiến bộ của khoa học hiện thời đang đứng trước một bế tắc, vô cùng thất vọng, bị nô lệ bởi những phát minh của khoa học.

Albert Einstein, nhà bác học và nhà vật lý học nổi tiếng của thế kỷ 20 đã tuyên bố về Phật giáo khi ông phát biểu rằng:

“Nếu có một tôn giáo nào mà đương đầu với những nhu cầu của khoa học hiện đại thì tôn giáo đó sẽ là Phật giáo. Phật giáo không yêu cầu sự xét duyệt lại nhằm làm cho nó bắt kịp với những phát minh khoa học, trong thời gian gần đây Phật giáo cũng không cần chia sẻ những quan điểm của mình với khoa học bởi vì Phật giáo bao gồm khoa học đồng thời vượt xa hơn khoa học. Phật giáo là một cầu nối giữa tư tưởng tôn giáo, và khoa học bằng cách khuyến khích con người khám phá ra những khả năng tiềm ẩn bên trong chính anh ta. Vì vậy, Phật giáo là một tôn giáo vượt thời gian”.

---o0o---

TÔN GIÁO VÀ HẠNH PHÚC NHÂN LOẠI

Những lý giải khác nhau

“Tôn giáo” và “hòa bình” là hai thuật ngữ thường được nhiều người định nghĩa và giải thích theo niềm tin tôn giáo và trình độ hiểu biết khác nhau của họ.

Các học giả và các nhà triết học đã nhìn tôn giáo theo nhiều khía cạnh khác nhau. Một số người định nghĩa tôn giáo theo một ý nghĩa rất chặt hẹp và hạn chế, trong khi đó có một số người lại xem nó ở một bình diện rộng hơn.

Từ điển Oxford định nghĩa: *“Tôn giáo là một thống niềm tin và sùng bái (a system of faith and worship), là sự nhận thức của con người về một Thượng đế cá nhân buộc phải tuân theo, và hậu quả của sự nhận thức đó có liên quan đến phẩm hạnh của con người.*

Thomas Paine, một triết gia người Anh đã phát biểu *“Thế giới là đất nước của tôi, nhân loại là anh em của tôi và làm các điều thiện là tôn giáo của tôi”.* Một thái độ như thế đối với tôn giáo rất là cần thiết nhằm mục đích mang lại sự hòa bình và hài hòa cho thế giới mà chúng ta đang sinh tồn. H.G. Wells phát biểu *“Tôn giáo là phần trọng tâm trong nền giáo dục của chúng ta. Nó quyết định những giá trị đạo đức của chúng ta”.* Theo Emmanuel Kant, triết gia nổi tiếng người Đức thì *“Tôn giáo là sự nhận thức của chúng ta về những nguyên lý đạo đức như là những quy luật mà chúng ta không được phạm”.*

Karl Marx, ngược lại, xem tôn giáo như là “thuốc phiện của nhân loại”- khiến cho con người trở nên xa rời với thực tế, nuôi dưỡng một niềm hy vọng ảo tưởng về hạnh phúc trong một kiếp sống sau khi chết sẽ được đền bù cho những hành động tội lỗi đã tạo trong kiếp sống hiện tại. Theo Engel “Tôn giáo chỉ là những phản ảnh không tưởng trong đầu óc của con người về những lực lượng bên ngoài điều khiển cuộc sống bên trong của họ lúc sơ khai”.

---o0o---

Mục Tiêu Là Một

Cho dù những sự dị biệt và những sự giải thích khác nhau, song tất cả các tôn giáo luôn luôn đồng ý rằng hòa bình là nhu cầu cần thiết và tôn giáo đóng vai trò thiết yếu trong việc phát triển sự an lạc, hòa bình cho mỗi cá nhân, gia đình, xã hội, quốc gia và cộng đồng thế giới.

---o0o---

Nhu Cầu Của Nền Giáo Dục Đạo Giáo

Khi thế giới ngày càng tiến sâu vào kỷ nguyên của sự hỗn độn với nhiều thứ vũ khí hạt nhân tinh vi và nguy hiểm và bên cạnh đó còn có hiện tượng thiên tai và sự suy đồi về luân lý đạo đức. Ngày nay nhu cầu cho việc giáo dục đạo giáo rất là quan trọng hơn bao giờ hết. Những lo lắng và bất an do những điều không chắc chắn về tương lai có thể là nguyên nhân gây ra những chứng bệnh căng thẳng trong tâm trí của con người. Những chứng bệnh này có thể được khắc phục bằng một sự hiểu biết đúng đắn về bản chất của tâm-một đề tài vượt xa những hệ thống các trường trung học và đại học trong xã hội ngày nay. Tôn giáo luôn là chìa khóa để duy trì sự an lạc của tâm và mang lại sự khuây khoả về mặt tinh thần trong những lúc khẩn cấp như trong lúc gặp thiên tai hay là những lúc bị ngự trị bởi những giấc ngoại xâm và những sự quấy nhiễu khác.

Nhân loại cần đến tôn giáo như là những con tàu đang cần những bến tàu kiên cố để cập vào. Tâm con người luôn luôn khuấy động như con vượn chuyền cây, như con ngựa đang nhảy. Và vì vậy, Tâm này cần phải có những trợ giúp để giữ cho nó được kiên định và vững chắc nhằm giải quyết những vấn đề trong khi đi tìm những ý tưởng cho mình trong cuộc sống. Với sự chấp nhận một số giáo lý nhất định nào đó, người ta có thể trói buộc tâm của họ vào đó. Như một con tàu khi được neo vào một bến cảng cố định nào

đó thì có thể vượt qua những cơn gió mạnh, bão táp, những sự rối loạn về mặt tinh thần trong cuộc đời.

Vì vậy, giáo dục đạo học phục vụ như một công cụ nhằm làm thẳng bằng tâm, phát sự thẳng bằng đó và tránh xa các cực đoan. Nó dẫn dắt con người đi đến sự hiểu biết về chân bản chất của sự sống chết và vũ trụ. Rất cần thiết để cung cấp cho con người sự hiểu biết sâu sắc hơn về cuộc đời, về mặt nội dung đạo đức luân lý, và giúp con người tẩy xoá đi những sự cuồng tín và những quan điểm, mở đường cho sự hoà hợp trong tôn giáo.

---o0o---

Ai Là Người Theo Đạo?

Một người tín ngưỡng tôn giáo có thể được nhận diện bằng tính cách đạo đức, tư tưởng, lời nói và hành động của người ấy. Một con người có tư tưởng thanh tịnh, lời nói thanh tịnh và những hành động thiện là một con người có tín ngưỡng tôn giáo hoàn hảo, theo quan điểm của Phật giáo. Rất khó khăn trong việc xem xét liệu người đó có theo đạo hay không, nếu anh ta chỉ là người thường đi đến những nơi trang nghiêm và cầu nguyện cho chính bản thân, gia đình của anh ta mà không quan tâm đến tha nhân. Những hành động của anh ta xuất phát từ động cơ ích kỷ và tâm hẹp hòi.

Mặt khác, có thể có những người không bao giờ tham dự vào những lễ hội tôn giáo, hoặc là cầu nguyện ở các đền thờ, tuy nhiên, họ vẫn có thể thực hành một số nguyên tắc tôn giáo bằng cách sống một cuộc sống an lạc và cố gắng khắc phục một số nhược điểm của họ và có sự cảm thông, khoan dung và hiểu biết đối với những người khác. Những người như thế được xem như mẫu người hoàn hảo hơn mẫu người đầu tiên.

Một ý tưởng duy nhất đối với những người theo đạo là “sống một cuộc sống đơn giản và khiêm cung. Thông qua đó, họ có thể được giải thoát khỏi những vướng víu vào những mục tiêu vật chất và nhờ vậy họ có thể tận tâm với việc tu tập vì lợi ích của bản thân và tha nhân.

---o0o---

Giá Trị Của Tôn Giáo

Chỉ quan sát những cách thực hành, những hình thức lễ nghi bên ngoài dựa trên danh nghĩa tôn giáo thì khó mà có thể hiểu được giá trị của tôn giáo đặc

trung nào đó, đối với một người dân dã có thể thực hành một số truyền thống vô nghĩa nào đó, song nghĩ đó là chánh đạo. Để hiểu được chân giá trị của tôn giáo, chúng ta cần phải nghiên cứu giáo lý nguyên thủy của vị thầy sáng lập tôn giáo đó bằng cách truy tìm về những nguồn tư liệu gốc càng cổ xưa càng tốt. Chân giá trị của tôn giáo có thể được hiểu trong triển vọng đúng đắn, từ những lời dạy hợp lý và hài hoà có thể mang lại cho chúng ta những lời chỉ dẫn thực tế, liên quan đến việc tự tu sửa bản thân để giúp chúng ta sống theo một lối sống giản dị, khiêm cung và hợp với đạo lý-với sự an lạc và biết đủ ngay chính trong hiện tại.

Sự bày tỏ những sức mạnh, năng lực huyền bí và kỳ diệu, những hứa hẹn được sinh lên thiên đường sau khi chết, những sự thực hành mang tính mê tín dị đoan chỉ là những sự mê hoặc của các tôn giáo, kích thích tâm của đại đa số với những sự rùng mình, sự thích thú về mặt tình cảm và những niềm tin mù quáng. Họ không thanh tịnh hoá những cấu uế của tâm thức, đặc biệt mở đường cho những sự điên rồ mãnh liệt hơn về quyền lực, danh vọng và nhục dục thế gian.

Swami Vivekananda, trong bài diễn thuyết của mình đã nói: “Chỉ có kinh nghiệm là nguồn tri thức duy nhất, những phương pháp tương tự trong việc nghiên cứu mà chúng ta áp dụng trong các lĩnh vực khoa học và những tri thức bên ngoài các lĩnh vực khác, nên được đem vào ứng dụng trong lĩnh vực tôn giáo. Nếu tôn giáo bị huỷ diệt do những khám phá, nghiên cứu như thế, thì điều đó có nghĩa là tôn giáo vô nghĩa, đó chỉ là vô dụng và không có giá trị. Loại tôn giáo này càng biến mất sớm càng tốt. Tại sao các tôn giáo lại cho rằng họ không bị trói buộc để tồn tại do những quan điểm suy diễn, có lẽ không ai biết được điều đó. Nhưng tốt hơn, con người nên trở nên vô thần bằng cách tôn thờ chủ nghĩa lý trí hơn là tin mù quáng vào hai trăm triệu thượng đế, vì quyền lực của bất kỳ ai đó.

Trong khi tránh xa hai cực đoan-niềm tin mù quáng và thái độ cực đoan của tầng lớp trí thức-sự tham vọng tôn giáo nên tìm kiếm chân lý bằng lý trí và trí tuệ hơn là niềm tin mù quáng.

---o0o---

Phương Pháp Hợp Lý Để Giới Thiệu Một Tôn Giáo

Thời đại của chủ nghĩa huyền hoặc và thần bí đang nhanh chóng nhường bước cho tri thức khoa học và sự phát minh khám phá.

Mặc dầu những phương pháp nguyên thủy của sự tương tượng như vậy đã phục vụ như là mục đích để loại bỏ đi một số sự sợ hãi và bất an về một thế lực vô hình nào đó từ trong tâm của những con người thời nguyên thủy thô sơ, song những phương pháp tương tự như vậy không thể áp dụng đối với trường hợp tâm thức con người trong thời hiện đại tân tiến.

Liên quan đến nhu cầu cho một quan điểm hợp lý hơn, cựu Thủ tướng Ấn độ sau này- Shri Jawarharlal Nehru-đã phát biểu rằng chúng ta nên cố gắng tránh ba vấn đề chính khi giới thiệu một tôn giáo. Những vấn đề ấy là: những tạng thánh điển, ý tưởng về Thượng đế và thế giới bên kia hay là kiếp sau. Ngài chỉ ra rằng nếu chúng ta cố gắng giới thiệu tôn giáo bằng cách sử dụng một trong ba vấn đề cơ bản trên thì lúc đó con người sẽ có khuynh hướng nương tựa vào yếu tố đó-chấp nhận tôn giáo đó mà không vận dụng khả năng lý trí của mình. Tốt hơn hãy khuyên con người tìm kiếm chân lý thông qua tri thức và kinh nghiệm của mình với một cái tâm hoàn toàn tự do. Đây thực sự là một phương pháp lý tưởng để giới thiệu một tôn giáo bởi vì phương pháp này tránh được những loại thành kiến về tôn giáo, niềm tin mù quáng và sự hiểu biết sai lầm.

Nehru cũng đề cập rằng chúng ta không nên chấp nhận bất cứ điều gì được ghi chép trong các Thánh điển với danh nghĩa là tôn giáo. Ngài cho rằng nguyên lý chính yếu của tôn giáo của ngài là “thiện sinh thiện, ác sinh ác”. Trong tác phẩm “The Discovery of India”, khi đề cao giá trị của phương pháp tiếp cận hợp lý của Phật giáo, Nehru viết: *“Đức Phật có can đảm chỉ ra những sự bất mãn, không hài lòng về các tôn giáo bình dân, mê tín dị đoan, hình thức lễ nghi và đề cao vai trò cúng tế. Ngài cũng không quan tâm đến những quan điểm siêu hình học và thần học, phép thần thông biến hoá, những sự mặc khải và liên quan đến những hiện tượng siêu nhiên. Sự mời gọi của Ngài là hãy dùng lý trí, luận lý và kinh nghiệm; Ngài nhấn mạnh về mặt luân lý đạo đức và đưa ra một trong những phương pháp phân tích-phương pháp phân tích tâm lý vô ngã. Toàn bộ phương pháp giới thiệu tôn giáo của Ngài giống như việc hít một hơi thở của một ngọn gió trong lành từ một ngọn núi sau những luồng khí suy đoán siêu hình học”*.

Nehru còn nói tiếp rằng đức Phật đã dạy những điều vĩ đại hơn tất cả các học thuyết và giáo điều và thông điệp vĩnh cửu của Ngài đã làm cho nhân loại xúc động qua các thời đại. Có lẽ trong lịch sử quá khứ không có lúc nào mà thông điệp của Ngài về lòng từ bi và hoà bình lại cần thiết hơn để giải quyết nỗi khổ đau và sự phiền nhiễu của nhân loại như thời đại ngày nay.

Albert Einstein khi nói về tôn giáo của tương lai, phát biểu rằng:

“Nếu có một tôn giáo nào đương đầu được với những nhu cầu của khoa học hiện đại thì đó là Phật giáo. Phật giáo không cần xét lại những quan điểm của mình để cập nhật hóa với những khám phá mới của khoa học. Phật giáo không cần từ bỏ quan điểm của mình để theo khoa học vì Phật giáo bao gồm cả khoa học và đi trước khoa học.

Và ông tiếp: *“Tôn giáo của tương lai sẽ là một tôn giáo hoàn vũ. Tôn giáo ấy vượt xa một Thượng đế cá nhân, tránh xa những giáo điều và thần học, bao gồm cả thiên nhiên, vật lý và tâm linh. Tôn giáo ấy phải được căn cứ vào một ý niệm tôn giáo vươn lên từ kinh nghiệm của mọi điều, kinh nghiệm về thiên tự nhiên, vật lý và tâm linh và như là một nhất thể tràn đầy ý nghĩa. Phật giáo đáp ứng tất cả những vấn đề trên”.*

Phương pháp được đức Phật sử dụng là một phương pháp độc nhất vô nhị trong biên niên của lịch sử các tôn giáo. Ngài khuyên chư vị đệ tử Ngài không nên chấp nhận Pháp chỉ vì lý do tôn trọng và kính ngưỡng mà chỉ chấp nhận sau khi đã khảo sát kỹ lưỡng.

Đức Phật khuyên những người đã có nhân duyên đến với Ngài đừng quá vội vàng chấp nhận giáo lý của Ngài và Ngài yêu cầu họ hãy suy nghĩ cẩn thận liệu giáo lý của Ngài có thực sự hấp dẫn và thiết thực đối với họ không.

Nếu họ hoàn toàn tin tưởng vào phương pháp của Ngài, thì chỉ sau đó Ngài mới chấp nhận họ làm đệ tử của Ngài. Thậm chí sau khi trở thành đệ tử của Ngài, Ngài không ngăn cản họ hỗ trợ Bậc đạo sư của họ trước kia. Điều này cho thấy rõ ràng mức độ tự do tư tưởng mà Ngài đã cho phép chư vị đệ tử Ngài, mà không có một sự ghanh tỵ, hiểm giận nào. Nó cũng chứng minh thái độ hài hòa, hoà nhã với các tôn giáo khác.

T.H. Huxley đã nhận xét về Phật giáo: *“Một hệ thống không thừa nhận sự hiện hữu của Thượng đế theo nghĩa các tôn giáo phương Tây; từ chối sự hiện hữu của linh hồn con người; một hệ thống coi việc tin vào sự bất tử là một sai lầm, ngốc nghếch; không chấp nhận tính hiệu quả của việc cầu nguyện và dâng hiến súc vật để cúng tế thần linh; Phật giáo là một hệ thống buộc con người tìm kiếm sự giải thoát cho chính mình bằng nỗ lực của cá nhân; một hệ thống mà sự thanh tịnh khởi nguyên của nó không biết gì về những sự thế nguyện phải phục tùng và không bao giờ tìm kiếm sự trợ giúp của một cánh tay thế tục. Phật giáo đã lan truyền nhanh chóng khắp mọi nơi từ thời Trung cổ và đang tiếp tục lan toả ở những nơi chưa có sự hiện hữu*

của Phật giáo; Phật giáo là một hệ thống cho dù những sự trộn lẫn của những tục mê tín dị đoan ép buộc, vẫn là một tín ngưỡng ưu việt của đại đa số phân đông nhân loại”.

Theo sự quan sát của nhà khảo cổ học Alexander Cunningham, “Người con Phật truyền bá tôn giáo của mình bằng tiếng nói thuyết phục của sứ mệnh, nhưng nhiều tôn giáo khác lạ truyền bá bằng thanh gươm không một chút từ bi thương tiếc. Sứ mệnh làm đầm máu của những người của các tôn giáo khác được thắp sáng bằng những ngọn lửa khủng khiếp của những thành phố đang bốc cháy, ngược lại, sự phát triển một cách hoà bình, an lạc của người Phật tử được thắp sáng bằng bộ mặt vui vẻ của những bệnh nhân đang nằm trong các bệnh viện của các Tu viện Phật giáo, bằng những nụ cười hạnh phúc của khách lữ hành đang nghỉ ngơi tại các nhà nghỉ bên đường”.

Theo Hoà thượng J.T.Sunderland, “Trong suốt các thời kỳ lịch sử Phật giáo, đạo Phật đã dạy sự hoà bình cho giới Phật tử một cách hữu hiệu, và mạnh mẽ hơn bất kỳ những tôn giáo lớn khác được thế giới biết đến. Con người của đạo Phật hướng về đời sống tâm linh nhiều hơn, khác với con người của thời đại chỉ hướng về vật chất, và đặt việc xây dựng nhân cách, sự phục vụ, tình thương và hoà bình lên trên danh vọng, sự giàu có vật chất, quyền tối cao và chiến tranh. Đạo Phật đã phát triển một cách rực rỡ trong các thời kỳ lịch sử bởi vì đạo Phật là một tôn giáo duy nhất không có bạo lực và đầm máu”.

---o0o---

Tấm gương của Hoàng đế A dục

Sự kiện xứng đáng được ghi nhận là Hoàng đế A dục là một con người cực kỳ tinh tấn trong sự nghiệp tận tụy với niềm an vui hạnh phúc cho thần dân của mình. Với mục đích này, nhà vua đã cho đào giếng cung cấp nước uống, trồng cây che bóng mát, xây dựng đường xá, công viên cây xanh công cộng và vườn dược thảo dùng để chữa bệnh và nhiều bệnh viện để chữa trị bệnh cho người cũng như súc vật. Để làm thấm nhuần tinh thần chân chính trong thần dân của mình những người mà nhà vua trù mến muốn hoan nghênh như là những đứa con yêu quý của mình, Người ra lệnh cho khắc trên những trụ đá được dựng trên khắp lãnh thổ bức thông điệp cao quý của một cuộc sống chân chánh. Những đại thần và quan lại trong vương triều được chỉ định hướng dẫn và giám sát đời sống văn hoá luân lý. Hội nghị kiệt tập kinh điển lần thứ ba cũng được nhà vua tài trợ. Những phái đoàn truyền giáo mà

nhà vua đã phái đi ở những mảnh đất gần và xa, giúp hình thành những sự giao lưu văn hoá của những nền văn hoá du nhập xa rộng trong lĩnh vực quan hệ và hoà bình quốc tế.

Những hành động của đại đế A đực chứng tỏ rõ ràng rằng nhà vua là một con người mộ đạo sống một cuộc đời tích cực hành thiện. “Những nỗ lực nhằm mang lại lợi lạc cho số đông và thúc giục những sứ giả thực thi nhiệm vụ sứ mệnh” là một trong số những nguyên lý hành động kim chỉ nam của nhà vua. Được thấm nhuần với ý nghĩa thực tế đáng kể và tính năng động, đại đế A đực biểu hiện trong cuộc đời của mình một tinh thần Phật giáo cao độ, hành động thực sự vì lợi lạc cho số đông, vì hạnh phúc cho số đông-một lý tưởng mà chính đức Phật đã dạy cho nhóm 60 vị Thánh đệ tử đầu tiên của Ngài mà chư vị này là những người tạo ra sứ mệnh truyền giáo đầu tiên trong lịch sử nhân loại.

Được cảm hứng từ sự vĩ đại của đại đế A đực, sử gia H.G.Well trong tác phẩm “Đại cương lịch sử” của mình đã tuyên bố rằng *“Trong số 10 nghìn tên của những vương triều tập hợp lại thành những trang sử nhân loại, thì vẻ uy nghi, lòng nhân từ và sự bình thản và những hạnh phúc trong cuộc sống hoàng gia và những thứ tương tự, tên của A đực vương chiếu sáng, sáng chói một mình như một vì sao trên bầu trời”*.

Với tất cả sự ngợi cảm từ tấm gương của A đực sẵn có ở nơi mình, chúng ta nên nỗ lực thoát ra khỏi cái bóng tối đang bao phủ thế giới ngày nay.

---o0o---

Tôn giáo và chủ nghĩa vật chất

Hầu hết những đám mây đen tối, những phiền nhiễu và những vấn đề toàn cầu có thể được truy nguyên về sự suy sụp của tôn giáo và sự phát triển của nghĩa vật chất. Lịch sử nhân loại chỉ ra sự suy tàn của các quốc gia và những nền văn minh tàn lụi cùng với sự suy vi của tôn giáo. Sử gia Edward Gibbons trong tác phẩm “The History of the Rise and and the Fall of the Roman Empire” đã đưa ra lý do giải thích sự đổ vỡ của tôn giáo thành vô số những hình thức là một trong những nguyên nhân góp phần cho sự suy giảm và xuống cấp của chế độ La Mã, và có thể đó cũng là trường hợp đối với nền văn minh hiện đại của chúng ta.

Nhận ra những sự hiểm nguy sắp xảy ra, có lẽ con người của thời nay cần phải hợp tác với nhau để kiểm soát và tránh những nguyên nhân có thể làm tăng thêm sự suy giảm và đổ vỡ của tôn giáo.

Trong khi sự hài hoà tôn giáo thông qua những sự cạnh tranh không lành mạnh để được thu hút tín đồ, sự cuồng tín và “những cuộc thánh chiến” vẫn tiếp tục làm hại đến những triển vọng hoà bình của tôn giáo, giáo điều và tín ngưỡng mê tín dị đoan huỷ hoại giá trị pháp lý của tôn giáo dưới ánh sáng không ngừng phát triển của tri thức và khám phá khoa học. Những điều này luôn khiến cho sự phát triển của chủ nghĩa vật chất ngày càng lên cao-mang lại sự huỷ hoại những giá trị luân lý đạo đức ngày càng tăng trong xã hội loài người.

---o0o---

Sự Tiến Bộ Vật Chất

Sự theo đuổi điên rồ về những thú vui thể tục, quyền lực và tài sản đã đưa đến tất cả những hình thức suy giảm về mặt luân lý đạo đức, sự phân biệt và thành kiến, thậm chí đến mức độ để biện hộ cho sự huỷ diệt toàn bộ nhân loại. Một trong số những cái mệnh danh là thú vui giải trí hiện đại đã trình diễn một cách quá đáng đến mức mà chúng khơi gợi những bản năng thú tính và những tình cảm, ham muốn nhục dục của người xem. Dưới sự ảnh hưởng của những sự say sưa như thế, người xem thường mất đi sự kiểm soát các giác quan của mình và làm những điều ngược lại những ý kiến tốt hơn của mình bằng cách vi phạm niềm an lạc và hạnh phúc của những con người vô tội nhằm phục vụ cho mục đích thoả mãn những đam mê nhục dục của họ. Họ mất đi cách suy nghĩ thông thường của mình và từ chối lắng nghe những người khác cho dù họ nhận ra rằng họ đang huỷ hoại cuộc sống của họ cũng như của những người khác.

Sự khát ái quá đáng của con người cho những sự đam mê một cách quá mức về dục lạc đã tạo ra một xã hội bệnh tật và không có phương hướng đưa đến những hành động phi luân lý, phi đạo đức và tội ác. Đây là một nhục nhã và hổ thẹn của những cảm xúc con người và ý nghĩa cao cả của họ.

Sự say mê đối với quyền lực thế gian đã đưa các quốc gia đi đến chỗ tranh chấp và xung đột vũ trang. Sự phát minh những thứ vũ khí làm chết người có thể huỷ diệt toàn bộ thế giới trong một sát na ngắn ngủi đã được thực hiện và đã phải trả giá bằng nạn đói kém và nghèo khổ lan tràn khắp toàn cầu. Chiến tranh đã được xem như là khuynh hướng thời đại không thể tránh khỏi

và là một lối sống cho dù phải trả giá bằng hàng triệu mạng người vô tội phải bỏ mạng nơi đấu trường.

Những công trình nghiên cứu có tính chất xây dựng và những kế hoạch đã được vạch sẵn nhằm mục đích nâng cao vai trò và giá trị nhân loại cũng được xem như quan trọng thứ yếu hoặc là bị thải bỏ hoàn toàn.

Trí tuệ được truyền trao bởi các vị đạo sư giác ngộ đã trở nên bị lờ đi hoặc không để ý đến. Lời khuyên của các Ngài làm thế nào để sống một cuộc sống an lạc và duy trì một xã hội có luân lý đạo đức có thể phù hợp với đại đa số, đã bị lãng quên.

---o0o---

Sự Thờ Ơ Của Nero Trong Khi Thành Roma Đang Bốc Cháy

Những quốc gia mà sự phát triển về mặt kinh tế đã đạt đến điểm bão hoà trên danh nghĩa tiến bộ vật chất đang phải đương đầu với vô số những vấn đề như sự ô nhiễm môi sinh, khủng hoảng năng lượng, tệ nạn thất nghiệp, sự suy giảm về giá trị luân lý đạo đức và tất cả những vấn đề xã hội như tệ nạn ma tuý, sự rối loạn trầm trọng về mặt tinh thần, nạn ly hôn, tự tử và vô số hình thức bệnh tật khác.

Cho dù tất cả những hiện tượng bi thảm và không lành mạnh này, vẫn còn có nhiều quốc gia được gọi là phát triển trên thế giới đang cố gắng hết sức mình để thi đua phát triển về mặt kinh tế bằng vô số hình thức-ngày càng bất chước các nền văn hoá vật chất nhằm hy vọng cải thiện quê nhà và quốc gia mình thành những cõi thiên đường vật chất. Giống như trường hợp thờ ơ của Nero khi thành Roma đang bốc cháy. Những người như thế đã không học được từ những lỗi lầm mà người khác đã mắc phải.

Con người càng dần thân vào những cuộc đấu tranh quyết liệt để giữ vị trí của mình trong công việc hoặc trong cuộc sống, hoặc vì nhu cầu những thú vui dục lạc, quyền lực, danh vọng, và sự huy hoàng, vinh quang thì họ càng gặp phải sự rối trí và lộn xộn, họ sẽ đóng góp ngày càng nhiều cho sự mâu thuẫn đối với những gì mà thế giới đang hiện có.

Một mặt, người ta sợ chiến tranh, mặt khác, tất cả họ đều sẵn sàng chuẩn bị cho chiến tranh! Họ nói rất nhiều về ao ước để đạt được một nền hoà bình thật sự, song họ vẫn tiếp tục gieo rắc sự khổ đau! Mặc dù thế giới mỗi ngày mỗi trở nên đông đúc chật hẹp, nhưng con người càng cảm thấy cô đơn, lẻ

loi! Họ càng có nhiều thời gian nhàn rỗi thì họ càng trở nên không yên. Mặc dù con người được trang bị với tất cả các loại tri thức để đạt được sự an toàn khi đến mặt trăng, song họ vẫn chưa biết sống như thế nào để có được sự an toàn trên thế giới này. Như thế là những sự hỗn loạn và mâu thuẫn của con người hiện đại đang hiện hữu trong thời đại không gian này. Song những vấn đề này thì không hoàn toàn mới lạ so với nhân loại.

Sự hỗn loạn phát sinh cho đến khi những lậu hoặc, cấu uế của vô minh vẫn còn hiện hữu trong tâm thức của con người thời đại. Cùng với những sự cấu uế trong mặt tâm linh khác, sự vô minh của con người làm cho anh ta không có khả năng thấy và hiểu thấu đáo bản chất chân thật của sự vật hoặc là nhận ra những chân lý tối hậu của cuộc đời.

---o0o---

Cân Bằng Sự Sống

Sự mất cân bằng giữa sự phát triển vật chất và tâm linh là nguyên nhân của sự hỗn loạn thô lỗ và những tình trạng lè mề mà con người thời đại phải đối đầu. Chỉ có sự giàu có vật chất thì không thể mang lại sự an lạc và hạnh phúc cho con người. Khổ đau và thất vọng luôn tiềm thức trong tâm của con người mất đi sự thăng bằng. Vì không thể tìm ra những phương pháp và phương tiện thoả mãn để đáp lại những đau khổ, thất vọng của cuộc đời, cho nên con người phải sử dụng đến tất cả những loại chất ma tuý và chất men như là những biện pháp làm giảm hiện trạng đương thời, khi thất bại đối với chúng thì họ trở nên tự vẫn hoặc là lâm vào tình trạng bất ổn về mặt tinh thần. Những trường hợp ngày càng tăng của sự nghiện ngập, say sưa, cờ bạc, rượu chè và nhiều thứ khác là những triệu chứng của cuộc sống mất đi sự thăng bằng. Khuynh hướng tự xoa dịu, ru ngủ bằng những sự thoả mái về cuộc sống hiện đại mà không hề đếm xỉa gì đến sự tiến bộ về mặt tâm linh đã khiến cho con người rơi vào trạng thái hôn mê và biếng nhác không hoạt động. Để vượt qua trạng thái này, con người cần phải có nghị lực, sức mạnh, khả năng và sự kiên trì bền chí liên quan đến thế giới của niềm tin-được ăn sâu tuyệt đối ở nơi tôn giáo.

---o0o---

Sự hoà bình an lạc thông qua tôn giáo

Sự phát triển như vũ bão của chủ nghĩa vật chất và sự mất thăng bằng trong cuộc sống đã che khuất những tiềm năng mang lại hào bình an lạc của tôn

giáo. Các tôn giáo thế giới hiện nay đã phát triển thành những thể chế có tổ chức đồ sộ, và giáo lý nguyên thủy của các bậc đạo sư sáng lập khả kính hầu như khó mà làm ảnh hưởng đến tín đồ của họ những phẩm chất giản dị, dè dặt, chân thật và vô ngã vị tha.

Để nhận ra chân giá trị của tôn giáo, một sự hiểu biết chính xác, đúng đắn về bức thông điệp nguyên thủy của những bậc đạo sư sáng lập tôn giáo rất là cần thiết. Những giá trị giản đơn về mặt luân lý đạo đức có một khả năng vĩ đại nhất trong việc mang lại sự hoà bình cho nhân loại.

Việc tu tập, kiềm chế những suy nghĩ, tư duy nhằm mang lại sự an lạc và hài hoà cá nhân và sự kiềm chế những hành động của miệng và thân nhằm mang lại hạnh phúc cho tha nhân. Chính thông qua ba nghiệp thân, khẩu và ý này mà tất cả những hành động tội lỗi xấu xa, bất thiện được tạo tác. Ba nghiệp này là “những cánh cửa” của thế giới bên trong-nơi mà tất cả những cuộc xung đột phát sinh. Nếu thế giới nội tâm này được canh giữ một cách khéo léo, cẩn thận bằng hạnh tinh tấn không phóng dật thì những cuộc xung đột tự nhiên sẽ được kiểm soát một cách chặt chẽ.

Thái độ “Hãy tự biết mình” của tôn giáo là nguyên tắc chỉ đạo để đạt được sự hoà bình, an lạc bởi vì “Vương quốc của Thiên đàng nằm bên trong của mỗi cá nhân”. Nếu con người có thể tuân theo những nguyên tắc đích thực của tôn giáo liên quan đến sự kiềm chế về mặt luân lý đạo đức và thực thi những trách nhiệm và bổn phận cho nhau trong xã hội, thì sự an lạc và hài hoà tự nhiên sẽ xuất hiện.

Lời khuyên đơn giản mà đức Phật đã khuyên chư đệ tử Ngài trong bài pháp thuyết cho chàng thanh niên tên là Thiện Sanh (Sigalovada Sutta) liệt kê những trách nhiệm và bổn phận trong mối quan hệ giữa cha me-con cái; thầy-trò; chồng-vợ; bạn bè-láng giềng; chủ-thợ; sa môn, Bà-la-môn- đệ tử tại gia; bao hàm toàn bộ trách nhiệm đối với gia đình và xã hội của người tại gia. Khi chú giải về kinh này, Tiến sĩ Rhys Davids nhận xét: *“Chính ở trong bài kinh này mà học thuyết của đức Phật về tình thương và thiện chí giữa con người với con người được giới thiệu ở phương diện luân lý đạo đức gia đình và xã hội một cách chi tiết dễ hiểu hơn ở nơi nào khác. Và thậm chí cho đến ngày nay, chúng ta có thể nói rằng nền tảng giới luật của Phật giáo làm cơ sở nền tảng cho những vấn đề liên quan đến nhân loại. Hạnh phúc thay những ngôi làng hay bộ tộc trên dãy sông Hằng nơi mà con người sống với một tinh thần đầy sự cảm thông, một tinh thần thánh thiện về sự bình đẳng.*

Và bất hạnh hơn cho những ngôi làng hoặc những gia đình trú trên bờ sông Thames hiện nay”.

Thay vì phát triển tôn giáo thành mô hình của một triết lý sống, tôn giáo đã được phát triển thành một biệt ngữ triết học và trở thành một đề tài cho các nhà trí thức nghiên cứu và tranh luận. Việc thực hành mê tín dị đoan, thần thông và thuyết huyền nhiệm đã được giới thiệu nhằm mục đích khoe khoang sự vinh quang huy hoàng và thành đạt của tôn giáo mình so với tôn giáo khác. Tôn giáo đang được sử dụng để làm thoả mãn những yếu điểm của con người, cho lòng tham về vàng bạc và quyền uy. Bằng cách mời mọc những sự việc mang bản chất thế gian như thể tham gia vào trong lĩnh vực tôn giáo nhằm mục đích tiếp tục thực hiện một “ý đồ” mang danh nghĩa tôn giáo, những nhà lãnh đạo tôn giáo này phải hiểu rằng những điều này sẽ chỉ ngăn che hoặc tẩy sạch cái tinh hoa của tôn giáo và lối sống tâm linh, và những giá trị đích thực của tôn giáo sẽ càng trở nên mù mịt cho những thế hệ mai sau.

---o0o---

Trong Cái Rủi Vẫn Có Cái May

Liệu tôn giáo có thể mang lại sự an lạc và hạnh phúc cho nhân loại ngày nay hay không thực sự là một vấn đề thích đáng, đặc biệt dưới sự soi sáng của những phát triển gần đây ở một số nơi trên thế giới mà ở đó tôn giáo được biến thành một chiến trận. Chủ nghĩa vật chất, đạo đức giả và sự cuồng tín giả dạng dưới chiêu bài tôn giáo là một thảm hoạ vĩ đại nhất trong lịch sử nhân loại. Để lập lại những lỗi lầm và chiến thuật trong quá khứ ở một thời điểm khi mà những hội nghị lớn trên thế giới về tôn giáo và hoà bình đang được tổ chức và những lời tuyên ngôn cho nền hoà bình chung, tình huynh đệ, và sự hài hoà tôn giáo, sẽ là một việc mang bản chất đạo đức giả và sự ô nhục đối với xã hội loài người. Để hỗ trợ cho những hành động vô đạo đức như thể mang danh nghĩa tôn giáo là một sự chống lại, vi phạm khuôn phép lịch sự và chân giá trị của con người. Việc tranh đấu trên chiến trường vì sự hoà bình cho nhân loại là việc làm không đúng bởi vì hoà bình là khả năng chinh phục chính mình mà không gây ra sự thất bại cho người khác. Nó được hoàn toàn công nhận như là một điểm then chốt theo tinh thần vô ngã vị tha. Mặc dù một số nhà lãnh đạo tôn giáo đã chọn cho mình con đường đi bằng cách chính họ tham gia vào những cuộc chiến tranh tôn giáo vì lòng tham danh lợi và quyền uy thế tục, điều này không tượng trưng cho những cảnh giới của tôn giáo. Do vậy, điều đó được dành cho những con người có

đầu óc suy nghĩ và những người yêu chuộng hoà bình trong thời đại ngày nay phán đoán liệu những thái độ của những người buôn bán chiến tranh như thế là hợp lý theo tinh thần của tôn giáo hay không? Nếu nhân loại thực sự quan tâm đến việc tìm kiếm và hành động vì sự hoà bình và an lạc, hạnh phúc cho chính mình và cho những người khác thì vẫn còn thời gian đủ cho họ để làm những gì có thể bởi vì trong cái rủi vẫn có cái may. Những nguyên lý tôn giáo và giáo lý của tôn giáo đó xứng đáng cho sự tu tập của con người và có khả năng chứng nghiệm và giác ngộ bởi chính bản thân nên được duy trì và phát triển.

*“Tất cả những cánh cửa giải thoát
được mở ra hoàn toàn”.*

*“Dẫu tại bãi chiến trường,
Thắng ngàn ngàn quân địch,
Tự thắng mình tốt hơn,
Thật chiến thắng tối thượng”.*
(Pháp cú 103)

---o0o---
HẾT